ROBERT W. CHAMBERS

HOÀNG KIM VƯƠNG

Robert W. Chambers

DTV EBOOK

HOÀNG KIM VƯƠNG(SN)

The King in Yellow

Tác giả: Robert W. Chambers

Dịch giả: AI

Thể loại: Kinh Dị, Tâm Lý

Nguồn: DTV EBOOK



DTV-EBOOK.COM.VN

King in Yellow - Robert W. Chambers: Bilingual (English-Vi)

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

The Project Gutenberg eBook of The King in Yellow

Sách điện tử Project Gutenberg về Hoàng Kim Vương

This ebook is for the use of anyone anywhere in the United States and most other parts of the world at no cost and with almost no restrictions whatsoever. You may copy it, give it away or re-use it under the terms of the Project Gutenberg License included with this ebook or online at www.gutenberg.org. If you are not located in the United States, you will have to check the laws of the country where you are located before using this eBook.

Sách điện tử này dành cho việc sử dụng của bất kỳ ai ở bất kỳ nơi nào tại Hoa Kỳ và hầu hết các khu vực khác trên thế giới mà không tốn phí và gần như không có hạn chế nào. Bạn có thể sao chép, cho đi hoặc tái sử dụng nó theo các điều khoản của Giấy phép Project Gutenberg đi kèm với cuốn sách này hoặc trực tuyến tại www.gutenberg.org. Nếu bạn không đang ở tại Hoa Kỳ, bạn sẽ phải kiểm tra luật pháp của quốc gia mà bạn đang ở trước khi sử dụng cuốn sách điện tử này.

Title: The King in Yellow

Tiêu đề: Hoàng Kim Vương

Author: Robert W. Chambers

Tác giả: Robert W. Chambers

Release date: July 1, 2005 [eBook #8492] Most recently updated: August 23, 2017 Language: English Credits: Produced by Suzanne Shell, Beth Trapaga, Charles Franks, and the Online Distributed Proofreading Team. HTML version by Chuck Greif.

Ngày phát hành: 1 tháng 7 năm 2005 [eBook #8492] Cập nhật gần đây nhất: 23 tháng 8 năm 2017 Ngôn ngữ: Tiếng Anh Credits: Sản xuất bởi Suzanne Shell, Beth Trapaga, Charles Franks, và Đội ngũ Đọc và Kiểm tra trực tuyến. Phiên bản HTML bởi Chuck Greif.

*** START OF THE PROJECT GUTENBERG EBOOK THE KING IN YELLOW ***

*** BẮT ĐẦU CỦA SÁCH ĐIỆN TỬ PROJECT GUTENBERG HOÀNG KIM VƯƠNG ***

THE KING IN YELLOW BY ROBERT W. CHAMBERS Original publication date: 1895 THE KING IN YELLOW IS DEDICATED TO MY BROTHER THE REPAIRER OF REPUTATIONS I "Ne raillons pas les fous; leur folie dure plus longtemps que la nôtre.... Voila toute la différence."

HOÀNG KIM VƯƠNG BỞI ROBERT W. CHAMBERS Ngày xuất bản ban đầu: 1895 HOÀNG KIM VƯƠNG ĐƯỢC DÀNH CHO ANH EM TÔI NGƯỜI SỬA CHỮA DANH TIẾNG CỦA TÔI I "Hãy không chế nhạo những kẻ điên; sự điên cuồng của họ kéo dài lâu hơn của chúng ta... Đó là sự khác biệt duy nhất."

The fall from my horse had fortunately left no evil results; on the contrary it had changed my whole character for the better. From a lazy young man about town, I had become active, energetic, temperate, and above all—oh, above all else—ambitious. There was only one thing which troubled me, I laughed at my own uneasiness, and yet it troubled me. During my convalescence I had bought and read for the first time, The King in Yellow. I remember after finishing the first act that it occurred to me that I had better stop. I started up and flung the book into the fireplace; the volume struck the barred grate and fell open on the hearth in the firelight. If I had not caught a glimpse of the opening words in the second act I should never

have finished it, but as I stooped to pick it up, my eyes became riveted to the open page, and with a cry of terror, or perhaps it was of joy so poignant that I suffered in every nerve, I snatched the thing out of the coals and crept shaking to my bedroom, where I read it and reread it, and wept and laughed and trembled with a horror which at times assails me yet. This is the thing that troubles me, for I cannot forget Carcosa where black stars hang in the heavens; where the shadows of men's thoughts lengthen in the afternoon, when the twin suns sink into the lake of Hali; and my mind will bear for ever the memory of the Pallid Mask. I pray God will curse the writer, as the writer has cursed the world with this beautiful, stupendous creation, terrible in its simplicity, irresistible in its truth—a world which now trembles before the King in Yellow. When the French Government seized the translated copies which had just arrived in Paris, London, of course, became eager to read it. It is well known how the book spread like an infectious disease, from city to city, from continent to continent, barred out here, confiscated there, denounced by Press and pulpit, censured even by the most advanced of literary anarchists. No definite principles had been violated in those wicked pages, no doctrine promulgated, no convictions outraged. It could not be judged by any known standard, yet, although it was acknowledged that the supreme note of art had been struck in The King in Yellow, all felt that human nature could not bear the strain, nor thrive on words in which the essence of purest poison lurked. The very banality and innocence of the first act only allowed the blow to fall afterward with more awful effect.

Việc rơi từ ngựa của tôi may mắn không gây ra hậu quả tệ hại; ngược lại, nó đã thay đổi toàn bộ tính cách của tôi cho tốt hơn. Từ một chàng trai lười biếng ở thành phố, tôi đã trở thành một người năng động, nhiệt huyết, điều độ và hơn hết—oh, trên hết mọi thứ—đầy tham vọng. Chỉ có một điều làm phiền tôi, tôi cười nhạo chính sự không yên của mình, và tuy nhiên, nó vẫn làm phiền tôi. Trong quá trình phục hồi sức khỏe, tôi đã mua và đọc

lần đầu tiên cuốn sách The King in Yellow. Tôi nhớ sau khi đọc xong hồi diễn đầu tiên, tôi nghĩ rằng tốt nhất là dừng lại. Tôi đứng dậy và ném cuốn sách vào lò sưởi; cuốn sách đập vào lưới chắn và rơi mở trên lò sưởi trong ánh lửa. Nếu không phải vì tôi đã nhìn thấy một phần của từ đầu tiên trong hồi diễn thứ hai, tôi sẽ không bao giờ đọc hết, nhưng khi tôi cúi xuống để lấy nó, đôi mắt tôi đã bị mắc kẹt vào trang sách mở, và với một tiếng kinh hãi, hoặc có lẽ đó là niềm vui đến đau đớn khiến tôi chịu đau đớn ở mỗi dây thần kinh, tôi vồ lấy thứ đó khỏi than và trườn run rẩy vào phòng ngủ của mình, nơi tôi đọc và đọc lại nó, và khóc và cười và run rẩy với một nỗi kinh hoàng mà đôi khi vẫn ám ảnh tôi. Đây là điều làm phiền tôi, vì tôi không thể quên Carcosa nơi những ngôi sao đen treo trên bầu trời; nơi bóng tối của suy tư của con người kéo dài vào buổi chiều, khi hai mặt trời đôi lặn vào hồ Hali; và tâm trí của tôi sẽ luôn mang trong mình ký ức về Mặt Na Xám. Tôi cầu xin Chúa sẽ nguyền rủa người viết, như người viết đã nguyền rủa thế giới với sự tạo ra tuyệt đẹp, khổng lồ này, kinh khủng trong sự đơn giản của nó, không thể cưỡng lại trong sự thật của nó—một thế giới hiện giờ run rẩy trước Hoàng Kim Vương. Khi Chính phủ Pháp bắt giữ các bản dịch mới đến Paris, London, tất nhiên, trở nên háo hức để đọc nó. Mọi người đều biết cách cuốn sách lan ra như một căn bệnh lây nhiễm, từ thành phố này sang thành phố khác, từ lục địa này sang lục địa khác, bị cấm ở đây, bị tịch thu ở đó, bị lên án bởi Báo chí và bục giảng, bị chỉ trích thậm chí bởi những người theo chủ nghĩa văn học tiến bộ nhất. Không có nguyên tắc cụ thể nào đã bị vi phạm trong những trang sách tà ác ấy, không có tín ngưỡng nào được công bố, không có niềm tin nào bị xúc phạm. Nó không thể được đánh giá theo bất kỳ tiêu chuẩn nào đã biết, tuy nhiên, mặc dù mọi người đều thừa nhận rằng nốt nhạc cực kỳ của nghệ thuật đã được đánh trúng trong Hoàng Kim Vương, tất cả cảm thấy rằng bản chất của con người không thể chịu đựng được áp lực, cũng như không thể phát triển trên những lời từ mà bản chất của thuốc độc tinh nhất lẫn trong đó. Sự tầm thường và trong sáng của hồi diễn đầu tiên chỉ khiến cho cú đánh sau đó rơi với hiệu quả đáng sơ hơn.

It was, I remember, the 13th day of April, 1920, that the first Government Lethal Chamber was established on the south side of Washington Square, between Wooster Street and South Fifth Avenue. The block which had formerly consisted of a lot of shabby old buildings, used as cafés and restaurants for foreigners, had been acquired by the Government in the winter of 1898. The French and Italian cafés and restaurants were torn down; the whole block was enclosed by a gilded iron railing, and converted into a lovely garden with lawns, flowers and fountains. In the centre of the garden stood a small, white building, severely classical in architecture, and surrounded by thickets of flowers. Six Ionic columns supported the roof, and the single door was of bronze. A splendid marble group of the "Fates" stood before the door, the work of a young American sculptor, Boris Yvain, who had died in Paris when only twentythree years old.

Tôi nhớ, đó là ngày 13 tháng 4, 1920, rằng Lethal Chamber Chính phủ đầu tiên đã được thành lập ở phía nam của Washington Square, giữa Wooster Street và South Fifth Avenue. Cụm nhà cũ mà từng bao gồm một loạt các tòa nhà cũ xơ xác, được sử dụng như các quán cà phê và nhà hàng cho người nước ngoài, đã được Chính phủ mua lại vào mùa đông năm 1898. Các quán cà phê và nhà hàng Pháp và Ý đã bị phá bỏ; cả cụm nhà đã được bao quanh bởi một hàng rào sắt mạ vàng, và biến thành một khu vườn đẹp với bãi cỏ, hoa và đài phun nước. Ở trung tâm của khu vườn đứng một tòa nhà nhỏ, màu trắng, cổ điển nghiêm khắc về kiến trúc, và bao quanh bởi rừng cây hoa. Sáu cột Ionic chống nắp và cánh cửa đơn là đồng. Một nhóm tượng mộc thạch tuyệt vời của "Thần số phận" đứng trước cánh cửa, công trình của một nhà điêu khắc trẻ người Mỹ, Boris Yvain, người đã qua đời ở Paris khi chỉ mới hai mươi ba tuổi.

The inauguration ceremonies were in progress as I crossed University Place and entered the square. I threaded my way through the silent throng of spectators, but was stopped at Fourth Street by a cordon of police. A regiment of United States lancers were drawn up in a hollow square round the Lethal Chamber. On a raised tribune facing Washington Park stood the Governor of New York, and behind him were grouped the Mayor of New York and Brooklyn, the Inspector-General of Police, the Commandant of the state troops, Colonel Livingston, military aid to the President of the United States, General Blount, commanding at Governor's Island, Major-General Hamilton, commanding the garrison of New York and Brooklyn, Admiral Buffby of the fleet in the North River, Surgeon-General Lanceford, the staff of the National Free Hospital, Senators Wyse and Franklin of New York, and the Commissioner of Public Works. The tribune was surrounded by a squadron of hussars of the National Guard.

Các nghi lễ khai mạc đang diễn ra khi tôi băng qua University Place và bước vào quảng trường. Tôi đi qua đám đông yên lặng của khán giả, nhưng bị dừng lại ở đường Fourth bởi một vòng cảnh sát. Một đội quân lực lượng đánh bộ của Hoa Kỳ đã được hình thành thành một hình vuông hốt quanh Lethal Chamber. Trên một bục cao nhìn ra Washington Park đứng Thống đốc New York, và phía sau ông là nhóm gồm Thị trưởng New York và Brooklyn, Tổng Thanh tra Cảnh sát, Tư lệnh lực lượng quân đội bang, Đại tá Livingston, cố vấn quân sự cho Tổng thống Hoa Kỳ, Tướng Blount, chỉ huy tại Đảo của Thống đốc, Đại tướng Hamilton, chỉ huy đồn New York và Brooklyn, Đô đốc Buffby của hạm đội ở Sông North River, Tiến sĩ Lanceford, nhân viên của Bệnh viện Miễn phí Quốc gia, Thượng nghị sĩ Wyse và Franklin của New York, và Ủy viên Bộ Công trình. Bục cao được bao quanh bởi một đội hussars của Lực lượng Dự bị Quốc gia.

The Governor was finishing his reply to the short speech of the Surgeon-General. I heard him say: "The laws prohibiting suicide and providing punishment for any attempt at self-destruction have been repealed. The Government has seen fit to acknowledge the right of man to end an existence which may

have become intolerable to him, through physical suffering or mental despair. It is believed that the community will be benefited by the removal of such people from their midst. Since the passage of this law, the number of suicides in the United States has not increased. Now the Government has determined to establish a Lethal Chamber in every city, town and village in the country, it remains to be seen whether or not that class of human creatures from whose desponding ranks new victims of self-destruction fall daily will accept the relief thus provided." He paused, and turned to the white Lethal Chamber. The silence in the street was absolute. "There a painless death awaits him who can no longer bear the sorrows of this life. If death is welcome let him seek it there." Then quickly turning to the military aid of the President's household, he said, "I declare the Lethal Chamber open," and again facing the vast crowd he cried in a clear voice: "Citizens of New York and of the United States of America, through me the Government declares the Lethal Chamber to be open."

Thống đốc đang kết thúc câu trả lời của mình trước bài phát biểu ngắn của Tiến sĩ Lanceford. Tôi nghe ông nói: "Những luật cấm tự tử và cung cấp hình phạt cho mọi nỗ lực tự tử đã bị hủy bỏ. Chính phủ đã quyết định công nhận quyền của con người kết thúc một cuộc sống có thể đã trở nên không thể chịu đựng với anh ta, qua cảm giác đau đớn về thể chất hoặc tuyệt vong tinh thần. Tin rằng cộng đồng sẽ được lợi ích bằng cách loại bỏ những người như vậy khỏi giữa họ. Kể từ khi luật này được thông qua, số lượng tự tử ở Hoa Kỳ không tăng lên. Bây giờ Chính phủ đã quyết định thiết lập một Lethal Chamber ở mỗi thành phố, thị trấn và làng xóm trên khắp đất nước, chưa rõ liệu hay không nhóm người loài người từ những người suy sụp hàng ngày sẽ chấp nhận sự giúp đỡ được cung cấp này." Ông dừng lại, và quay lại Lethal Chamber màu trắng. Sự yên lặng trên đường phố là tuyệt đối. "Ở đó, một cái chết không đau đớn đang chờ đợi người không thể chịu đựng nỗi đau của cuộc sống này nữa. Nếu cái chết được chào đón, hãy để anh ta tìm nó ở đó." Rồi nhanh chóng quay lại cố vấn quân sự của gia đình Tổng thống, ông nói, "Tôi tuyên bố Lethal Chamber mở cửa," và một lần nữa hướng về đám đông đảo ông hét lớn bằng một giọng rõ ràng: "Các công dân của New York và của Hoa Kỳ, thông qua tôi Chính phủ tuyên bố Lethal Chamber mở cửa."

I glanced in at the doorway and saw Hawberk busy in his little shop at the end of the hall. He looked up, and catching sight of me cried in his deep, hearty voice, "Come in, Mr. Castaigne!" Constance, his daughter, rose to meet me as I crossed the threshold, and held out her pretty hand, but I saw the blush of disappointment on her cheeks, and knew that it was another Castaigne she had expected, my cousin Louis. I smiled at her confusion and complimented her on the banner she was embroidering from a coloured plate. Old Hawberk sat riveting the worn greaves of some ancient suit of armour, and the ting! ting! ting! of his little hammer sounded pleasantly in the quaint shop. Presently he dropped his hammer, and fussed about for a moment with a tiny wrench. The soft clash of the mail sent a thrill of pleasure through me. I loved to hear the music of steel brushing against steel, the mellow shock of the mallet on thigh pieces, and the jingle of chain armour. That was the only reason I went to see Hawberk. He had never interested me personally, nor did Constance, except for the fact of her being in love with Louis. This did occupy my attention, and sometimes even kept me awake at night. But I knew in my heart that all would come right, and that I should arrange their future as I expected to arrange that of my kind doctor, John Archer. However, I should never have troubled myself about visiting them just then, had it not been, as I say, that the music of the tinkling hammer had for me this strong fascination. I would sit for hours, listening and listening, and when a stray sunbeam struck the inlaid steel, the sensation it gave me was almost too keen to endure. My eyes would become fixed, dilating with a pleasure that stretched every nerve almost to breaking, until some movement of the old armourer cut off the ray of sunlight, then, still thrilling secretly,

I leaned back and listened again to the sound of the polishing rag, swish! swish! rubbing rust from the rivets.

Tôi liếc qua cửa và thấy Hawberk đang bân rôn trong cửa hàng nhỏ của mình ở cuối hành lang. Anh nhìn lên và khi nhìn thấy tôi, anh la hét bằng giọng nồng nhiệt, "Vào đi, ông Castaigne!" Constance, con gái anh, đứng lên để đón tôi khi tôi bước qua ngưỡng cửa, và giơ ra bàn tay xinh xắn, nhưng tôi thấy sự thất vọng trên khuôn mặt của cô, và biết rằng cô đã mong đợi một Castaigne khác, người em họ Louis của tôi. Tôi mim cười trước sư lúng túng của cô và khen ngơi chiếc lá cờ mà cô đang thêu từ một bức ảnh nhiều màu. Hawberk già ngồi đóng chặt những chiếc nòng cũ của một bộ giáp cổ, và tiếng ting! ting! ting! của chiếc búa nhỏ của anh ta nghe dễ chiu trong cửa hàng la mắt đó. Chẳng bao lâu sau, anh thả chiếc búa xuống và nghịch ngợm với một chiếc cờ lê nhỏ. Âm thanh nhẹ nhàng của áo giáp gửi một cảm giác vui mừng qua tôi. Tôi yêu thích nghe âm nhạc của thép va cham vào thép, tiếng manh mẽ của búa trên mảnh đùi, và tiếng kêu của áo giáp xích. Đó là lý do duy nhất khiến tôi đến thăm Hawberk. Anh ta chưa bao giờ khiến tôi quan tâm cá nhân, và cũng không phải Constance, ngoại trừ việc cô đạng yêu Louis. Điều này đã chiếm trọn sự chú ý của tôi, và đôi khi thậm chí khiến tôi thức trắng đêm. Nhưng tôi biết trong lòng rằng mọi việc sẽ ổn, và rằng tôi sẽ sắp xếp tương lai của họ như tôi mong đơi sắp xếp tương lai của bác sĩ tốt bung của tôi, John Archer. Tuy nhiên, tôi không bao giờ lo lắng về việc ghé thăm họ vào lúc đó, nếu không phải vì âm nhạc của chiếc búa lanh lảnh đã tạo ra sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với tôi. Tôi sẽ ngồi hàng giờ, nghe và nghe, và khi một tia nắng lạc vào mảnh đồng hồ, cảm giác mà nó mang lại cho tôi gần như quá mạnh mẽ để chịu đựng. Đôi mắt của tôi trở nên cố định, mở to với một niềm vui kéo căng mọi dây thần kinh gần như đến giới hạn, cho đến khi một cử động của thợ giáp già cắt lớp tia nắng, sau đó, vẫn cảm thấy hồi hộp một cách bí mật, tôi nghiêng lưng lại và nghe lại âm thanh của khăn lau bóng, swish! swish! lau sạch gỉ từ cọc.

Constance worked with the embroidery over her knees, now and then pausing to examine more closely the pattern in the coloured plate from the Metropolitan Museum. "Who is this for?" I asked. Hawberk explained, that in addition to the treasures of armour in the Metropolitan Museum of which he had been appointed armourer, he also had charge of several collections belonging to rich amateurs. This was the missing greave of a famous suit which a client of his had traced to a little shop in Paris on the Quai d'Orsay. He, Hawberk, had negotiated for and secured the greave, and now the suit was complete. He laid down his hammer and read me the history of the suit, traced since 1450 from owner to owner until it was acquired by Thomas Stainbridge. When his superb collection was sold, this client of Hawberk's bought the suit, and since then the search for the missing greave had been pushed until it was, almost by accident, located in Paris. "Did you continue the search so persistently without any certainty of the greave being still in existence?" I demanded. "Of course," he replied coolly. Then for the first time I took a personal interest in Hawberk. "It was worth something to you," I ventured. "No," he replied, laughing, "my pleasure in finding it was my reward." "Have you no ambition to be rich?" I asked, smiling. "My one ambition is to be the best armourer in the world," he answered gravely. Constance asked me if I had seen the ceremonies at the Lethal Chamber. She herself had noticed cavalry passing up Broadway that morning, and had wished to see the inauguration, but her father wanted the banner finished, and she had stayed at his request. "Did you see your cousin, Mr. Castaigne, there?" she asked, with the slightest tremor of her soft eyelashes. "No," I replied carelessly. "Louis' regiment is manœuvring out in Westchester County." I rose and picked up my hat and cane. "Are you going upstairs to see the lunatic again?" laughed old Hawberk.

Constance làm việc với việc thêu trên đầu gối của mình, đôi khi dừng lại để xem xét kỹ hơn mẫu trên bản vẽ nhiều màu từ Bảo

tàng Metropolitan. "Đây là cho ai?" Tôi hỏi. Hawberk giải thích, rằng ngoài những kho báu về giáp ở Bảo tàng Metropolitan mà anh ta đã được bổ nhiệm làm thợ giáp, anh ta cũng phụ trách một số bộ sưu tập của những người yêu giáp giàu có. Đây là chiếc nòng bị mất của một bộ giáp nổi tiếng mà một khách hàng của anh ta đã tìm ra trong một cửa hàng nhỏ ở Paris trên Quai d'Orsay. Anh ta, Hawberk, đã thương lượng và bảo đảm chiếc nòng, và bây giờ bộ giáp đã hoàn chỉnh. Anh ta đặt búa xuống và đọc cho tôi câu chuyện về bộ giáp, được tìm ra từ năm 1450 từ chủ nhân này sang chủ nhân khác cho đến khi nó được Thomas Stainbridge sở hữu. Khi bộ sưu tập xuất sắc của anh ta được bán, khách hàng của Hawberk đã mua bộ giáp, và từ đó việc tìm kiếm chiếc nòng bị mất đã được đẩy mạnh cho đến khi nó, gần như theo vô tình, được tìm thấy ở Paris. "Liệu bạn có tiếp tục tìm kiếm một cách kiên trì mà không có sự chắc chắn rằng chiếc nòng vẫn tồn tại không?" Tôi đòi hỏi. "Tất nhiên," anh ta trả lời lạnh lùng. Lần đó là lần đầu tiên tôi quan tâm cá nhân đến Hawberk. "Điều đó đáng giá với bạn," tôi đoán. "Không," anh ta trả lời, cười, "niềm vui của tôi khi tìm thấy nó là phần thưởng của tôi." "Liệu bạn có hoài bão trở nên giàu có không?" Tôi hỏi, mim cười. "Hoài bão duy nhất của tôi là trở thành thợ giáp giỏi nhất thế giới," anh trả lời nghiệm túc. Constance hỏi tôi xem các nghi lễ tại Phòng Chết Chóc. Chính cô đã nhìn thấy binh đoàn đi qua Broadway sáng hôm đó, và muốn xem lễ tuyển chọn, nhưng cha cô muốn chiếc lá cờ hoàn thành, và cô đã ở lại theo yêu cầu của ông. "Bạn đã thấy người em họ, ông Castaigne, ở đó chưa?" cô hỏi, với sự run rẩy nhẹ nhàng của hàng mi mềm mại. "Không," tôi trả lời một cách lơ đãng. "Trận động độ của Louis đang diễn ra ở Quận Westchester." Tôi đứng dậy và cầm nón và gậy. "Bạn sẽ lên trên để xem kẻ điên nữa à?" cụ Hawberk cười.

If Hawberk knew how I loathe that word "lunatic," he would never use it in my presence. It rouses certain feelings within me which I do not care to explain. However, I answered him quietly: "I think I shall drop in and see Mr. Wilde for a moment or two." "Poor fellow," said Constance, with a shake of the head, "it must be hard to live alone year after year poor, crippled and almost demented. It is very good of you, Mr. Castaigne, to visit him as often as you do." "I think he is vicious," observed Hawberk, beginning again with his hammer. I listened to the golden tinkle on the greave plates; when he had finished I replied: "No, he is not vicious, nor is he in the least demented. His mind is a wonder chamber, from which he can extract treasures that you and I would give years of our life to acquire." Hawberk laughed. I continued a little impatiently: "He knows history as no one else could know it. Nothing, however trivial, escapes his search, and his memory is so absolute, so precise in details, that were it known in New York that such a man existed, the people could not honour him enough." "Nonsense," muttered Hawberk, searching on the floor for a fallen rivet. "Is it nonsense," I asked, managing to suppress what I felt, "is it nonsense when he says that the tassets and cuissards of the enamelled suit of armour commonly known as the 'Prince's Emblazoned' can be found among a mass of rusty theatrical properties, broken stoves and ragpicker's refuse in a garret in Pell Street?" Hawberk's hammer fell to the ground, but he picked it up and asked, with a great deal of calm, how I knew that the tassets and left cuissard were missing from the "Prince's Emblazoned." "I did not know until Mr. Wilde mentioned it to me the other day. He said they were in the garret of 998 Pell Street." "Nonsense," he cried, but I noticed his hand trembling under his leathern apron. "Is this nonsense too?" I asked pleasantly, "is it nonsense when Mr. Wilde continually speaks of you as the Marquis of Avonshire and of Miss Constance—" I did not finish, for Constance had started to her feet with terror written on every feature. Hawberk looked at me and slowly smoothed his leathern apron. "That is impossible," he observed, "Mr. Wilde may know a great many things—" "About armour, for instance, and the 'Prince's Emblazoned," I interposed, smiling. "Yes," he continued, slowly, "about armour also—may be—but he is wrong in regard to the Marquis of Avonshire, who, as you know, killed his wife's traducer years ago, and went to Australia where he did not long

survive his wife." "Mr. Wilde is wrong," murmured Constance. Her lips were blanched, but her voice was sweet and calm. "Let us agree, if you please, that in this one circumstance Mr. Wilde is wrong," I said.

Nếu Hawberk biết tôi ghê tởm từng từ "kẻ điên," anh ta sẽ không bao giờ sử dụng nó trước mặt tôi. Nó đánh thức những cảm xúc nhất định trong tôi mà tôi không muốn giải thích. Tuy nhiên, tôi trả lời anh ta một cách yên lặng: "Tôi nghĩ tôi sẽ ghé thăm ông Wilde một chút." "Thương xót quá," Constance nói, gật đầu, "phải sống một mình từng năm, nghèo, tàn tật và gần như điên rồ. Rất tốt của bạn, ông Castaigne, đã thăm anh ấy nhiều như thế." "Tôi nghĩ anh ta xấu xa," Hawberk quan sát, bắt đầu lại với chiếc búa của mình. Tôi nghe tiếng chuông vàng trên các tấm nòng; khi anh ta đã hoàn thành, tôi trả lời: "Không, anh ta không xấu xa, cũng không hề điên rồ. Tâm trí anh ta như một phòng kỳ diệu, từ đó anh ta có thể khai thác những kho báu mà bạn và tôi sẽ phải dành nhiều năm cuộc đời để có được." Hawberk cười.

When he had double-locked the door and pushed a heavy chest against it, he came and sat down beside me, peering up into my face with his little light-coloured eyes. Half a dozen new scratches covered his nose and cheeks, and the silver wires which supported his artificial ears had become displaced. I thought I had never seen him so hideously fascinating. He had no ears. The artificial ones, which now stood out at an angle from the fine wire, were his one weakness. They were made of wax and painted a shell pink, but the rest of his face was yellow. He might better have revelled in the luxury of some artificial fingers for his left hand, which was absolutely fingerless, but it seemed to cause him no inconvenience, and he was satisfied with his wax ears. He was very small, scarcely higher than a child of ten, but his arms were magnificently developed, and his thighs as thick as any athlete's. Still, the most remarkable thing about Mr. Wilde was that a man of his marvellous intelligence and knowledge should have such a head. It was flat and pointed, like the heads of many of those unfortunates whom people imprison in asylums for the weak-minded. Many called him insane, but I knew him to be as sane as I was.

Khi anh đã khóa cửa kép và đẩy một chiếc rương nặng chống cửa, anh đến và ngồi bên cạnh tôi, nhìn lên khuôn mặt tôi với đôi mắt màu sáng nhỏ. Một nửa chục vết trầy mới trên mũi và má, và dây bạc hỗ trợ tai giả của anh đã bị lệch. Tôi nghĩ rằng tôi chưa bao giờ thấy anh ấy đáng sợ và cuốn hút đến vậy. Anh ấy không có tai. Những chiếc tai giả, giờ đứng ra một góc từ sợi tinh tế, là điểm yếu duy nhất của anh ấy. Chúng được làm bằng sáp và sơn màu hồng sáng, nhưng phần còn lại của khuôn mặt anh màu vàng. Anh ấy có thể tốt hơn nên thích sư xa hoa của một số ngón tay giả cho tay trái của mình, mà hoàn toàn không có ngón tay, nhưng dường như không gây bất kỳ bất tiện nào cho anh ấy, và anh ấy hài lòng với tai sáp của mình. Anh ấy rất nhỏ, gần như cao bằng một đứa trẻ mười tuổi, nhưng cánh tay của anh ấy phát triển tuyệt vời, và đùi của anh ấy dày như bất kỳ vận động viên nào. Tuy nhiên, điều đáng chú ý nhất về ông Wilde là một người có trí thông minh phi thường và kiến thức như anh ấy lại có một cái đầu như vậy. Nó phẳng và nhọn, giống như cái đầu của nhiều người bất hạnh mà người ta giam giữ trong các trại dưỡng tâm cho người yếu đuối. Nhiều người gọi anh ấy là điện, nhưng tôi biết anh ấy đúng như tôi.

I do not deny that he was eccentric; the mania he had for keeping that cat and teasing her until she flew at his face like a demon, was certainly eccentric. I never could understand why he kept the creature, nor what pleasure he found in shutting himself up in his room with this surly, vicious beast. I remember once, glancing up from the manuscript I was studying by the light of some tallow dips, and seeing Mr. Wilde squatting motionless on his high chair, his eyes fairly blazing with excitement, while the cat, which had risen from her place before the stove, came creeping across the floor right at him.

Before I could move she flattened her belly to the ground, crouched, trembled, and sprang into his face. Howling and foaming they rolled over and over on the floor, scratching and clawing, until the cat screamed and fled under the cabinet, and Mr. Wilde turned over on his back, his limbs contracting and curling up like the legs of a dying spider. He was eccentric.

Tôi không phủ nhận rằng anh ấy lập dị; cái ám ảnh mà anh ấy có với việc giữ con mèo đó và chọc nó cho tới khi nó tấn công vào khuôn mặt anh ấy như một con ác quỷ, chắc chắn là lập di. Tôi không bao giờ hiểu tại sao anh ấy giữ loài vật đó, cũng như niềm vui anh ấy tìm thấy khi tự khép mình trong phòng với con thú hung dữ, cáu kỉ đó. Tôi nhớ một lần, nhìn lên từ bản thảo tôi đang nghiên cứu dưới ánh sáng của một số nến dầu, và thấy ông Wilde ngồi im lì trên chiếc ghế cao của mình, đôi mắt sáng lên với sự hồi hộp, trong khi con mèo, đã đứng dây từ chỗ của nó trước bếp lò, đến từng bước qua sàn nhà ngay về phía anh ấy. Trước khi tôi kịp di chuyển, nó nằm phẳng bụng xuống đất, cúi đầu, run rẩy, và nhảy vào mặt anh ấy. Khiến cho họ la hét và bọt miệng, họ cuộn tròn và tròn tròn trên sàn nhà, cào và xước, cho tới khi con mèo kêu lên và bỏ chay dưới tủ, và ông Wilde lăn ngửa, các chi nhấp nhô và cuộn tròn như chân của một con nhện đang chết. Anh ấy lập dị.

Mr. Wilde had climbed into his high chair, and, after studying my face, picked up a dog's-eared ledger and opened it. "Henry B. Matthews," he read, "book-keeper with Whysot Whysot and Company, dealers in church ornaments. Called April 3rd. Reputation damaged on the race-track. Known as a welcher. Reputation to be repaired by August 1st. Retainer Five Dollars." He turned the page and ran his fingerless knuckles down the closely-written columns. "P. Greene Dusenberry, Minister of the Gospel, Fairbeach, New Jersey. Reputation damaged in the Bowery. To be repaired as soon as possible. Retainer \$100." He coughed and added, "Called, April 6th." "Then you are not in need of money, Mr. Wilde," I inquired. "Listen," he coughed

again. "Mrs. C. Hamilton Chester, of Chester Park, New York City. Called April 7th. Reputation damaged at Dieppe, France. To be repaired by October 1st Retainer \$500. "Note.—C. Hamilton Chester, Captain U.S.S. 'Avalanche', ordered home from South Sea Squadron October 1st." "Well," I said, "the profession of a Repairer of Reputations is lucrative." His colourless eyes sought mine, "I only wanted to demonstrate that I was correct. You said it was impossible to succeed as a Repairer of Reputations; that even if I did succeed in certain cases it would cost me more than I would gain by it. To-day I have five hundred men in my employ, who are poorly paid, but who pursue the work with an enthusiasm which possibly may be born of fear. These men enter every shade and grade of society; some even are pillars of the most exclusive social temples; others are the prop and pride of the financial world; still others, hold undisputed sway among the 'Fancy and the Talent.' I choose them at my leisure from those who reply to my advertisements. It is easy enough, they are all cowards. I could treble the number in twenty days if I wished. So you see, those who have in their keeping the reputations of their fellow-citizens, I have in my pay."

Ông Wilde đã leo lên chiếc ghế cao của mình, và, sau khi nghiên cứu khuôn mặt tôi, ông nhặt một quyển sổ bị rách và mở ra. "Henry B. Matthews," ông đọc, "thủ quỹ với Whysot Whysot và Công ty, đại lý bán đồ trang trí nhà thờ. Gọi tên vào ngày 3 tháng 4. Danh tiếng bị hỏng trên đường đua. Được biết đến là người không chịu trách nhiệm. Danh tiếng cần được sửa chữa vào ngày 1 tháng 8. Tiền đặt cọc Năm Đô la." Ông quay trang và chạy ngón tay không có ngón xuống các cột được viết kỹ lưỡng. "P. Greene Dusenberry, Mục sư của Tin Lành, Fairbeach, New Jersey. Danh tiếng bị hỏng ở Bowery. Cần được sửa chữa ngay lập tức. Tiền đặt cọc \$100." Ông ho ho và thêm, "Gọi tên, ngày 6 tháng 4." "Vậy bạn không cần tiền, ông Wilde," tôi hỏi. "Nghe," ông ho ho lại. "Bà C. Hamilton Chester, của Chester Park, New York City. Gọi tên vào ngày 7 tháng 4. Danh tiếng bị hỏng tại Dieppe, Pháp. Cần được sửa chữa vào ngày 1 tháng 10 Tiền đặt

coc \$500. "Ghi chú.— C. Hamilton Chester, Đại úy U.S.S. 'Avalanche', được ra lệnh về nhà từ Đội Biển Đông vào ngày 1 tháng 10." "Vậy," tôi nói, "nghề Sửa chữa Danh tiếng là lợi nhuận." Đôi mắt không màu của ông nhìn vào tôi, "Tôi chỉ muốn chứng minh rằng tôi đúng. Bạn nói rằng không thể thành công với nghề Sửa chữa Danh tiếng; rằng ngay cả khi tôi thành công trong một số trường hợp nhất định, nó sẽ tốn kém hơn so với lợi nhuận mà tôi có thể đạt được. Hiện nay, tôi có năm trăm người trong dịch vụ của mình, họ được trả lương thấp, nhưng họ làm việc với sự nhiệt huyết có lẽ có nguồn gốc từ sợ hãi. Những người này tham gia vào mọi mức và lớp xã hội; một số thậm chí là trụ cột của những đền thờ xã hội đắt giá nhất; những người khác là trụ cột và tự hào của thế giới tài chính; những người khác, giữ quyền lực không thể tranh cãi trong 'Dạ hội và Tài năng.' Tôi chọn họ thoải mái từ những người trả lời quảng cáo của tôi. Dễ dàng thôi, họ đều là những kể hèn nhát. Tôi có thể tăng gấp ba lần số lượng trong hai mươi ngày nếu tôi muốn. Vậy nên, những người giữ danh tiếng của đồng bào, tôi đã có trong lương của mình.

I started to reply, but a sudden burst of military music from the street below drowned my voice. The twentieth dragoon regiment, formerly in garrison at Mount St. Vincent, was returning from the manœuvres in Westchester County, to its new barracks on East Washington Square. It was my cousin's regiment. They were a fine lot of fellows, in their pale blue, tight-fitting jackets, jaunty busbys and white riding breeches with the double yellow stripe, into which their limbs seemed moulded. Every other squadron was armed with lances, from the metal points of which fluttered yellow and white pennons. The band passed, playing the regimental march, then came the colonel and staff, the horses crowding and trampling, while their heads bobbed in unison, and the pennons fluttered from their lance points. The troopers, who rode with the beautiful English seat, looked brown as berries from their bloodless campaign among the farms of Westchester, and the music of their sabres against the stirrups, and the jingle of spurs and carbines was delightful to me. I saw Louis riding with his squadron. He was as handsome an officer as I have ever seen. Mr. Wilde, who had mounted a chair by the window, saw him too, but said nothing. Louis turned and looked straight at Hawberk's shop as he passed, and I could see the flush on his brown cheeks. I think Constance must have been at the window. When the last troopers had clattered by, and the last pennons vanished into South Fifth Avenue, Mr. Wilde clambered out of his chair and dragged the chest away from the door.

"Yes," he said, "it is time that you saw your cousin Louis." He unlocked the door and I picked up my hat and stick and stepped into the corridor. The stairs were dark. Groping about, I set my foot on something soft, which snarled and spit, and I aimed a murderous blow at the cat, but my cane shivered to splinters against the balustrade, and the beast scurried back into Mr. Wilde's room. Passing Hawberk's door again I saw him still at work on the armour, but I did not stop, and stepping out into Bleecker Street, I followed it to Wooster, skirted the grounds of the Lethal Chamber, and crossing Washington Park went straight to my rooms in the Benedick. Here I lunched comfortably, read the Herald and the Meteor, and finally went to the steel safe in my bedroom and set the time combination. The three and three-quarter minutes which it is necessary to wait, while the time lock is opening, are to me golden moments. From the instant I set the combination to the moment when I grasp the knobs and swing back the solid steel doors, I live in an ecstasy of expectation. Those moments must be like moments passed in Paradise. I know what I am to find at the end of the time limit. I know what the massive safe holds secure for me, for me alone, and the exquisite pleasure of waiting is hardly enhanced when the safe opens and I lift, from its velvet crown, a diadem of purest gold, blazing with diamonds. I do this every day, and yet the joy of waiting and at last touching again the diadem, only seems to increase as the days pass. It is a diadem fit for a King among kings, an Emperor among emperors. The King in Yellow might scorn it, but it shall be worn by his royal servant.

I held it in my arms until the alarm in the safe rang harshly, and then tenderly, proudly, I replaced it and shut the steel doors. I walked slowly back into my study, which faces Washington Square, and leaned on the window sill. The afternoon sun poured into my windows, and a gentle breeze stirred the branches of the elms and maples in the park, now covered with buds and tender foliage. A flock of pigeons circled about the tower of the Memorial Church; sometimes alighting on the purple tiled roof, sometimes wheeling downward to the lotos fountain in front of the marble arch. The gardeners were busy with the flower beds around the fountain, and the freshly turned earth smelled sweet and spicy. A lawn mower, drawn by a fat white horse, clinked across the green sward, and wateringcarts poured showers of spray over the asphalt drives. Around the statue of Peter Stuyvesant, which in 1897 had replaced the monstrosity supposed to represent Garibaldi, children played in the spring sunshine, and nurse girls wheeled elaborate baby carriages with a reckless disregard for the pasty-faced occupants, which could probably be explained by the presence of half a dozen trim dragoon troopers languidly lolling on the benches. Through the trees, the Washington Memorial Arch glistened like silver in the sunshine, and beyond, on the eastern extremity of the square the grey stone barracks of the dragoons, and the white granite artillery stables were alive with colour and motion.

I looked at the Lethal Chamber on the corner of the square opposite. A few curious people still lingered about the gilded iron railing, but inside the grounds the paths were deserted. I watched the fountains ripple and sparkle; the sparrows had already found this new bathing nook, and the basins were covered with the dusty-feathered little things. Two or three

white peacocks picked their way across the lawns, and a drab coloured pigeon sat so motionless on the arm of one of the "Fates," that it seemed to be a part of the sculptured stone. As I was turning carelessly away, a slight commotion in the group of curious loiterers around the gates attracted my attention. A young man had entered, and was advancing with nervous strides along the gravel path which leads to the bronze doors of the Lethal Chamber. He paused a moment before the "Fates," and as he raised his head to those three mysterious faces, the pigeon rose from its sculptured perch, circled about for a moment and wheeled to the east. The young man pressed his hand to his face, and then with an undefinable gesture sprang up the marble steps, the bronze doors closed behind him, and half an hour later the loiterers slouched away, and the frightened pigeon returned to its perch in the arms of Fate.

I put on my hat and went out into the park for a little walk before dinner. As I crossed the central driveway a group of officers passed, and one of them called out, "Hello, Hildred," and came back to shake hands with me. It was my cousin Louis, who stood smiling and tapping his spurred heels with his ridingwhip. "Just back from Westchester," he said; "been doing the bucolic; milk and curds, you know, dairy-maids in sunbonnets, who say 'haeow' and 'I don't think' when you tell them they are pretty. I'm nearly dead for a square meal at Delmonico's. What's the news?" "There is none," I replied pleasantly. "I saw your regiment coming in this morning." "Did you? I didn't see you. Where were you?" "In Mr. Wilde's window." "Oh, hell!" he began impatiently, "that man is stark mad! I don't understand why you—" He saw how annoyed I felt by this outburst, and begged my pardon. "Really, old chap," he said, "I don't mean to run down a man you like, but for the life of me I can't see what the deuce you find in common with Mr. Wilde. He's not well bred, to put it generously; he is hideously deformed; his head is the head of a criminally insane person. You know yourself he's been in an asylum—" "So have I," I interrupted calmly. Louis looked startled and confused for a moment, but recovered and slapped me heartily on the shoulder. "You were completely cured," he began; but I stopped him again.

"I suppose you mean that I was simply acknowledged never to have been insane." "Of course that—that's what I meant," he laughed. I disliked his laugh because I knew it was forced, but I nodded gaily and asked him where he was going. Louis looked after his brother officers who had now almost reached Broadway. "We had intended to sample a Brunswick cocktail, but to tell you the truth I was anxious for an excuse to go and see Hawberk instead. Come along, I'll make you my excuse." We found old Hawberk, neatly attired in a fresh spring suit, standing at the door of his shop and sniffing the air.

"I had just decided to take Constance for a little stroll before dinner," he replied to the impetuous volley of questions from Louis. "We thought of walking on the park terrace along the North River."

"Tôi vừa quyết định dẫn Constance đi dạo trước bữa tối," ông trả lời trước loạt câu hỏi hùng hậu từ Louis. "Chúng tôi nghĩ sẽ dạo trên ban công công viên dọc theo sông North."

At that moment Constance appeared and grew pale and rosy by turns as Louis bent over her small gloved fingers. I tried to excuse myself, alleging an engagement uptown, but Louis and Constance would not listen, and I saw I was expected to remain and engage old Hawberk's attention.

Lúc đó Constance xuất hiện và trở nên tái và hồng khi Louis cúi xuống trên những ngón tay nhỏ được gặng tay bảo vệ. Tôi cố tìm lí do để tạm rời, nói rằng có cuộc hẹn ở phía trên thành phố, nhưng Louis và Constance không nghe, và tôi thấy mình được kỳ vọng phải ở lại và thu hút sự chú ý của ông Hawberk.

After all it would be just as well if I kept my eye on Louis, I thought, and when they hailed a Spring Street horse-car, I got in after them and took my seat beside the armourer.

Cuối cùng, tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu tôi giữ mắt trên Louis, và khi họ gọi một chiếc xe ngựa trên đường Spring Street, tôi lên sau họ và ngồi cạnh thợ rèn.

The beautiful line of parks and granite terraces overlooking the wharves along the North River, which were built in 1910 and finished in the autumn of 1917, had become one of the most popular promenades in the metropolis. They extended from the battery to 190th Street, overlooking the noble river and affording a fine view of the Jersey shore and the Highlands opposite. Cafés and restaurants were scattered here and there among the trees, and twice a week military bands from the garrison played in the kiosques on the parapets.

Dãy công viên và bậc đá granite nhìn ra cảng dọc theo sông North, được xây dựng vào năm 1910 và hoàn thành vào mùa thu năm 1917, đã trở thành một trong những con đường đi bộ phổ biến nhất trong thủ đô. Chúng kéo dài từ bãi đậu xe đến đường 190, nhìn ra con sông quý tộc và tạo ra một cảnh đẹp của bờ biển Jersey và các vùng cao nguyên đối diện. Các quán cà phê và nhà hàng được rải rác khắp nơi giữa các cây, và hai lần một tuần, các ban nhạc quân đội từ đồn trú chơi ở kiosques trên hè thềm.

One morning early in May I stood before the steel safe in my bedroom, trying on the golden jewelled crown. The diamonds flashed fire as I turned to the mirror, and the heavy beaten gold burned like a halo about my head. I remembered Camilla's agonized scream and the awful words echoing through the dim streets of Carcosa. They were the last lines in the first act, and I dared not think of what followed—dared not, even in the spring sunshine, there in my own room, surrounded with familiar

objects, reassured by the bustle from the street and the voices of the servants in the hallway outside. For those poisoned words had dropped slowly into my heart, as death-sweat drops upon a bed-sheet and is absorbed. Trembling, I put the diadem from my head and wiped my forehead, but I thought of Hastur and of my own rightful ambition, and I remembered Mr. Wilde as I had last left him, his face all torn and bloody from the claws of that devil's creature, and what he said—ah, what he said. The alarm bell in the safe began to whirr harshly, and I knew my time was up; but I would not heed it, and replacing the flashing circlet upon my head I turned defiantly to the mirror. I stood for a long time absorbed in the changing expression of my own eyes. The mirror reflected a face which was like my own, but whiter, and so thin that I hardly recognized it. And all the time I kept repeating between my clenched teeth, "The day has come! the day has come!" while the alarm in the safe whirred and clamoured, and the diamonds sparkled and flamed above my brow. I heard a door open but did not heed it. It was only when I saw two faces in the mirror:—it was only when another face rose over my shoulder, and two other eyes met mine. I wheeled like a flash and seized a long knife from my dressing-table, and my cousin sprang back very pale, crying: "Hildred! for God's sake!" then as my hand fell, he said: "It is I, Louis, don't you know me?" I stood silent. I could not have spoken for my life. He walked up to me and took the knife from my hand. "What is all this?" he inquired, in a gentle voice. "Are you ill?" "No," I replied. But I doubt if he heard me. "Come, come, old fellow," he cried, "take off that brass crown and toddle into the study. Are you going to a masquerade? What's all this theatrical tinsel anyway?" I was glad he thought the crown was made of brass and paste, yet I didn't like him any the better for thinking so. I let him take it from my hand, knowing it was best to humour him. He tossed the splendid diadem in the air, and catching it, turned to me smiling. "It's dear at fifty cents," he said. "What's it for?" I did not answer, but took the circlet from his hands, and placing it in the safe shut the massive steel door. The alarm ceased its infernal din at once. He watched me curiously, but did not seem to notice the sudden ceasing of the alarm. He did, however, speak of the safe as a biscuit box. Fearing lest he might examine the combination I led the way into my study. Louis threw himself on the sofa and flicked at flies with his eternal riding-whip. He wore his fatigue uniform with the braided jacket and jaunty cap, and I noticed that his riding-boots were all splashed with red mud. "Where have you been?" I inquired. "Jumping mud creeks in Jersey," he said. "I haven't had time to change yet; I was rather in a hurry to see you. Haven't you got a glass of something? I'm dead tired; been in the saddle twentyfour hours." I gave him some brandy from my medicinal store, which he drank with a grimace. "Damned bad stuff," he observed. "I'll give you an address where they sell brandy that is brandy." "It's good enough for my needs," I said indifferently. "I use it to rub my chest with." He stared and flicked at another fly. "See here, old fellow," he began, "I've got something to suggest to you. It's four years now that you've shut yourself up here like an owl, never going anywhere, never taking any healthy exercise, never doing a damn thing but poring over those books up there on the mantelpiece." He glanced along the row of shelves. "Napoleon, Napoleon!" he read. "For heaven's sake, have you nothing but Napoleons there?" "I wish they were bound in gold," I said. "But wait, yes, there is another book, The King in Yellow." I looked him steadily in the eye. "Have you never read it?" I asked. "I? No, thank God! I don't want to be driven crazy." I saw he regretted his speech as soon as he had uttered it. There is only one word which I loathe more than I do lunatic and that word is crazy. But I controlled myself and asked him why he thought The King in Yellow dangerous. "Oh, I don't know," he said, hastily. "I only remember the excitement it created and the denunciations from pulpit and Press. I believe the author shot himself after bringing forth this monstrosity, didn't he?" "I understand he is still alive," I answered. "That's probably true," he muttered; "bullets couldn't kill a fiend like that." "It is a book of great truths," I said. "Yes," he replied, "of 'truths' which send men frantic and blast their lives. I don't care if the thing is, as they say, the very supreme essence of art. It's a crime to have written it, and I for one shall never open its pages." "Is that what you have come to tell me?" I asked. "No," he said, "I came to tell you that I am going to be married." I believe for a moment my heart ceased to beat, but I kept my eyes on his face. "Yes," he continued, smiling happily, "married to the sweetest girl on earth." "Constance Hawberk," I mechanically. "How did you know?" he cried, astonished. "I didn't know it myself until that evening last April, when we strolled down to the embankment before dinner." "When is it to be?" I asked. "It was to have been next September, but an hour ago a despatch came ordering our regiment to the Presidio, San Francisco. We leave at noon to-morrow. To-morrow," he repeated. "Just think, Hildred, to-morrow I shall be the happiest fellow that ever drew breath in this jolly world, for Constance will go with me." I offered him my hand in congratulation, and he seized and shook it like the good-natured fool he was—or pretended to be. "I am going to get my squadron as a wedding present," he rattled on. "Captain and Mrs. Louis Castaigne, eh, Hildred?" Then he told me where it was to be and who were to be there, and made me promise to come and be best man. I set my teeth and listened to his boyish chatter without showing what I felt, but— I was getting to the limit of my endurance, and when he jumped up, and, switching his spurs till they jingled, said he must go, I did not detain him. "There's one thing I want to ask of you," I said quietly. "Out with it, it's promised," he laughed. "I want you to meet me for a quarter of an hour's talk to-night." "Of course, if you wish," he said, somewhat puzzled. "Where?" "Anywhere, in the park there." "What time, Hildred?" "Midnight." "What in the name of—" he began, but checked himself and laughingly assented. I watched him go down the stairs and hurry away, his sabre banging at every stride. He turned into Bleecker Street, and I knew he was going to see Constance. I gave him ten minutes to disappear and then followed in his footsteps, taking with me the jewelled crown and the silken robe embroidered with the Yellow Sign. When I turned into Bleecker Street, and entered the doorway which bore the sign— MR. WILDE, REPAIRER OF REPUTATIONS. Third Bell. I saw old Hawberk moving about in his shop, and imagined I heard Constance's voice in the parlour; but I avoided them both and hurried up the trembling stairways to Mr. Wilde's apartment. I knocked and entered without ceremony. Mr. Wilde lay groaning on the floor, his face covered with blood, his clothes torn to shreds. Drops of blood were scattered about over the carpet, which had also been ripped and frayed in the evidently recent struggle.

"It's that cursed cat," he said, ceasing his groans, and turning his colourless eyes to me; "she attacked me while I was asleep. I believe she will kill me yet."

"Đó là con mèo đóng phải," anh ta nói, ngừng rên rỉ, và quay mắt không màu của mình về phía tôi; "cô ấy tấn công tôi khi tôi đang ngủ. Tôi tin rằng cô ấy sẽ giết tôi."

This was too much, so I went into the kitchen, and, seizing a hatchet from the pantry, started to find the infernal beast and settle her then and there. My search was fruitless, and after a while I gave it up and came back to find Mr. Wilde squatting on his high chair by the table.

Điều này quá đủ, vì vậy tôi vào bếp, và, nắm lấy một cái rìu từ tủ bếp, bắt đầu tìm con thú dữ đó và giải quyết cô ấy ngay lập tức. Tìm kiếm của tôi không mang lại kết quả, và sau một lúc tôi bỏ cuộc và quay lại để thấy ông Wilde ngồi trên chiếc ghế cao của mình bên canh bàn.

He had washed his face and changed his clothes. The great furrows which the cat's claws had ploughed up in his face he had filled with collodion, and a rag hid the wound in his throat. Ông đã rửa mặt và thay đồ. Những vết sẹo lớn mà móng vuốt của mèo đã tạo ra trên mặt ông, ông đã lấp đầy bằng colodion, và một mảng vải che vết thương ở cổ ông.

I told him I should kill the cat when I came across her, but he only shook his head and turned to the open ledger before him.

Tôi nói với ông rằng tôi sẽ giết con mèo khi tôi gặp được cô ấy, nhưng ông chỉ lắc đầu và quay sang cuốn sổ cái mở phía trước mặt ông.

He read name after name of the people who had come to him in regard to their reputation, and the sums he had amassed were startling.

Ông đọc tên từng người đã đến gặp ông để xem xét về danh tiếng của họ, và số tiền ông đã tích lũy là đáng kinh ngạc.

"I put on the screws now and then," he explained.

"Tôi áp đặt áp lực đôi khi," ông giải thích.

"One day or other some of these people will assassinate you," I insisted.

"Một ngày nào đó, một số người trong số những người này sẽ ám sát ông," tôi nhấn mạnh.

"Do you think so?" he said, rubbing his mutilated ears.

"Ông có nghĩ vậy không?" ông ta nói, nắm nhẹ vào những tai bị hại của mình.

It was useless to argue with him, so I took down the manuscript entitled Imperial Dynasty of America, for the last time I should ever take it down in Mr. Wilde's study. Không có ý nghĩa để tranh luận với ông ta, vì vậy tôi lấy xuống bản thảo có tựa đề Imperial Dynasty of America, lần cuối cùng tôi sẽ lấy nó xuống trong phòng học của ông Wilde.

I read it through, thrilling and trembling with pleasure. When I had finished Mr. Wilde took the manuscript and, turning to the dark passage which leads from his study to his bed-chamber, called out in a loud voice, "Vance."

Tôi đọc từ đầu đến cuối, rùng mình và run sợ với niềm vui. Khi tôi đọc xong, ông Wilde lấy bản thảo và, quay sang hành lang tối mà dẫn từ phòng học của ông ta đến phòng ngủ của ông, gọi to trong tiếng "Vance."

The electric lights were sparkling among the trees, and the new moon shone in the sky above the Lethal Chamber. It was tiresome waiting in the square; I wandered from the Marble Arch to the artillery stables and back again to the lotos fountain. The flowers and grass exhaled a fragrance which troubled me. The jet of the fountain played in the moonlight, and the musical splash of falling drops reminded me of the tinkle of chained mail in Hawberk's shop. But it was not so fascinating, and the dull sparkle of the moonlight on the water brought no such sensations of exquisite pleasure, as when the sunshine played over the polished steel of a corselet on Hawberk's knee. I watched the bats darting and turning above the water plants in the fountain basin, but their rapid, jerky flight set my nerves on edge, and I went away again to walk aimlessly to and fro among the trees.

Các đèn điện lấp lánh giữa những cây, và mặt trăng mới chiếu sáng trên bầu trời phía trên Phòng Chết. Chờ đợi ở quảng trường thật chán chường; tôi lạc từ Cổng Marble đến chuồng pháo binh và lại đến đài sen. Hoa cỏ tỏa hương mà làm phiền tôi. Phun nước từ đài phun nước chơi trong ánh trăng, và tiếng rơi của giọt nước như âm thanh nhạc của sự chạm nhau của chuỗi giáp

trong cửa hàng của Hawberk. Nhưng nó không hấp dẫn như thế, và ánh sáng yếu của ánh trăng trên mặt nước không mang lại cảm giác tận hưởng tuyệt vời như khi ánh nắng mặt trời chiếu trên lớp thép bóng loáng của một áo giáp trên đầu gối của Hawberk. Tôi nhìn những con dơi nhảy nhót và xoay trên những cây thủy sinh trong chậu đài sen, nhưng chuyến bay nhanh, rối loạn của chúng khiến tôi căng thẳng, và tôi lại bước đi vô định giữa các cây.

The artillery stables were dark, but in the cavalry barracks the officers' windows were brilliantly lighted, and the sallyport was constantly filled with troopers in fatigue, carrying straw and harness and baskets filled with tin dishes. Twice the mounted sentry at the gates was changed while I wandered up and down the asphalt walk. I looked at my watch. It was nearly time. The lights in the barracks went out one by one, the barred gate was closed, and every minute or two an officer passed in through the side wicket, leaving a rattle of accoutrements and a jingle of spurs on the night air. The square had become very silent. The last homeless loiterer had been driven away by the grey-coated park policeman, the car tracks along Wooster Street were deserted, and the only sound which broke the stillness was the stamping of the sentry's horse and the ring of his sabre against the saddle pommel. In the barracks, the officers' quarters were still lighted, and military servants passed and repassed before the bay windows. Twelve o'clock sounded from the new spire of St. Francis Xavier, and at the last stroke of the sad-toned bell a figure passed through the wicket beside the portcullis, returned the salute of the sentry, and crossing the street entered the square and advanced toward the Benedick apartment house.

Những chuồng pháo binh bị tối, nhưng trong trại ky binh các cửa sổ của quân đội sáng ngời đèn, và cổng ra vào luôn đầy lính ky binh mệt mỏi, mang rơm và yên cưỡi và rổ đựng đầy đồ ăn từ thiếc. Hai lần bảo vệ ky binh ở cổng được thay đổi khi tôi lạc về đi dọc con đường nhựa. Tôi nhìn đồng hồ. Gần đến giờ rồi. Ánh

đèn ở trại lính tắt dần, cổng sắt đóng lại, và mỗi một phút hay hai một sĩ quan đi qua lối vào bên cạnh, để lại tiếng lách cách của trang bị và tiếng chuông giày đinh trên không trung đêm. Quảng trường trở nên rất yên lặng. Người lang thang cuối cùng đã bị đuổi đi bởi cảnh sát công viên mặc áo xám, các đường xe đi dọc Wooster Street hoang vắng, và âm thanh duy nhất phá vỡ sự yên bình là tiếng đạp của ngựa bảo vệ và tiếng chuông gươm của anh ta chạm vào gọng yên. Trong trại quân đội, khu vực ở của sĩ quan vẫn sáng đèn, và người hầu quân sự đi qua lại trước cửa sổ lớn. Mười hai giờ kêu từ đỉnh tháp mới của St. Francis Xavier, và khi tiếng chuông buồn của lần kêu cuối cùng, một hình bóng đi qua lối vào bên cạnh cửa chắn, trả lời lễ phép của bảo vệ, và băng qua đường vào quảng trường và tiến về tòa nhà chung cư Benedick.

"Louis," I called. The man pivoted on his spurred heels and came straight toward me. "Is that you, Hildred?" "Yes, you are on time." I took his offered hand, and we strolled toward the Lethal Chamber. He rattled on about his wedding and the graces of Constance, and their future prospects, calling my attention to his captain's shoulder-straps, and the triple gold arabesque on his sleeve and fatigue cap. I believe I listened as much to the music of his spurs and sabre as I did to his boyish babble, and at last we stood under the elms on the Fourth Street corner of the square opposite the Lethal Chamber. Then he laughed and asked me what I wanted with him. I motioned him to a seat on a bench under the electric light, and sat down beside him. He looked at me curiously, with that same searching glance which I hate and fear so in doctors. I felt the insult of his look, but he did not know it, and I carefully concealed my feelings.

"Louis," tôi gọi. Người đàn ông quay quanh trên gót giày với đinh và đi thẳng về phía tôi. "Đó là anh à, Hildred?" "Có, anh đến đúng giờ." Tôi nhận lấy tay anh ta đưa ra, và chúng tôi dạo bước về phía Phòng Chết. Anh ấy nói về đám cưới của mình và vẻ duyên dáng của Constance, và triển vọng tương lai của họ, chú ý

tôi đến dây đai vai của đội trưởng anh ta, và họa tiết vàng ba lần trên tay áo và mũ mệt mỏi. Tôi tin rằng tôi nghe nhạc của đinh và gươm của anh ta cũng nhiều như là nghe lời nói trẻ con của anh ta, và cuối cùng chúng tôi đứng dưới những cây dương ở góc phố Fourth Street đối diện với Phòng Chết. Sau đó anh cười và hỏi tôi muốn gì từ anh ta. Tôi chỉ tay anh ta đến một chỗ ngồi trên ghế dưới ánh đèn điện, và ngồi xuống bên cạnh anh. Anh nhìn tôi một cách tò mò, với ánh nhìn tìm kiếm giống như tôi ghét và sợ trong bác sĩ. Tôi cảm thấy sự xúc phạm từ ánh nhìn của anh ta, nhưng anh ta không biết, và tôi cẩn thận che giấu cảm xúc của mình.

"Well, old chap," he inquired, "what can I do for you?" I drew from my pocket the manuscript and notes of the Imperial Dynasty of America, and looking him in the eye said: "I will tell you. On your word as a soldier, promise me to read this manuscript from beginning to end, without asking me a question. Promise me to read these notes in the same way, and promise me to listen to what I have to tell later." "I promise, if you wish it," he said pleasantly. "Give me the paper, Hildred." He began to read, raising his eyebrows with a puzzled, whimsical air, which made me tremble with suppressed anger. As he advanced his, eyebrows contracted, and his lips seemed to form the word "rubbish." Then he looked slightly bored, but apparently for my sake read, with an attempt at interest, which presently ceased to be an effort. He started when in the closely written pages he came to his own name, and when he came to mine he lowered the paper, and looked sharply at me for a moment. But he kept his word, and resumed his reading, and I let the half-formed question die on his lips unanswered. When he came to the end and read the signature of Mr. Wilde, he folded the paper carefully and returned it to me. I handed him the notes, and he settled back, pushing his fatigue cap up to his forehead, with a boyish gesture, which I remembered so well in school. I watched his face as he read, and when he finished I took the notes with the manuscript, and placed them in my

pocket. Then I unfolded a scroll marked with the Yellow Sign. He saw the sign, but he did not seem to recognize it, and I called his attention to it somewhat sharply.

"Vâng, cũng già rồi," anh hỏi, "anh có thể giúp gì cho anh?" Tôi lấy ra từ túi thủ bản và ghi chú về triều đại Hoa Kỳ, và nhìn thẳng vào mắt anh ta nói: "Tôi sẽ nói cho anh. Dưa vào lời hứa của một người lính, hãy hứa với tôi rằng đọc thủ bản này từ đầu tới cuối, mà không hỏi tôi bất kỳ câu hỏi nào. Hứa rằng đọc các ghi chú này theo cách tương tự, và hứa rằng lắng nghe những gì tôi sẽ nói sau này." "Tôi hứa, nếu anh muốn," anh nói một cách dễ chịu. "Đưa giấy tới, Hildred." Anh bắt đầu đọc, nhấc lên lông mày với một vẻ bí ẩn, hóm hỉnh, làm tôi run sợ với sự tức giận bị kìm nén. Khi anh tiến triển, lông mày của anh co lai, và môi anh dường như hình thành từng từ "rubbish." Sau đó anh trông hơi chán chường, nhưng rõ ràng vì lợi ích của tôi mà đọc, với một cố gắng tạo sư quan tâm, mà sau đó không còn là một cố gắng nữa. Anh bắt đầu khi trong những trang viết kín của thủ bản, anh đến tên của mình, và khi anh đến tên tôi, anh hạ giấy xuống, và nhìn tôi sắc bén trong một khoảnh khắc. Nhưng anh giữ lời hứa, và tiếp tục đọc, và tôi để câu hỏi đã hình thành một nửa trên môi anh chết lặng. Khi anh đến cuối cùng và đọc chữ ký của ông Wilde, anh gấp cẩn thận tờ giấy và trả lại cho tôi. Tôi đưa cho anh những ghi chú, và anh thoải mái ngồi lại, đẩy mũ mệt mỏi lên trán, với một cử chỉ trẻ con, mà tội nhớ rõ từ trường học. Tội nhìn khuôn mặt của anh khi anh đọc, và khi anh kết thúc, tôi lấy ghi chú cùng thủ bản, và để chúng vào túi của mình. Sau đó tôi mở ra một cuộn ghi chú được đánh dấu với Hoàng Kim Ấn Ký. Anh nhìn thấy biểu tượng, nhưng anh không dường như nhân ra nó, và tôi goi ý anh một cách khá sắc bén.

"Well," he said, "I see it. What is it?" "It is the Yellow Sign," I said angrily. "Oh, that's it, is it?" said Louis, in that flattering voice, which Doctor Archer used to employ with me, and would probably have employed again, had I not settled his affair for him. I kept my rage down and answered as steadily as possible,

"Listen, you have engaged your word?" "I am listening, old chap," he replied soothingly. I began to speak very calmly. "Dr. Archer, having by some means become possessed of the secret of the Imperial Succession, attempted to deprive me of my right, alleging that because of a fall from my horse four years ago, I had become mentally deficient. He presumed to place me under restraint in his own house in hopes of either driving me insane or poisoning me. I have not forgotten it. I visited him last night and the interview was final." Louis turned quite pale, but did not move. I resumed triumphantly, "There are yet three people to be interviewed in the interests of Mr. Wilde and myself. They are my cousin Louis, Mr. Hawberk, and his daughter Constance." Louis sprang to his feet and I arose also, and flung the paper marked with the Yellow Sign to the ground. "Oh, I don't need that to tell you what I have to say," I cried, with a laugh of triumph. "You must renounce the crown to me, do you hear, to me." Louis looked at me with a startled air, but recovering himself said kindly, "Of course I renounce the—what is it I must renounce?" "The crown," I said angrily. "Of course," he answered, "I renounce it. Come, old chap, I'll walk back to your rooms with you." "Don't try any of your doctor's tricks on me," I cried, trembling with fury. "Don't act as if you think I am insane."

"Vâng," anh nói, "Tôi nhìn thấy nó. Nó là gì?" "Đó là Hoàng Kim Ấn Ký," tôi nói giận dữ. "Oh, đó à, phải không?" Louis nói, bằng giọng nói lấy lòng làm yếu của anh, mà Bác sĩ Archer đã từng sử dụng với tôi, và có lẽ anh ta sẽ lại sử dụng "What nonsense," he replied. "Come, it's getting late, Hildred."

"Lời nào," anh ta đáp. "Đi đi, đã muộn rồi, Hildred."

"No," I shouted, "you must listen. You cannot marry, I forbid it. Do you hear? I forbid it. You shall renounce the crown, and in reward I grant you exile, but if you refuse you shall die."

"Không," tôi la hét, "anh phải lắng nghe. Anh không thể kết hôn, tôi cấm. Anh nghe chưa? Tôi cấm. Anh sẽ từ bỏ vương miện, và như phần thưởng, tôi ban cho anh sự lưu đày, nhưng nếu anh từ chối, anh sẽ chết."

He tried to calm me, but I was roused at last, and drawing my long knife barred his way.

Anh cố gắng làm tôi bình tĩnh, nhưng cuối cùng tôi bị kích động, và vẽ con dao dài của mình chặn đường anh ta.

Then I told him how they would find Dr. Archer in the cellar with his throat open, and I laughed in his face when I thought of Vance and his knife, and the order signed by me.

Sau đó, tôi nói với anh về việc họ sẽ tìm thấy Tiến sĩ Archer trong hầm với cổ mở, và tôi cười trước mặt anh khi nghĩ đến Vance và con dao của anh ấy, và lệnh được ký bởi tôi.

"Ah, you are the King," I cried, "but I shall be King. Who are you to keep me from Empire over all the habitable earth! I was born the cousin of a king, but I shall be King!"

"Ah, anh là Vua," tôi hét lên, "nhưng tôi sẽ là Vua. Anh là ai mà ngăn cản tôi từ việc trở thành Đế chế trên toàn cõi đất sống! Tôi sinh ra là anh em họ của một vị vua, nhưng tôi sẽ là Vua!"

Louis stood white and rigid before me. Suddenly a man came running up Fourth Street, entered the gate of the Lethal Temple, traversed the path to the bronze doors at full speed, and plunged into the death chamber with the cry of one demented, and I laughed until I wept tears, for I had recognized Vance, and knew that Hawberk and his daughter were no longer in my way.

Louis đứng trước mặt tôi, trắng bệch và cứng nhắc. Bất ngờ một người đàn ông chạy lên Đường Thứ Tư, vào cổng của Đền Chết Chóc, đi qua lối vào cửa đồng mạch với tốc độ đầy, và lao vào phòng chết với tiếng kêu của một kẻ điên loạn, và tôi cười đến khi rơi nước mắt, vì tôi đã nhận ra Vance, và biết rằng Hawberk và con gái của ông ta không còn ở giữa đường của tôi nữa.

"Go," I cried to Louis, "you have ceased to be a menace. You will never marry Constance now, and if you marry any one else in your exile, I will visit you as I did my doctor last night. Mr. Wilde takes charge of you tomorrow." Then I turned and darted into South Fifth Avenue, and with a cry of terror Louis dropped his belt and sabre and followed me like the wind. I heard him close behind me at the corner of Bleecker Street, and I dashed into the doorway under Hawberk's sign.

"Đi đi," tôi hét với Louis, "anh đã không còn là mối đe dọa nữa. Anh sẽ không bao giờ kết hôn với Constance nữa, và nếu anh kết hôn với ai khác trong sự lưu đày của mình, tôi sẽ đến thăm anh như tôi đã làm với bác sĩ của mình đêm qua. Ông Wilde sẽ tiếp quản anh vào ngày mai." Sau đó, tôi quay đầu và lao vào Đại lộ Nam Thứ Năm, và với tiếng kêu kinh hoàng, Louis đánh rơi thắt lưng và kiếm của mình và theo tôi như cơn gió. Tôi nghe thấy anh đuổi sát sau lưng tôi ở góc phố Bleecker, và tôi lao vào cửa hầm dưới biển hiệu của Hawberk.

He cried, "Halt, or I fire!" but when he saw that I flew up the stairs leaving Hawberk's shop below, he left me, and I heard him

hammering and shouting at their door as though it were possible to arouse the dead.

Anh hét lên, "Đứng lại, hoặc tôi sẽ bắn!" nhưng khi anh thấy rằng tôi chạy lên cầu thang, để lại cửa hàng của Hawberk dưới đó, anh ta bỏ tôi đi và tôi nghe thấy anh ta đập và hô hào ở cửa họ như thể có thể đánh thức những người đã chết.

Mr. Wilde's door was open, and I entered crying, "It is done, it is done! Let the nations rise and look upon their King!" but I could not find Mr. Wilde, so I went to the cabinet and took the splendid diadem from its case. Then I drew on the white silk robe, embroidered with the Yellow Sign, and placed the crown upon my head.

Cửa của ông Wilde đang mở, và tôi vào trong với tiếng khóc, "Đã xong rồi, đã xong rồi! Hãy để các dân tộc nổi lên và nhìn thấy Vua của họ!" nhưng tôi không thể tìm thấy ông Wilde, vì vậy tôi đến tủ và lấy chiếc vương miện tuyệt vời từ hộp của nó. Sau đó, tôi mặc chiếc áo lụa trắng, được thêu với Hoàng Kim Ấn Ký, và đặt vương miện lên đầu.

At last I was King, King by my right in Hastur, King because I knew the mystery of the Hyades, and my mind had sounded the depths of the Lake of Hali. I was King!

Cuối cùng tôi đã là Vua, Vua theo quyền của mình trong Hastur, Vua vì tôi biết bí mật của Hyades, và tâm hồn tôi đã khám phá sâu thẳm của Hồ Hali. Tôi là Vua!

The first grey pencillings of dawn would raise a tempest which would shake two hemispheres. Then as I stood, my every nerve pitched to the highest tension, faint with the joy and splendour of my thought, without, in the dark passage, a man groaned.

Những nét vẽ xám đầu tiên của lúc bình minh sẽ gây ra một trận bão mạnh mẽ làm rung chuyển hai bán cầu. Sau đó khi tôi

đứng đó, mỗi tia thần kinh của tôi căng đến cực điểm, yếu ớt với niềm vui và sự rực rỡ của suy nghĩ của mình, ngoài kia, trong hành lang tối tăm, một người đàn ông rên lên.

I seized the tallow dip and sprang to the door. The cat passed me like a demon, and the tallow dip went out, but my long knife flew swifter than she, and I heard her screech, and I knew that my knife had found her.

Tôi nắm lấy cây nến sáp và nhảy đến cửa. Con mèo chạy qua tôi như một con quỷ, và cây nến sáp tắt, nhưng con dao dài của tôi bay nhanh hơn cô ta, và tôi nghe thấy cô ta kêu rên, và tôi biết rằng con dao của tôi đã tìm thấy cô ta.

For a moment I listened to her tumbling and thumping about in the darkness, and then when her frenzy ceased, I lighted a lamp and raised it over my head. Mr. Wilde lay on the floor with his throat torn open.

Trong một khoảnh khắc, tôi nghe cô ta lăn lộn và đập vào trong bóng tối, và sau đó khi cơn điên cuồng của cô ta dừng lại, tôi thắp một cây đèn và giơ lên đầu. Ông Wilde nằm trên sàn với cổ bị xé rách.

[EDITOR'S NOTE.—Mr. Castaigne died yesterday in the Asylum for Criminal Insane.]

[GHI CHÚ CỦA BIÊN TẬP.—Ông Castaigne qua đời vào ngày hôm qua tại Bệnh viện Tâm thần Tội phạm.]

THE MASK

MĂT NA

T

T

Although I knew nothing of chemistry, I listened fascinated. He picked up an Easter lily which Geneviève had brought that morning from Notre Dame, and dropped it into the basin. Instantly the liquid lost its crystalline clearness. For a second the lily was enveloped in a milk-white foam, which disappeared, leaving the fluid opalescent. Changing tints of orange and crimson played over the surface, and then what seemed to be a ray of pure sunlight struck through from the bottom where the lily was resting. At the same instant he plunged his hand into the basin and drew out the flower. "There is no danger," he explained, "if you choose the right moment. That golden ray is the signal."

Mặc dù tôi không biết gì về hóa học, nhưng tôi nghe rất hấp dẫn. Anh ta nhặt một cành hoa lily Phục Sinh mà Geneviève đã mang vào buổi sáng từ Nhà thờ Đức Bà, và rơi nó vào chậu. Ngay lập tức chất lỏng mất đi sự trong suốt tinh khiết. Trong một giây, bông hoa được bao phủ bởi một lớp bọt trắng sữa, sau đó biến mất, để lại chất lỏng nhạt màu. Các tông màu cam và đỏ chuyển đổi trên bề mặt, và sau đó những gì dường như là một tia nắng thuần khiết lóe sáng từ phía dưới nơi bông hoa đang nằm. Cùng một lúc, anh ta đưa tay vào chậu và rút hoa ra. "Không có nguy hiểm," anh ta giải thích, "nếu bạn chọn đúng thời điểm. Tia nắng vàng đó là dấu hiệu."

He held the lily toward me, and I took it in my hand. It had turned to stone, to the purest marble.

Anh giơ bông hoa lily về phía tôi, và tôi lấy nó vào tay. Nó đã biến thành đá, thành một viên thạch cao tinh khiết.

"You see," he said, "it is without a flaw. What sculptor could reproduce it?"

"Anh xem," anh ta nói, "nó không có lỗi. Nhà điêu khắc nào có thể tái tạo được nó?"

The marble was white as snow, but in its depths the veins of the lily were tinged with palest azure, and a faint flush lingered deep in its heart.

Hồng thạch trắng như tuyết, nhưng trong lõi của nó các đường gân của hoa lily được tô màu xanh da trời nhạt, và một tia đó nhạt vẫn còn sâu trong trái tim của nó.

"Don't ask me the reason of that," he smiled, noticing my wonder. "I have no idea why the veins and heart are tinted, but they always are. Yesterday I tried one of Geneviève's gold-fish,—there it is."

"Đừng hỏi tôi lý do của điều đó," anh ta cười, nhận ra sự ngạc nhiên của tôi. "Tôi không biết tại sao các đường gân và trái tim được tô màu, nhưng chúng luôn như vậy. Hôm qua tôi thử một con cá vàng của Geneviève,—nó đây."

The fish looked as if sculptured in marble. But if you held it to the light the stone was beautifully veined with a faint blue, and from somewhere within came a rosy light like the tint which slumbers in an opal. I looked into the basin. Once more it seemed filled with clearest crystal.

Con cá trông như được điều khắc trong đá cẩm thạch. Nhưng nếu bạn giữ nó vào ánh sáng, đá được tô màu xanh nhạt với các đường gân đẹp, và từ nơi đó phát ra một ánh sáng hồng như màu của viên ngọc opal. Tôi nhìn vào chậu. Một lần nữa, nó dường như đầy những viên thạch lục sáng.

"If I should touch it now?" I demanded.

"Nếu tôi nên chạm vào bây giờ?" tôi đòi hỏi.

"I don't know," he replied, "but you had better not try."

"Tôi không biết," anh ta trả lời, "nhưng bạn nên không thử."

"There is one thing I'm curious about," I said, "and that is where the ray of sunlight came from."

"Có một điều tôi tò mò," tôi nói, "đó là tia nắng đến từ đâu."

"It looked like a sunbeam true enough," he said. "I don't know, it always comes when I immerse any living thing. Perhaps," he continued, smiling, "perhaps it is the vital spark of the creature escaping to the source from whence it came."

"Nó trông giống như tia nắng thật," anh ta nói. "Tô

Perhaps my being in love with Geneviève had something to do with his affection for me. Not that it had ever been acknowledged between us. But after all was settled, and she had told me with tears in her eyes that it was Boris whom she loved, I went over to his house and congratulated him. The perfect cordiality of that interview did not deceive either of us, I always believed, although to one at least it was a great comfort. I do not think he and Geneviève ever spoke of the matter together, but Boris knew.

Có lẽ tôi yêu Geneviève đã góp phần vào tình cảm của anh ấy đối với tôi. Không phải là điều đó bao giờ được công nhận giữa chúng tôi. Nhưng sau khi mọi thứ được giải quyết, và cô ấy đã nói với tôi với nước mắt trong mắt rằng cô ấy yêu Boris, tôi đến nhà anh ấy và chúc mừng anh ấy. Sự hòa thuận hoàn hảo trong cuộc phỏng vấn đó không lừa dối bất kỳ ai trong chúng ta, tôi luôn tin, mặc dù với ít nhất một người, đó là một sự an ủi lớn. Tôi không nghĩ rằng anh ấy và Geneviève bao giờ đã nói về vấn đề này cùng nhau, nhưng Boris biết.

Geneviève was lovely. The Madonna-like purity of her face might have been inspired by the Sanctus in Gounod's Mass. But I was always glad when she changed that mood for what we called her "April Manœuvres." She was often as variable as an April day. In the morning grave, dignified and sweet, at noon laughing, capricious, at evening whatever one least expected. I preferred her so rather than in that Madonna-like tranquillity which stirred the depths of my heart. I was dreaming of Geneviève when he spoke again.

Geneviève xinh đẹp. Sự trong sáng giống như Đức Mẹ trên gương mặt cô có thể đã được truyền cảm hứng từ bản Sanctus trong Thánh Lễ của Gounod. Nhưng tôi luôn vui khi cô ấy thay đổi tâm trạng đó để chúng ta gọi là "Chiến lược tháng Tư" của cô ấy. Cô ấy thường thay đổi như một ngày trong tháng Tư. Buổi sáng nghiêm túc, trang trọng và ngọt ngào, buổi trưa cười, thất thường, vào buổi tối mọi thứ mà ai cũng ít mong đợi. Tôi thích cô ấy như vậy hơn là trong sự yên bình giống như Đức Mẹ đó đã khuấy động tận đáy lòng tôi. Tôi đang mơ về Geneviève khi anh ấy nói lại.

"What do you think of my discovery, Alec?" "I think it wonderful." "I shall make no use of it, you know, beyond satisfying my own curiosity so far as may be, and the secret will die with me." "It would be rather a blow to sculpture, would it not? We painters lose more than we ever gain by photography." Boris nodded, playing with the edge of the chisel. "This new vicious discovery would corrupt the world of art. No, I shall never confide the secret to any one," he said slowly.

"Bạn nghĩ gì về phát hiện của tôi, Alec?" "Tôi nghĩ rằng nó tuyệt vời." "Tôi sẽ không sử dụng nó, bạn biết đấy, ngoài việc làm hài lòng sự tò mò của riêng mình miễn là có thể, và bí mật sẽ chết cùng với tôi." "Điều đó sẽ là một đòn cho điêu khắc, phải không? Chúng ta họa sĩ mất nhiều hơn chúng ta bao giờ được bằng việc chụp ảnh." Boris gật đầu, đùa nghịch với lưỡi cắt. "Phát hiện mới này ác độc sẽ làm hỏng thế giới nghệ thuật. Không, tôi sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật cho bất kỳ ai," anh ấy nói chầm chậm.

It would be hard to find any one less informed about such phenomena than myself; but of course I had heard of mineral springs so saturated with silica that the leaves and twigs which fell into them were turned to stone after a time. I dimly comprehended the process, how the silica replaced the vegetable matter, atom by atom, and the result was a duplicate of the object in stone. This, I confess, had never interested me greatly, and as for the ancient fossils thus produced, they disgusted me. Boris, it appeared, feeling curiosity instead of repugnance, had investigated the subject, and had accidentally stumbled on a solution which, attacking the immersed object with a ferocity unheard of, in a second did the work of years. This was all I could make out of the strange story he had just been telling me. He spoke again after a long silence.

Khó để tìm ai ít hiểu biết về những hiện tượng như vậy hơn tôi; nhưng dĩ nhiên tôi đã nghe về các suối khoáng bão hòa với silica đến mức lá và cành cây rơi vào đó bị biến thành đá sau một thời gian. Tôi mơ hồ hiểu quá trình, cách silica thay thế chất thực vật, nguyên tử từng nguyên tử, và kết quả là một bản sao của đối tượng trong đá. Điều này, tôi phải thú nhận, chưa bao giờ làm tôi quan tâm lớn, và đối với hóa thạch cổ xưa được tạo ra như vậy, chúng làm tôi kinh tởm. Boris, dường như, cảm thấy sự tò mò thay vì sự chán ghét, đã điều tra chủ đề, và đã vô tình vấp phải một giải pháp, tấn công đối tượng ngâm trong một cách chưa từng nghe đến, trong một giây làm công việc của nhiều năm. Đó là tất cả những gì tôi có thể hiểu được từ câu chuyện kỳ lạ mà anh ấy vừa kể cho tôi. Anh ấy nói lại sau một khoảng im lặng dài.

"I am almost frightened when I think what I have found. Scientists would go mad over the discovery. It was so simple too; it discovered itself. When I think of that formula, and that new element precipitated in metallic scales—" "What new element?" "Oh, I haven't thought of naming it, and I don't believe I ever shall. There are enough precious metals now in the world to cut throats over." I pricked up my ears. "Have you struck gold, Boris?" "No, better;—but see here, Alec!" he laughed,

starting up. "You and I have all we need in this world. Ah! how sinister and covetous you look already!" I laughed too, and told him I was devoured by the desire for gold, and we had better talk of something else; so when Geneviève came in shortly after, we had turned our backs on alchemy.

"Tôi gần như sợ hãi khi nghĩ về điều mà tôi đã tìm thấy. Các nhà khoa học sẽ điên dại với phát hiện này. Nó cũng rất đơn giản; nó tự phát hiện ra mình. Khi tôi nghĩ về công thức đó, và yếu tố mới đóng kết trong hạt kim loại—" "Yếu tố mới nào?" "Oh, tôi chưa nghĩ đến việc đặt tên cho nó, và tôi không tin rằng tôi bao giờ sẽ làm điều đó. Hiện nay đã có đủ kim loại quý trên thế giới để cắt cổ lẫn nhau rồi." Tôi nhảy lên. "Anh đã tìm được vàng chưa, Boris?" "Không, tốt hơn;—nhưng xem đây, Alec!" anh cười, đứng dậy. "Bạn và tôi đã có đủ mọi thứ cần thiết trên thế giới này. À! bạn trông đã đen tối và thèm khát rồi!" Tôi cũng cười, và nói với anh rằng tôi bị ám ảnh bởi mong muốn có vàng, và chúng ta nên nói về điều khác; vì vậy khi Geneviève đến sau đó, chúng tôi đã quay lưng với giả kim học.

Of course I dismissed him for the day, and of course I paid him for the full time, that being the way we spoil our models.

Tất nhiên tôi đã cho anh ta về trong ngày, và tất nhiên tôi đã trả cho anh ta toàn bộ thời gian làm việc, đó là cách chúng tôi nuông chiều người mẫu của mình.

After the young imp had gone, I made a few perfunctory daubs at my work, but was so thoroughly out of humour, that it took me the rest of the afternoon to undo the damage I had done, so at last I scraped my palette, stuck my brushes in a bowl of black soap, and strolled into the smoking-room. I really believe that, excepting Geneviève's apartments, no room in the house was so free from the perfume of tobacco as this one. It was a queer chaos of odds and ends, hung with threadbare tapestry. A sweet-toned old spinet in good repair stood by the window.

There were stands of weapons, some old and dull, others bright and modern, festoons of Indian and Turkish armour over the mantel, two or three good pictures, and a pipe-rack. It was here that we used to come for new sensations in smoking. I doubt if any type of pipe ever existed which was not represented in that rack. When we had selected one, we immediately carried it somewhere else and smoked it; for the place was, on the whole, more gloomy and less inviting than any in the house. But this afternoon, the twilight was very soothing, the rugs and skins on the floor looked brown and soft and drowsy; the big couch was piled with cushions—I found my pipe and curled up there for an unaccustomed smoke in the smoking-room. I had chosen one with a long flexible stem, and lighting it fell to dreaming. After a while it went out, but I did not stir. I dreamed on and presently fell asleep.

Sau khi chàng trai trẻ đã đi, tôi vẽ một vài nét vội vã vào công việc của mình, nhưng tôi rất không vui, mất cả buổi chiều để sửa chữa những hỏng hóc đã gây ra, cuối cùng tôi làm sạch bảng màu, đặt cọ vào một tô xà phòng đen, và dạo vào phòng hút thuốc. Tôi thực sự tin rằng, ngoại trừ phòng của Geneviève, không phòng nào trong nhà lại không có mùi thuốc lá như phòng này. Đó là một hỗn tạp kỳ lạ của đủ thứ, treo vải tapestry rách rưới. Một cây đàn spinet cổ với âm thanh ngọt ngào và còn nguyên ven đứng bên cửa sổ. Có các kê vũ khí, một số cũ và trìu tượng, một số sáng bóng và hiện đại, dây hoa của áo giáp Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ trên bức lò sưởi, hai hoặc ba bức tranh tốt, và một kệ đưng ống hút. Đây là nơi chúng tôi thường đến để tận hưởng cảm giác mới mẻ khi hút thuốc. Tôi nghi ngờ liệu có bất kỳ kiểu ống hút nào từng tồn tại mà không được đại diện trên kệ đó. Khi chúng tôi đã chọn một chiếc, chúng tôi ngay lập tức mang nó đi đâu đó và hút; vì nơi đây, nói chung, u ám hơn và ít hấp dẫn hơn bất kỳ phòng nào trong nhà. Nhưng chiều nay, hoàng hôn rất dễ chiu, những chiếc thảm và da trên sàn nhìn màu nâu và mềm mại, đầy gối trên chiếc ghế sofa lớn—tôi tìm thấy ống hút của mình và cuộn lên đó để hút thuốc trong phòng hút thuốc. Tôi đã chọn một chiếc có cần ống dẻo dài, và khi thắp nó, tôi bắt đầu mơ mộng. Sau một lúc thì nó tắt, nhưng tôi không động. Tôi mơ mộng và sau đó rơi vào giấc ngủ.

I awoke to the saddest music I had ever heard. The room was quite dark, I had no idea what time it was. A ray of moonlight silvered one edge of the old spinet, and the polished wood seemed to exhale the sounds as perfume floats above a box of sandalwood. Some one rose in the darkness, and came away weeping quietly, and I was fool enough to cry out "Geneviève!" She dropped at my voice, and, I had time to curse myself while I made a light and tried to raise her from the floor. She shrank away with a murmur of pain. She was very quiet, and asked for Boris. I carried her to the divan, and went to look for him, but he was not in the house, and the servants were gone to bed. Perplexed and anxious, I hurried back to Geneviève. She lay where I had left her, looking very white. "I can't find Boris nor any of the servants," I said. "I know," she answered faintly, "Boris has gone to Ept with Mr. Scott. I did not remember when I sent you for him just now." "But he can't get back in that case before to-morrow afternoon, and—are you hurt? Did I frighten you into falling? What an awful fool I am, but I was only half awake." "Boris thought you had gone home before dinner. Do please excuse us for letting you stay here all this time." "I have had a long nap," I laughed, "so sound that I did not know whether I was still asleep or not when I found myself staring at a figure that was moving toward me, and called out your name. Have you been trying the old spinet? You must have played very softly."

Tôi tỉnh dậy với âm nhạc buồn nhất mà tôi từng nghe. Phòng hoàn toàn tối ôm, tôi không biết là mấy giờ. Một tia ánh trăng bạc một bên của cây đàn spinet cổ, và gỗ bóng loáng dường như thở ra những âm thanh như hương thơm trôi lướt trên một hộp gỗ trầm hương. Ai đó đứng dậy trong bóng tối, và rời đi khóc thầm, và tôi ngốc nghếch đến mức gọi tên "Geneviève!" Cô ấy sợ

hãi khi nghe giọng tôi, và, trong lúc tôi thắp sáng và cố gắng nâng cô ấy từ sàn. Cô ấy lùi lại với tiếng rên nhẹ. Cô ấy rất im lặng, và yêu cầu gặp Boris. Tôi đưa cô ấy đến chiếc giường dài, và đi tìm anh ta, nhưng anh ta không có trong nhà, và những người hầu đã đi ngủ. Rối rắm và lo lắng, tôi vôi vàng trở lai với Geneviève. Cô ấy nằm tại nơi tôi để cô ấy, trông rất trắng. "Tôi không thể tìm thấy Boris hoặc bất kỳ người hầu nào," tôi nói. "Tôi biết," cô ấy trả lời yếu ớt, "Boris đã đi Ept với ông Scott. Tôi không nhớ khi tôi gửi ban đến tìm anh ta vừa rồi." "Nhưng trong trường hợp đó anh ta không thể trở về trước chiều mai, và— có bị thương không? Tôi đã làm cô sợ mà ngã phải không? Tôi thật ngốc nghệch, nhưng tôi chỉ mới tỉnh mợi." "Boris nghĩ rằng ban đã về nhà trước bữa tối. Xin lỗi vì để bạn ở lại đây suốt thời gian này." "Tôi đã ngủ một giấc dài," tôi cười, "đến mức không biết liệu tôi vẫn còn đang ngủ hay không khi tôi thấy mình nhìn chăm chú vào một hình ảnh đang đến gần và gọi tên cô. Bạn đã thử cây đàn spinet cổ à? Ban chắc chắn đã chơi rất nhẹ nhàng."

I would tell a thousand more lies worse than that one to see the look of relief that came into her face. She smiled adorably, and said in her natural voice: "Alec, I tripped on that wolf's head, and I think my ankle is sprained. Please call Marie, and then go home."

Tôi sẽ nói một nghìn lời dối hơn lời đó để thấy ánh nhìn nhẹ nhõm trên khuôn mặt cô. Cô ấy mim cười đáng yêu, và nói bằng giọng tự nhiên của mình: "Alec, tôi vấp phải cái đầu sói đó, và tôi nghĩ là cổ chân của tôi bị trật. Xin hãy gọi Marie, và sau đó về nhà."

At noon next day when I called, I found Boris walking restlessly about his studio. "Geneviève is asleep just now," he told me, "the sprain is nothing, but why should she have such a high fever? The doctor can't account for it; or else he will not," he muttered. "Geneviève has a fever?" I asked. "I should say so, and has actually been a little light-headed at intervals all night. The

idea!—gay little Geneviève, without a care in the world,—and she keeps saying her heart's broken, and she wants to die!"

Vào buổi trưa hôm sau khi tôi gọi, tôi thấy Boris đang đi loanh quanh trong phòng làm việc của mình. "Geneviève đang ngủ lúc này," anh ta nói với tôi, "sự trật cổ chân không có gì, nhưng tại sao cô ấy lại có sốt cao như vậy? Bác sĩ không thể giải thích được; hoặc không muốn giải thích," anh nói thầm. "Geneviève bị sốt à?" tôi hỏi. "Tôi nghĩ là vậy, và thực sự cô ấy đã hơi mất tỉnh táo vào những khoảnh khắc suốt cả đêm. Ý tưởng!—cô bé Geneviève vui vẻ, không lo lắng về bất cứ điều gì,—và cô ấy luôn nói rằng tim cô ấy tan vỡ, và cô ấy muốn chết!"

My own heart stood still. Boris leaned against the door of his studio, looking down, his hands in his pockets, his kind, keen eyes clouded, a new line of trouble drawn "over the mouth's good mark, that made the smile." The maid had orders to summon him the instant Geneviève opened her eyes. We waited and waited, and Boris, growing restless, wandered about, fussing with modelling wax and red clay. Suddenly he started for the next room. "Come and see my rose-coloured bath full of death!" he cried.

Trái tim của tôi đứng im. Boris tựa vào cửa phòng làm việc của mình, nhìn xuống, tay trong túi, ánh mắt tốt bụng, sắc sảo của anh bị mờ, một vết rạn mới của nỗi lo "trên dấu vết tốt của miệng, làm mất đi nụ cười." Người hầu được ra lệnh gọi anh ta ngay lập tức khi Geneviève mở mắt. Chúng tôi đợi và đợi, và Boris, trở nên bồn chồn, lang thang xung quanh, lo lắng với sáp mô hình và đất sét đỏ. Bất ngờ anh bắt đầu bước vào phòng kế tiếp. "Hãy đến và xem chiếc bồn màu hồng của tôi đầy chết chóc!" anh hét lên.

I was very ill, for the strain of two years which I had endured since that fatal May morning when Geneviève murmured, "I love you, but I think I love Boris best," told on me at last. I had

never imagined that it could become more than I could endure. Outwardly tranquil, I had deceived myself. Although the inward battle raged night after night, and I, lying alone in my room, cursed myself for rebellious thoughts unloyal to Boris and unworthy of Geneviève, the morning always brought relief, and I returned to Geneviève and to my dear Boris with a heart washed clean by the tempests of the night.

Tôi rất ốm, vì căng thẳng kéo dài hai năm từ sáng tháng Năm định mệnh đó khi Geneviève thì thầm, "Tôi yêu anh, nhưng tôi nghĩ tôi yêu Boris nhất," cuối cùng đã ảnh hưởng đến tôi. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng rằng điều đó có thể trở nên khó chịu hơn tôi có thể chịu đựng. Bề ngoài bình tĩnh, tôi tự lừa dối bản thân. Mặc dù cuộc chiến nội tâm bùng nổ từng đêm, và tôi, nằm một mình trong phòng, chửi mình vì những suy nghĩ nổi loạn không trung thành với Boris và không xứng đáng với Geneviève, buổi sáng luôn mạng lại sự nhẹ nhõm, và tôi trở lại với Geneviève và với Boris dấu bằng trái tim được rửa sạch bởi cơn bão của đêm.

Never in word or deed or thought while with them had I betrayed my sorrow even to myself. The mask of self-deception was no longer a mask for me, it was a part of me. Night lifted it, laying bare the stifled truth below; but there was no one to see except myself, and when the day broke the mask fell back again of its own accord. These thoughts passed through my troubled mind as I lay sick, but they were hopelessly entangled with visions of white creatures, heavy as stone, crawling about in Boris' basin,—of the wolf's head on the rug, foaming and snapping at Geneviève, who lay smiling beside it.

Không bao giờ trong lời nói hoặc hành động hoặc suy nghĩ khi ở bên họ tôi đã phản bội nỗi đau của mình ngay cả với chính bản thân mình. Mặt nạ tự lừa dối không còn là một mặt nạ đối với tôi, nó đã trở thành một phần của tôi. Đêm đã nhấc lên nó, để lộ sự thật bị át dưới; nhưng không ai nhìn thấy ngoại trừ chính tôi,

và khi ban ngày đến mặt nạ lại tự rơi trở lại. Những suy nghĩ này lướt qua tâm trí rối loạn của tôi khi tôi nằm ốm, nhưng chúng đã bị vướng bởi những tưởng tượng về những sinh vật trắng, nặng như đá, bò xung quanh trong bát của Boris,—về cái đầu sói trên thảm, đang sủi bọt và cắn tại Geneviève, người nằm cười bên cạnh nó.

I thought, too, of the King in Yellow wrapped in the fantastic colours of his tattered mantle, and that bitter cry of Cassilda, "Not upon us, oh King, not upon us!" Feverishly I struggled to put it from me, but I saw the lake of Hali, thin and blank, without a ripple or wind to stir it, and I saw the towers of Carcosa behind the moon. Aldebaran, the Hyades, Alar, Hastur, glided through the cloud-rifts which fluttered and flapped as they passed like the scolloped tatters of the King in Yellow. Among all these, one sane thought persisted. It never wavered, no matter what else was going on in my disordered mind, that my chief reason for existing was to meet some requirement of Boris and Geneviève.

Tôi cũng nghĩ về Hoàng Kim Vương bọc trong những màu sắc tuyệt vời của chiếc áo cũ rách của mình, và tiếng kêu đắng của Cassilda, "Không trên chúng tôi, ông Vua ơi, không trên chúng tôi!" Tôi đã đấu tranh mãnh liệt để loại bỏ nó khỏi tâm trí, nhưng tôi nhìn thấy Hồ Hali, mảnh và trống trơn, không có sóng nước hoặc gió để khuấy động nó, và tôi nhìn thấy những tháp của Carcosa đằng sau mặt trăng. Aldebaran, Hyades, Alar, Hastur, lướt qua những đám mây mà như cánh vẹt nhấp nhô khi chúng đi qua giống như những mảnh vụn của Hoàng Kim Vương. Trong tất cả những điều này, một suy nghĩ tỉnh táo vẫn tồn tại. Nó không bao giờ lảng tránh, dù có chuyện gì khác đang diễn ra trong tâm trí hỗn loạn của tôi, rằng lý do chính của sự tồn tại của tôi là để đáp ứng một số yêu cầu của Boris và Geneviève.

"Well, he worked and I watched him in silence, and we went on that way until nearly midnight. Then we heard the door open and shut sharply, and a swift rush in the next room. Boris sprang through the doorway and I followed; but we were too late. She lay at the bottom of the pool, her hands across her breast. Then Boris shot himself through the heart." Jack stopped speaking, drops of sweat stood under his eyes, and his thin cheeks twitched. "I carried Boris to his room. Then I went back and let that hellish fluid out of the pool, and turning on all the water, washed the marble clean of every drop. When at length I dared descend the steps, I found her lying there as white as snow. At last, when I had decided what was best to do, I went into the laboratory, and first emptied the solution in the basin into the waste-pipe; then I poured the contents of every jar and bottle after it. There was wood in the fireplace, so I built a fire, and breaking the locks of Boris' cabinet I burnt every paper, notebook and letter that I found there. With a mallet from the studio I smashed to pieces all the empty bottles, then loading them into a coal-scuttle, I carried them to the cellar and threw them over the red-hot bed of the furnace. Six times I made the journey, and at last, not a vestige remained of anything which might again aid in seeking for the formula which Boris had found. Then at last I dared call the doctor. He is a good man, and together we struggled to keep it from the public. Without him I never could have succeeded. At last we got the servants paid and sent away into the country, where old Rosier keeps them quiet with stories of Boris' and Geneviève's travels in distant lands, from whence they will not return for years. We buried Boris in the little cemetery of Sèvres. The doctor is a good creature, and knows when to pity a man who can bear no more. He gave his certificate of heart disease and asked no questions of me."

"Vâng, anh ta làm việc và tôi nhìn anh ta trong im lặng, và chúng tôi tiếp tục như vậy cho đến gần nửa đêm. Sau đó, chúng tôi nghe thấy cánh cửa mở và đóng chặt, và một tiếng ồn ào

nhanh chóng trong phòng kế tiếp. Boris nhảy qua cánh cửa và tôi theo sau; nhưng chúng tôi đã muộn. Cô ấy nằm dưới đáy hồ, hai tay chống ngực. Sau đó, Boris bắn vào trái tim mình." Jack ngừng nói, giọt mồ hôi chảy dưới mắt anh, và má gầy của anh run lên. "Tôi đưa Boris vào phòng của anh ta. Sau đó tôi quay lại và đổ chất lỏng độc hại khỏi hồ, và mở nước, rửa sạch đá cẩm thạch mỗi giọt. Khi cuối cùng tôi dám bước xuống cầu thang, tôi thấy cô ấy nằm đó trắng như tuyết. Cuối cùng, khi tôi quyết định điều gì là tốt nhất, tôi vào phòng thí nghiệm, và trước tiên đổ dung dịch trong chậu vào ống thoát nước; sau đó tôi đổ nội dung của mỗi lọ và chai sau đó. Có gỗ trong lò sưởi, vì vậy tôi đốt lửa, và phá khóa tủ của Boris tôi đốt mỗi tờ giấy, sổ tay và lá thư mà tôi tìm thấy ở đó. Với một cái búa từ phòng thí nghiệm, tôi đập vỡ tất cả các chai rỗng, sau đó chất chúng vào một cái xẻng than, tôi mang chúng xuống tầng hầm và vứt chúng qua giường lửa đỏ nóng. Sáu lần tôi thực hiện chuyến đị, và cuối cùng, không còn dấu vết nào còn lại của bất cứ thứ gì có thể giúp tìm kiếm công thức mà Boris đã tìm thấy. Rồi cuối cùng tôi dám gọi bác sĩ. Ông ta là một người đàn ông tốt, và cùng nhau chúng tôi đã cố gắng giấu nó khỏi công chúng. Nếu không có ông ta, tôi không bao giờ có thể thành công. Cuối cùng chúng tôi đã trả tiền cho người hầu và gửi họ đi vào quê, nơi ông Rosier giữ họ yên bình với những câu chuyên về Boris và Geneviève đi du lịch ở những vùng đất xa xôi, từ đó họ sẽ không trở về trong nhiều năm. Chúng tôi chôn Boris ở nghĩa trang nhỏ của Sèvres. Bác sĩ là một người tốt, và biết khi nào nên thương cảm với một người không thể chịu đưng được nữa. Ông ta cấp giấy chứng nhận về bệnh tim và không hỏi tôi bất kỳ câu hỏi nào."

Then, lifting his head from his hands, he said, "Open the letter, Alec; it is for us both."

Sau đó, anh nhấc đầu từ tay mình lên và nói, "Mở thư ra, Alec; nó dành cho cả hai chúng ta."

I tore it open. It was Boris' will dated a year before. He left everything to Geneviève, and in case of her dying childless, I was to take control of the house in the Rue Sainte-Cécile, and Jack Scott the management at Ept. On our deaths the property reverted to his mother's family in Russia, with the exception of the sculptured marbles executed by himself. These he left to me.

Tôi xé nát chiếc thư. Đó là di chúc của Boris viết cách đây một năm. Anh để lại tất cả cho Geneviève, và trong trường hợp cô ấy chết không con cái, tôi sẽ kiểm soát ngôi nhà ở đường Rue Sainte-Cécile, và Jack Scott quản lý tại Ept. Khi chúng tôi chết, tài sản sẽ trở lại gia đình mẹ của anh ta ở Nga, ngoại trừ những tác phẩm điêu khắc thực hiện bởi chính anh ta. Những tác phẩm này anh để lại cho tôi.

The page blurred under our eyes, and Jack got up and walked to the window. Presently he returned and sat down again. I dreaded to hear what he was going to say, but he spoke with the same simplicity and gentleness.

Trang giấy mờ dần trước mắt chúng tôi, và Jack đứng dậy và đi đến cửa số. Chẳng bao lâu anh trở lại và ngồi xuống. Tôi sợ nghe điều anh sẽ nói, nhưng anh nói với sự đơn giản và tình cảm như vậy.

She stammered something about a white rabbit that had been caught in the house, and asked what should be done with it. I told her to let it loose in the walled garden behind the house, and opened my letter. It was from Jack, but so incoherent that I thought he must have lost his reason. It was nothing but a series of prayers to me not to leave the house until he could get back; he could not tell me why, there were the dreams, he said—he could explain nothing, but he was sure that I must not leave the house in the Rue Sainte-Cécile.

Cô ấy nói lắp bắp về một con thỏ trắng đã bị bắt trong nhà, và hỏi nên làm gì với nó. Tôi bảo cô để nó thoát ra vườn có tường phía sau nhà, và mở thư của tôi. Thư từ Jack, nhưng mơ hồ đến mức tôi nghĩ anh ấy phải đã mất lý trí. Chỉ là một loạt lời cầu xin tôi không rời khỏi nhà cho đến khi anh ấy quay lại; anh ấy không thể nói cho tôi biết tại sao, có những giác mơ, anh ấy nói —anh ấy không thể giải thích gì, nhưng anh ấy chắc chắn rằng tôi không được rời khỏi nhà ở đường Rue Sainte-Cécile.

As I finished reading I raised my eyes and saw the same maidservant standing in the doorway holding a glass dish in which two gold-fish were swimming: "Put them back into the tank and tell me what you mean by interrupting me," I said.

Khi tôi đọc xong, tôi nhìn lên và thấy cô hầu gái cũ đứng ở cửa, cầm một cái đĩa thủy tinh trong đó có hai con cá vàng đang bơi: "Đặt chúng trở lại bể và nói cho tôi biết ý cô là gì khi làm phiền tôi," tôi nói.

With a half-suppressed whimper she emptied water and fish into an aquarium at the end of the conservatory, and turning to me asked my permission to leave my service. She said people were playing tricks on her, evidently with a design of getting her into trouble; the marble rabbit had been stolen and a live one had been brought into the house; the two beautiful marble fish were gone, and she had just found those common live things flopping on the dining-room floor. I reassured her and sent her away, saying I would look about myself. I went into the studio; there was nothing there but my canvases and some casts, except the marble of the Easter lily. I saw it on a table across the room. Then I strode angrily over to it. But the flower I lifted from the table was fresh and fragile and filled the air with perfume.

Với một tiếng rên nhẹ, cô đổ nước và cá vào một hồ cá ở cuối vườn mùa đông, và quay lại hỏi tôi cho phép cô rời khỏi việc

phục vụ của tôi. Cô nói rằng mọi người đang chơi trò trên cô, rõ ràng với một kế hoạch để làm cho cô gặp rắc rối; con thỏ đá đã bị lấy mất và một con thỏ thật đã được mang vào nhà; hai con cá đá xinh đẹp đã biến mất, và cô vừa tìm thấy những thứ sống thông thường đó đang đập vỗ trên sàn phòng ăn. Tôi an ủi cô và yêu cầu cô đi, nói rằng tôi sẽ tự xem xét. Tôi đi vào phòng học; không có gì ngoài các bức tranh của tôi và một số bức tượng, ngoại trừ tượng hoa lily Phục Sinh. Tôi thấy nó trên một cái bàn bên kia phòng. Sau đó, tôi đi bộ một cách tức giận đến đó. Nhưng bông hoa tôi nhấc lên từ bàn là tươi mới và mong manh và làm đầy không khí với hương thơm.

Then suddenly I comprehended, and sprang through the hallway to the marble room. The doors flew open, the sunlight streamed into my face, and through it, in a heavenly glory, the Madonna smiled, as Geneviève lifted her flushed face from her marble couch and opened her sleepy eyes.

Rồi đột nhiên tôi hiểu, và nhảy qua hành lang đến phòng đá cẩm thạch. Những cánh cửa mở ra, ánh nắng mặt trời tràn vào mặt tôi, và qua đó, trong ánh hào quang thiên thần, Đức Mẹ mim cười, khi Geneviève nhấc lên khuôn mặt ửng hồng từ chiếc giường đá cẩm thạch của mình và mở mắt mệt mỏi.

IN THE COURT OF THE DRAGON In the Church of St. Barnabé vespers were over; the clergy left the altar; the little choir-boys flocked across the chancel and settled in the stalls. A Suisse in rich uniform marched down the south aisle, sounding his staff at every fourth step on the stone pavement; behind him came that eloquent preacher and good man, Monseigneur C——. My chair was near the chancel rail, I now turned toward the west end of the church. The other people between the altar and the pulpit turned too. There was a little scraping and rustling while the congregation seated itself again; the preacher mounted the pulpit stairs, and the organ voluntary ceased.

I had always found the organ-playing at St. Barnabé highly interesting. Learned and scientific it was, too much so for my small knowledge, but expressing a vivid if cold intelligence. Moreover, it possessed the French quality of taste: taste reigned supreme, self-controlled, dignified and reticent. however, from the first chord I had felt a change for the worse, a sinister change. During vespers it had been chiefly the chancel organ which supported the beautiful choir, but now and again, quite wantonly as it seemed, from the west gallery where the great organ stands, a heavy hand had struck across the church at the serene peace of those clear voices. It was something more than harsh and dissonant, and it betrayed no lack of skill. As it recurred again and again, it set me thinking of what my architect's books say about the custom in early times to consecrate the choir as soon as it was built, and that the nave, being finished sometimes half a century later, often did not get any blessing at all: I wondered idly if that had been the case at St. Barnabé, and whether something not usually supposed to be at home in a Christian church might have entered undetected and taken possession of the west gallery. I had read of such things happening, too, but not in works on architecture.

Then I remembered that St. Barnabé was not much more than a hundred years old, and smiled at the incongruous association of mediaeval superstitions with that cheerful little piece of eighteenth-century rococo. But now vespers were over, and there should have followed a few quiet chords, fit to accompany meditation, while we waited for the sermon. Instead of that, the discord at the lower end of the church broke out with the departure of the clergy, as if now nothing could control it.

I belong to those children of an older and simpler generation who do not love to seek for psychological subtleties in art; and I have ever refused to find in music anything more than melody and harmony, but I felt that in the labyrinth of sounds now issuing from that instrument there was something being

hunted. Up and down the pedals chased him, while the manuals blared approval. Poor devil! whoever he was, there seemed small hope of escape!

My nervous annoyance changed to anger. Who was doing this? How dare he play like that in the midst of divine service? I glanced at the people near me: not one appeared to be in the least disturbed. The placid brows of the kneeling nuns, still turned towards the altar, lost none of their devout abstraction under the pale shadow of their white head-dress. The fashionable lady beside me was looking expectantly at Monseigneur C——. For all her face betrayed, the organ might have been singing an Ave Maria.

But now, at last, the preacher had made the sign of the cross, and commanded silence. I turned to him gladly. Thus far I had not found the rest I had counted on when I entered St. Barnabé that afternoon. I was worn out by three nights of physical suffering and mental trouble: the last had been the worst, and it was an exhausted body, and a mind benumbed and yet acutely sensitive, which I had brought to my favourite church for healing. For I had been reading The King in Yellow.

"The sun ariseth; they gather themselves together and lay them down in their dens." Monseigneur C—— delivered his text in a calm voice, glancing quietly over the congregation. My eyes turned, I knew not why, toward the lower end of the church. The organist was coming from behind his pipes, and passing along the gallery on his way out, I saw him disappear by a small door that leads to some stairs which descend directly to the street. He was a slender man, and his face was as white as his coat was black. "Good riddance!" I thought, "with your wicked music! I hope your assistant will play the closing voluntary."

With a feeling of relief—with a deep, calm feeling of relief, I turned back to the mild face in the pulpit and settled myself to

listen. Here, at last, was the ease of mind I longed for.

"My children," said the preacher, "one truth the human soul finds hardest of all to learn: that it has nothing to fear. It can never be made to see that nothing can really harm it." "Curious doctrine!" I thought, "for a Catholic priest. Let us see how he will reconcile that with the Fathers." "Nothing can really harm the soul," he went on, in, his coolest, clearest tones, "because——" But I never heard the rest; my eye left his face, I knew not for what reason, and sought the lower end of the church. The same man was coming out from behind the organ, and was passing along the gallery the same way. But there had not been time for him to return, and if he had returned, I must have seen him. I felt a faint chill, and my heart sank; and yet, his going and coming were no affair of mine. I looked at him: I could not look away from his black figure and his white face. When he was exactly opposite to me, he turned and sent across the church straight into my eyes, a look of hate, intense and deadly: I have never seen any other like it; would to God I might never see it again! Then he disappeared by the same door through which I had watched him depart less than sixty seconds before.

I sat and tried to collect my thoughts. My first sensation was like that of a very young child badly hurt, when it catches its breath before crying out.

To suddenly find myself the object of such hatred was exquisitely painful: and this man was an utter stranger. Why should he hate me so?—me, whom he had never seen before? For the moment all other sensation was merged in this one pang: even fear was subordinate to grief, and for that moment I never doubted; but in the next I began to reason, and a sense of the incongruous came to my aid.

Đột ngột phát hiện mình là đối tượng của sự căm ghét như vậy là một cảm giác cực kỳ đau đớn: và người đàn ông này là một

người hoàn toàn xa lạ. Tại sao anh ta lại căm ghét tôi như vậy? - tôi, mà anh ta chưa bao giờ gặp trước đây? Trong khoảnh khắc đó, mọi cảm giác khác đều tan biến vào cảm giác đau đớn này: thậm chí sợ hãi cũng bị đẩy xuống dưới bởi nỗi đau, và trong khoảnh khắc đó tôi không bao giờ nghi ngờ; nhưng ở lần sau tôi bắt đầu suy luận, và một cảm giác về sự không hợp lý đã đến cứu giúp tôi.

As I have said, St. Barnabé is a modern church. It is small and well lighted; one sees all over it almost at a glance. The organ gallery gets a strong white light from a row of long windows in the clerestory, which have not even coloured glass.

Như tôi đã nói, St. Barnabé là một nhà thờ hiện đại. Nó nhỏ và được chiếu sáng tốt; người ta có thể nhìn thấy toàn bộ nó chỉ qua một cái nhìn. Thư viện ống âm nhận được ánh sáng trắng mạnh từ một dãy cửa sổ dài ở tầng cao, mà không có kính màu sắc.

The pulpit being in the middle of the church, it followed that, when I was turned toward it, whatever moved at the west end could not fail to attract my eye. When the organist passed it was no wonder that I saw him: I had simply miscalculated the interval between his first and his second passing. He had come in that last time by the other side-door. As for the look which had so upset me, there had been no such thing, and I was a nervous fool.

Vì bục giảng ở giữa nhà thờ, nên khi tôi nhìn về phía đó, bất kỳ điều gì di chuyển ở phía tây không thể không thu hút ánh nhìn của tôi. Khi người chơi đàn ống qua, không có gì lạ khi tôi nhìn thấy anh ta: tôi chỉ đơn giản là tính sai khoảng thời gian giữa lần đi qua đầu tiên và lần thứ hai của anh ta. Lần cuối cùng anh ta đã đến từ cửa bên kia. Còn về ánh nhìn khiến tôi bối rối, không có sự việc đó, và tôi chỉ là một kẻ hèn nhát.

I looked about. This was a likely place to harbour supernatural horrors! That clear-cut, reasonable face of Monseigneur C——, his collected manner and easy, graceful gestures, were they not just a little discouraging to the notion of a gruesome mystery? I glanced above his head, and almost laughed. That flyaway lady supporting one corner of the pulpit canopy, which looked like a fringed damask table-cloth in a high wind, at the first attempt of a basilisk to pose up there in the organ loft, she would point her gold trumpet at him, and puff him out of existence! I laughed to myself over this conceit, which, at the time, I thought very amusing, and sat and chaffed myself and everything else, from the old harpy outside the railing, who had made me pay ten centimes for my chair, before she would let me in (she was more like a basilisk, I told myself, than was my organist with the anaemic complexion): from that grim old dame, to, yes, alas! Monseigneur C- himself. For all devoutness had fled. I had never yet done such a thing in my life, but now I felt a desire to mock.

Tôi nhìn xung quanh. Đây là một nơi có khả năng chứa đựng những kinh hoàng siêu nhiên! Khuôn mặt rõ ràng, hợp lý của Monseigneur C—, cử chỉ bình tĩnh và dễ dàng, nhẹ nhàng, liệu chúng có không chút nào làm mất hứng thú với khái niệm về một bí ẩn đáng sợ không? Tôi nhìn lên phía trên đầu anh ta, và gần như cười. Người phụ nữ mặc váy bay bổng ở góc bức màn buc giảng, trông giống như một chiếc tấm bàn phủ lua viền trong gió mạnh, ở lần thử nghiệm đầu tiên của một con rồng núi lên đó ở tầng cao của thư viện ống âm, cô ấy sẽ chỉ chiến với ống kèn và thổi anh ta mất! Tôi cười với bản thân về ý tưởng này, mà lúc đó tôi nghĩ rất hài hước, và ngồi và chọc tức bản thân và mọi thứ khác, từ bà cụ cũng ngoài hàng rào, đã khiến tôi phải trả mười xu cho chiếc ghế của mình, trước khi cô ấy để tôi vào (tôi nói với bản thân, cô ấy giống một con rồng núi hơn là người chơi đàn ống của tôi với làn da ủ rũ): từ bà cụ già grim, đển, vâng, thảo nào! Monseigneur C---- chính mình. Vì tất cả sự sùng đạo đã biến mất. Trong cả cuộc đời, tôi chưa bao giờ làm một điều như vậy, nhưng bây giờ tôi cảm thấy muốn chế nhạo.

As for the sermon, I could not hear a word of it for the jingle in my ears of keeping time to the most fantastic and irreverent thoughts.

Còn với bài giảng, tôi không thể nghe được một từ nào vì tiếng chuông trong tai tôi đang giữ thời gian cho những suy nghĩ phong phú và thiếu tôn trọng nhất.

It was no use to sit there any longer: I must get out of doors and shake myself free from this hateful mood. I knew the rudeness I was committing, but still I rose and left the church.

Việc ngồi đó không còn ý nghĩa nữa: tôi phải ra ngoài và giải thoát bản thân khỏi tâm trạng đáng ghét này. Tôi biết tôi đang phạm phải sự thô lỗ, nhưng vẫn tôi đứng dậy và rời nhà thờ.

A spring sun was shining on the Rue St. Honoré, as I ran down the church steps. On one corner stood a barrow full of yellow jonquils, pale violets from the Riviera, dark Russian violets, and white Roman hyacinths in a golden cloud of mimosa. The street was full of Sunday pleasure-seekers. I swung my cane and laughed with the rest. Some one overtook and passed me. He never turned, but there was the same deadly malignity in his white profile that there had been in his eyes. I watched him as long as I could see him. His lithe back expressed the same menace; every step that carried him away from me seemed to bear him on some errand connected with my destruction.

Một bình minh mùa xuân chiếu sáng trên đường Rue St. Honoré, khi tôi chạy xuống bậc thang nhà thờ. Ở một góc đường đứng một chiếc xe đẩy đầy hoa loa kèn màu vàng, hoa violet nhạt từ Riviera, hoa violet Nga đậm, và hoa hue xanh la mã trắng trong một đám mây vàng của cây mimoza. Đường phố đầy người tìm kiếm niềm vui của Chúa Nhật. Tôi vung roi và cười

cùng với mọi người. Một người đuổi theo và vượt qua tôi. Anh ta không bao giờ quay lại, nhưng vẫn có sự độc hại chết chóc trong hồ sơ trắng của anh ta mà đã từng ở trong đôi mắt của anh ta. Tôi nhìn anh ta càng lâu càng tốt. Lưng linh hoạt của anh ta biểu hiện cùng một mối đe dọa; mỗi bước đi xa tôi dường như đều đưa anh ta đến một nhiệm vụ liên quan đến sự hủy hoại của tôi.

I was creeping along, my feet almost refusing to move. There began to dawn in me a sense of responsibility for something long forgotten. It began to seem as if I deserved that which he threatened: it reached a long way back—a long, long way back. It had lain dormant all these years: it was there, though, and presently it would rise and confront me. But I would try to escape; and I stumbled as best I could into the Rue de Rivoli, across the Place de la Concorde and on to the Quai. I looked with sick eyes upon the sun, shining through the white foam of the fountain, pouring over the backs of the dusky bronze rivergods, on the far-away Arc, a structure of amethyst mist, on the countless vistas of grey stems and bare branches faintly green. Then I saw him again coming down one of the chestnut alleys of the Cours la Reine.

Tôi bò dần, đôi chân của tôi gần như từ chối di chuyển. Bắt đầu trong tôi xuất hiện một cảm giác trách nhiệm đối với một điều đã quên lâu. Bắt đầu có vẻ như tôi xứng đáng với điều mà anh ta đe dọa: nó đi xa về sau - một cách rất xa. Nó đã im lặng suốt những năm qua: nó ở đó, tuy nhiên, và sẽ sớm trỗi dậy và đối mặt với tôi. Nhưng tôi sẽ cố gắng trốn thoát; và tôi vấp ngã càng tốt có thể vào đường Rue de Rivoli, qua Place de la Concorde và đến Quai. Tôi nhìn với ánh mắt mệt mỏi vào mặt trời, chiếu qua bọt trắng của phun nước, tràn qua lưng của những vị thần sông đồng đen tối, trên Arc xa xôi, một cấu trúc của sương màu tím, trên những tầm nhìn vô số của các cành cây xám và những cành cây trần nhẹ nhàng xanh nhạt. Sau đó tôi thấy anh ta lại đang đi xuống một trong những con hẻm dẽo của Cours la Reine.

I left the river-side, plunged blindly across to the Champs Elysées and turned toward the Arc. The setting sun was sending its rays along the green sward of the Rond-point: in the full glow he sat on a bench, children and young mothers all about him. He was nothing but a Sunday lounger, like the others, like myself. I said the words almost aloud, and all the while I gazed on the malignant hatred of his face. But he was not looking at me. I crept past and dragged my leaden feet up the Avenue. I knew that every time I met him brought him nearer to the accomplishment of his purpose and my fate. And still I tried to save myself.

Tôi rời xa bờ sông, lao mù quáng qua đến Champs Elysées và quay về phía Arc. Ánh mặt trời đang gửi tia sáng của nó dọc theo bãi cỏ xanh của Rond-point: trong ánh sáng chói lọi, anh ta ngồi trên một chiếc ghế, xung quanh anh có trẻ em và các bà mẹ trẻ. Anh ta không phải là gì ngoài một người dạo chơi Chúa Nhật, giống như những người khác, giống như tôi. Tôi nói những từ gần như to lên, và suốt thời gian đó tôi nhìn chăm chú vào sự căm ghét độc hại trên khuôn mặt của anh ta. Nhưng anh ta không nhìn tôi. Tôi bò qua và kéo đôi chân nặng nề lên đại lộ. Tôi biết rằng mỗi lần gặp anh ta lại đưa anh ta gần hơn đến việc hoàn thành mục đích và số phận của tôi. Và vẫn tôi cố gắng cứu mình.

The last rays of sunset were pouring through the great Arc. I passed under it, and met him face to face. I had left him far down the Champs Elysées, and yet he came in with a stream of people who were returning from the Bois de Boulogne. He came so close that he brushed me. His slender frame felt like iron inside its loose black covering. He showed no signs of haste, nor of fatigue, nor of any human feeling. His whole being expressed one thing: the will, and the power to work me evil.

Những tia nắng cuối cùng của hoàng hôn đổ qua Arc lớn. Tôi đi dưới đó, và gặp anh ta mặt đối mặt. Tôi đã rời xa anh ta ở dưới

Champs Elysées, và tuy nhiên anh ta đi cùng với một dòng người trở lại từ Bois de Boulogne. Anh ta đi rất gần, đến nỗi anh ta lau qua tôi. Cơ thể mảnh mai của anh ta cảm thấy như sắt bên trong lớp áo đen lỏng lẻo của mình. Anh ta không cho thấy dấu hiệu vội vã, không mệt mỏi, không cảm xúc của con người nào. Toàn

My apartment was at the top of a house, halfway down the court, reached by a staircase that descended almost into the street, with only a bit of passage-way intervening, I set my foot on the threshold of the open door, the friendly old ruinous stairs rose before me, leading up to rest and shelter. Looking back over my right shoulder, I saw him, ten paces off. He must have entered the court with me.

Căn hộ của tôi nằm ở tầng trên của một căn nhà, nửa đường trong sân, qua một bậc cầu thang hạ xuống gần như ra đường, chỉ có một chút hành lang ở giữa, tôi đặt chân lên ngưỡng cửa mở, những bậc cầu thang cũ hỏng hóc mở ra trước mặt tôi, dẫn lên nơi nghỉ ngơi và trú ẩn. Nhìn lại qua vai phải, tôi thấy anh ta, cách tôi mười bước. Anh ta phải đã vào sân cùng tôi.

He was coming straight on, neither slowly, nor swiftly, but straight on to me. And now he was looking at me. For the first time since our eyes encountered across the church they met now again, and I knew that the time had come.

Anh ta đang đi thẳng, không chậm cũng không nhanh, mà thẳng tới gần tôi. Và bây giờ anh ta đang nhìn tôi. Lần đầu tiên kể từ khi ánh mắt của chúng ta gặp nhau qua nhà thờ, chúng gặp lại nhau lần nữa, và tôi biết rằng thời gian đã đến.

Retreating backward, down the court, I faced him. I meant to escape by the entrance on the Rue du Dragon. His eyes told me that I never should escape.

Rút lui về phía sau, xuống sân, tôi đối diện anh ta. Tôi định trốn qua lối vào trên đường Rue du Dragon. Ánh mắt của anh ta nói với tôi rằng tôi sẽ không bao giờ trốn được.

It seemed ages while we were going, I retreating, he advancing, down the court in perfect silence; but at last I felt the shadow of the archway, and the next step brought me within it. I had meant to turn here and spring through into the street. But the shadow was not that of an archway; it was that of a vault. The great doors on the Rue du Dragon were closed. I felt this by the blackness which surrounded me, and at the same instant I read it in his face.

Dường như đã qua rất nhiều thời gian khi chúng tôi đi, tôi rút lui, anh ta tiến lên, xuống sân trong im lặng hoàn hảo; nhưng cuối cùng tôi cảm thấy bóng của hành lang, và bước tiếp theo đưa tôi vào đó. Tôi đã định quay đầu ở đây và nhảy qua ra đường. Nhưng bóng đó không phải của một hành lang; đó là của một hầm. Cánh cửa lớn trên đường Rue du Dragon đã đóng cửa. Tôi cảm nhận điều này qua sự tối om xung quanh tôi, và cùng lúc đó tôi đọc được nó trên gương mặt của anh ta.

How his face gleamed in the darkness, drawing swiftly nearer! The deep vaults, the huge closed doors, their cold iron clamps were all on his side. The thing which he had threatened had arrived: it gathered and bore down on me from the fathomless shadows; the point from which it would strike was his infernal eyes. Hopeless, I set my back against the barred doors and defied him.

Làm sao gương mặt anh ta lóe sáng trong bóng tối, vẽ nhanh chóng gần tới! Những hầm sâu, cánh cửa lớn đóng cửa, những chiếc gài sắt lạnh lẽo đều ở phía anh ta. Điều mà anh ta đã đe dọa đã đến: nó tụ lại và áp xuống tôi từ những bóng tối không đáy; điểm mà nó sẽ đánh là đôi mắt ma quái của anh ta. Không hy vọng, tôi đặt lưng vào cửa cấm và thách thức anh ta.

There was a scraping of chairs on the stone floor, and a rustling as the congregation rose. I could hear the Suisse's staff in the south aisle, preceding Monseigneur C—— to the sacristy.

Có tiếng kéo ghế trên sàn đá, và tiếng xào xạt khi cộng đồng đứng lên. Tôi có thể nghe thấy gậy của Suisse trên lối đi phía nam, đi trước Monseigneur C—— vào phòng thờ.

The kneeling nuns, roused from their devout abstraction, made their reverence and went away. The fashionable lady, my neighbour, rose also, with graceful reserve. As she departed her glance just flitted over my face in disapproval.

Những nữ tu quỳ, bị đánh thức khỏi sự tập trung sùng kính của họ, cúi đầu và đi đi. Người phụ nữ thời trang, hàng xóm của tôi, cũng đứng dậy, với sự dè dặt duyên dáng. Khi cô ấy rời đi, ánh nhìn của cô ấy chỉ lướt qua khuôn mặt tôi một cách không hài lòng.

Half dead, or so it seemed to me, yet intensely alive to every trifle, I sat among the leisurely moving crowd, then rose too and went toward the door.

Nửa chết, hoặc ít nhất với tôi là vậy, nhưng rất sống động với mọi vấn đề nhỏ, tôi ngồi giữa đám đông di chuyển chậm rãi, sau đó cũng đứng dậy và đi về phía cửa ra.

I had slept through the sermon. Had I slept through the sermon? I looked up and saw him passing along the gallery to his place. Only his side I saw; the thin bent arm in its black covering looked like one of those devilish, nameless instruments which lie in the disused torture-chambers of mediaeval castles.

Tôi đã ngủ qua bài thuyết giảng. Liệu tôi đã ngủ qua bài thuyết giảng không? Tôi nhìn lên và thấy anh ta đi dọc theo hành lang đến chỗ ngồi của mình. Chỉ thấy phía bên của anh ta; cánh tay

mảnh mai uốn cong trong lớp vải đen của nó trông giống như một trong những dụng cụ ma quỷ, không tên nằm trong những phòng tra tấn không còn sử dụng của lâu đài thời trung cổ.

But I had escaped him, though his eyes had said I should not. Had I escaped him? That which gave him the power over me came back out of oblivion, where I had hoped to keep it. For I knew him now. Death and the awful abode of lost souls, whither my weakness long ago had sent him—they had changed him for every other eye, but not for mine.

Nhưng tôi đã thoát khỏi anh ta, mặc dù ánh mắt của anh ta đã nói rằng tôi sẽ không thoát được. Liệu tôi đã thoát khỏi anh ta không? Điều mà đã cho anh ta quyền lực trên tôi trở lại từ quên lãng, nơi tôi đã hy vọng giữ cho nó. Vì tôi biết anh ta bây giờ. Sự chết và nơi ở khủng khiếp của những linh hồn bị lạc, nơi mà sự yếu đuối của tôi đã gửi anh ta đi từ lâu—họ đã thay đổi anh ta đối với mọi ánh mắt khác, nhưng không đối với tôi.

I had recognized him almost from the first; I had never doubted what he was come to do; and now I knew while my body sat safe in the cheerful little church, he had been hunting my soul in the Court of the Dragon.

Tôi đã nhận ra anh ta gần như từ lúc đầu; tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều anh ta đã đến để làm; và bây giờ tôi biết trong khi cơ thể của tôi ngồi an toàn trong nhà thờ nhỏ vui vẻ, anh ta đã đi săn linh hồn của tôi trong Sân của Rồng.

I crept to the door: the organ broke out overhead with a blare. A dazzling light filled the church, blotting the altar from my eyes. The people faded away, the arches, the vaulted roof vanished. I raised my seared eyes to the fathomless glare, and I saw the black stars hanging in the heavens: and the wet winds from the lake of Hali chilled my face.

Tôi bò đến cửa: đàn ống phát ra tiếng ầm ầm từ trên cao. Ánh sáng lấp lánh lấp đầy nhà thờ, làm mờ bàn thờ khỏi tầm nhìn của tôi. Mọi người tan biến, những vòm cung, mái vòm biến mất. Tôi nhấc ánh mắt đau nhức lên ánh sáng không đáy, và tôi thấy những vì sao đen treo trên bầu trời: và gió ẩm từ hồ Hali lạnh người tôi.

And now, far away, over leagues of tossing cloud-waves, I saw the moon dripping with spray; and beyond, the towers of Carcosa rose behind the moon.

Và bây giờ, xa xa, qua những dải sóng mây đang lăn tăn, tôi thấy mặt trăng rơi giọt sương; và phía sau, những tháp Carcosa nổi lên phía sau mặt trăng.

Death and the awful abode of lost souls, whither my weakness long ago had sent him, had changed him for every other eye but mine. And now I heard his voice, rising, swelling, thundering through the flaring light, and as I fell, the radiance increasing, increasing, poured over me in waves of flame. Then I sank into the depths, and I heard the King in Yellow whispering to my soul: "It is a fearful thing to fall into the hands of the living God!"

Sự chết và nơi ở khủng khiếp của những linh hồn bị lạc, nơi mà sự yếu đuối của tôi đã gửi anh ta đi từ lâu, đã thay đổi anh ta đối với mọi ánh mắt trừ ánh mắt của tôi. Và bây giờ tôi nghe thấy giọng của anh ta, nổi lên, phồng to, vang rền qua ánh sáng bừng lên, và khi tôi ngã, ánh sáng ngày càng tăng, tăng, trào qua tôi dưới dạng sóng lửa. Sau đó tôi chìm vào sâu thẳm, và tôi nghe thấy Hoàng Kim Vương thì thầm vào linh hồn tôi: "Rơi vào tay của Thượng Đế sống là một việc đáng sợ!"

THE YELLOW SIGN

There are so many things which are impossible to explain! Why should certain chords in music make me think of the brown and golden tints of autumn foliage? Why should the Mass of Sainte Cécile bend my thoughts wandering among caverns whose walls blaze with ragged masses of virgin silver? What was it in the roar and turmoil of Broadway at six o'clock that flashed before my eyes the picture of a still Breton forest where sunlight filtered through spring foliage and Sylvia bent, half curiously, half tenderly, over a small green lizard, murmuring: "To think that this also is a little ward of God!"

Có quá nhiều điều không thể giải thích! Tại sao những hợp âm nhất định trong âm nhạc khiến tôi nghĩ đến sắc nâu và vàng của lá mùa thu? Tại sao Thánh Caecilia lại khiến suy nghĩ của tôi lạc lõng giữa hang động với những bức tường lóe lên bằng những khối bạc sạch? Điều gì trong tiếng ồn ào của Broadway lúc sáu giờ chiều khiến hình ảnh một khu rừng Breton yên bình nơi ánh nắng lọc qua tán lá mùa xuân và Sylvia cúi xuống, nửa tò mò, nửa ân cần, trước một con thần lần xanh nhỏ, thì thầm: "Suy nghĩ rằng cũng là một phần nhỏ của Thiên Chúa!"

When I first saw the watchman his back was toward me. I looked at him indifferently until he went into the church. I paid no more attention to him than I had to any other man who lounged through Washington Square that morning, and when I shut my window and turned back into my studio I had forgotten him. Late in the afternoon, the day being warm, I raised the window again and leaned out to get a sniff of air. A man was standing in the courtyard of the church, and I noticed him again with as little interest as I had that morning. I looked across the square to where the fountain was playing and then, with my mind filled with vague impressions of trees, asphalt drives, and the moving groups of nursemaids and holiday-makers, I started to walk back to my easel. As I turned, my listless glance included the man below in the churchyard. His face was toward me now, and with a perfectly involuntary

movement I bent to see it. At the same moment he raised his head and looked at me. Instantly I thought of a coffin-worm. Whatever it was about the man that repelled me I did not know, but the impression of a plump white grave-worm was so intense and nauseating that I must have shown it in my expression, for he turned his puffy face away with a movement which made me think of a disturbed grub in a chestnut.

Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy người canh gác, lưng anh ta hướng về phía tôi. Tôi nhìn anh ta một cách lãnh đạm cho đến khi anh ta vào nhà thờ. Tôi không chú

"What a horrible colour it is now," she continued. "Do you think my flesh resembles green cheese?"

"Màu nó đáng sợ quá," cô tiếp tục. "Anh nghĩ da tôi có giống phô mai xanh không?"

"No, I don't," I said angrily; "did you ever know me to paint like that before?"

"Không, tôi không," tôi nói giận dữ; "anh từng thấy tôi vẽ như vây bao giờ chưa?"

"No, indeed!"

"Không, chắc chắn không!"

"Well, then!"

"Vây thì sao nữa!"

"It must be the turpentine, or something," she admitted.

"Chắc là tạp chất, hoặc cái gì đó," cô thừa nhận.

She slipped on a Japanese robe and walked to the window. I scraped and rubbed until I was tired, and finally picked up my

brushes and hurled them through the canvas with a forcible expression, the tone alone of which reached Tessie's ears.

Cô mặc một chiếc áo choàng Nhật Bản và đi đến cửa sổ. Tôi cọ và lau cho đến khi mệt mỏi, rồi cuối cùng lấy cọ và ném chúng qua bức vẽ với một biểu hiện mạnh mẽ, âm thanh duy nhất đến tai Tessie.

Nevertheless she promptly began: "That's it! Swear and act silly and ruin your brushes! You have been three weeks on that study, and now look! What's the good of ripping the canvas? What creatures artists are!"

Tuy nhiên cô ngay lập tức bắt đầu: "Đó! Chửi rủa và hành động ngốc nghếch và làm hỏng cọ của anh! Anh đã dành ba tuần cho bức tranh đó, và giờ nhìn! Việc gì có lợi khi xé rách bức vẽ? Họa sĩ thật là những sinh vật kỳ lạ!"

I felt about as much ashamed as I usually did after such an outbreak, and I turned the ruined canvas to the wall. Tessie helped me clean my brushes, and then danced away to dress. From the screen she regaled me with bits of advice concerning whole or partial loss of temper, until, thinking, perhaps, I had been tormented sufficiently, she came out to implore me to button her waist where she could not reach it on the shoulder.

Tôi cảm thấy xấu hổ tương tự như sau mỗi lần bùng phát như vậy, và tôi quay bức tranh hỏng vào tường. Tessie giúp tôi lau sạch cọ, rồi nhảy múa đi thay quần áo. Từ khu vực che màn, cô chia sẻ với tôi một số lời khuyên về việc kiểm soát cảm xúc, cho đến khi, có lẽ, cô nghĩ rằng đã quấy rối tôi đủ, cô ra ngoài van xin tôi nút áo cho cô ở chỗ cô không thể chạm tới trên vai.

II The next morning, Thomas, the bell-boy, brought me the Herald and a bit of news. The church next door had been sold. I thanked Heaven for it, not that being a Catholic I had any repugnance for the congregation next door, but because my nerves were shattered by a blatant exhorter, whose every word echoed through the aisle of the church as if it had been my own rooms, and who insisted on his r's with a nasal persistence which revolted my every instinct. Then, too, there was a fiend in human shape, an organist, who reeled off some of the grand old hymns with an interpretation of his own, and I longed for the blood of a creature who could play the doxology with an amendment of minor chords which one hears only in a quartet of very young undergraduates. I believe the minister was a good man, but when he bellowed: "And the Lorrrrd said unto Moses, the Lorrrd is a man of war; the Lorrrd is his name. My wrath shall wax hot and I will kill you with the sworrrrd!" I wondered how many centuries of purgatory it would take to atone for such a sin. "Who bought the property?" I asked Thomas. "Nobody that I knows, sir. They do say the gent wot owns this 'ere 'Amilton flats was lookin' at it. 'E might be a bildin' more studios." I walked to the window. The young man with the unhealthy face stood by the churchyard gate, and at the mere sight of him the same overwhelming repugnance took possession of me. "By the way, Thomas," I said, "who is that fellow down there?" Thomas sniffed. "That there worm, sir? 'Es night-watchman of the church, sir. 'E maikes me tired a-sittin' out all night on them steps and lookin' at you insultin' like. I'd a punched is 'ed, sir—beg pardon, sir—" "Go on, Thomas." "One night a comin' 'ome with 'Arry, the other English boy, I sees 'im a sittin' there on them steps. We 'ad Molly and Jen with us, sir, the two girls on the tray service, an' 'e looks so insultin' at us that I up and sez: 'Wat you looking hat, you fat slug?'—beg pardon, sir, but that's 'ow I sez, sir. Then 'e don't say nothin' and I sez: 'Come out and I'll punch that puddin' 'ed.' Then I hopens the gate an' goes in, but 'e don't say nothin', only looks insultin' like. Then I

'its 'im one, but, ugh! 'is 'ed was that cold and mushy it ud sicken you to touch 'im." "What did he do then?" I asked curiously. "'Im? Nawthin'." "And you, Thomas?" The young fellow flushed with embarrassment and smiled uneasily. "Mr. Scott, sir, I ain't no coward, an' I can't make it out at all why I run. I was in the 5th Lawncers, sir, bugler at Tel-el-Kebir, an' was shot by the wells." "You don't mean to say you ran away?" "Yes, sir; I run." "Why?" "That's just what I want to know, sir. I grabbed Molly an' run, an' the rest was as frightened as I." "But what were they frightened at?" Thomas refused to answer for a while, but now my curiosity was aroused about the repulsive young man below and I pressed him. Three years' sojourn in America had not only modified Thomas' cockney dialect but had given him the American's fear of ridicule. "You won't believe me, Mr. Scott, sir?" "Yes, I will." "You will lawf at me, sir?" "Nonsense!" He hesitated. "Well, sir, it's Gawd's truth that when I 'it 'im 'e grabbed me wrists, sir, and when I twisted 'is soft, mushy fist one of 'is fingers come off in me 'and." The utter loathing and horror of Thomas' face must have been reflected in my own, for he added: "It's orful, an' now when I see 'im I just go away. 'E maikes me hill." When Thomas had gone I went to the window. The man stood beside the church-railing with both hands on the gate, but I hastily retreated to my easel again, sickened and horrified, for I saw that the middle finger of his right hand was missing.

It was foolish and thoughtless of me to say this, but you know how little tact the average painter has. "I must have fallen asleep about ten o'clock," I continued, "and after a while I dreamt that I awoke. So plainly did I hear the midnight bells, the wind in the tree-branches, and the whistle of steamers from the bay, that even now I can scarcely believe I was not awake. I seemed to be lying in a box which had a glass cover. Dimly I saw the street lamps as I passed, for I must tell you, Tessie, the box in which I reclined appeared to lie in a cushioned wagon which jolted me over a stony pavement. After a while I became impatient and

tried to move, but the box was too narrow. My hands were crossed on my breast, so I could not raise them to help myself. I listened and then tried to call. My voice was gone. I could hear the trample of the horses attached to the wagon, and even the breathing of the driver. Then another sound broke upon my ears like the raising of a window sash. I managed to turn my head a little, and found I could look, not only through the glass cover of my box, but also through the glass panes in the side of the covered vehicle. I saw houses, empty and silent, with neither light nor life about any of them excepting one. In that house a window was open on the first floor, and a figure all in white stood looking down into the street. It was you."

Điều này là ngu ngốc và thiếu suy nghĩ khi tôi nói điều này, nhưng bạn biểt cách mà các họa sĩ thông thường thiếu tế nhị. "Tôi nên đã ngủ vào khoảng mười giờ," tôi tiếp tục, "và sau một thời gian tôi mơ thấy mình tỉnh giấc. Thật rõ ràng mà tôi nghe thấy tiếng chuông nửa đêm, tiếng gió trong những cành cây, và tiếng còi tàu hơi từ vinh, đến mức ngay cả bây giờ tôi vẫn khó tin rằng mình không tỉnh giấc. Dường như tôi đang nằm trong một hộp có nắp kính. Mờ mi tội nhìn thấy đèn đường khi tội đi qua, vì tôi phải nói với bạn, Tessie, chiếc hộp mà tôi nằm trông giống như nằm trong một chiếc xe ngựa đệm mà đường xá gồ ghề làm tôi bị lắc. Sau một thời gian, tôi trở nên nôn nóng và cố di chuyển, nhưng chiếc hộp quá chật. Tay tôi bị gập chéo trên ngực, nên tôi không thể nâng chúng lên để giúp mình. Tôi lắng nghe và sau đó cố gọi. Tiếng nói của tôi đã mất. Tôi có thể nghe thấy tiếng ngựa kéo chiếc xe ngựa, và thâm chí còn nghe thấy hơi thở của tài xế. Sau đó, một âm thanh khác vang lên trong tai tôi như tiếng mở cửa sổ. Tôi xoay đầu một chút và phát hiện mình có thể nhìn, không chỉ qua nắp kính của chiếc hộp của mình, mà còn qua các tấm kính ở bên của phương tiện che kín. Tôi thấy những căn nhà, trống trải và yên tĩnh, không có ánh sáng hay sự sống nào xung quanh ngoại trừ một căn. Trong căn nhà đó, một cửa sổ mở ở tầng một, và một hình ảnh toàn bộ mặc trắng đang nhìn xuống đường. Đó là ban."

Tessie had turned her face away from me and leaned on the table with her elbow. "I could see your face," I resumed, "and it seemed to me to be very sorrowful. Then we passed on and turned into a narrow black lane. Presently the horses stopped. I waited and waited, closing my eyes with fear and impatience, but all was silent as the grave. After what seemed to me hours, I began to feel uncomfortable. A sense that somebody was close to me made me unclose my eyes. Then I saw the white face of the hearse-driver looking at me through the coffin-lid——" A sob from Tessie interrupted me. She was trembling like a leaf. I saw I had made an ass of myself and attempted to repair the damage. "Why, Tess," I said, "I only told you this to show you what influence your story might have on another person's dreams. You don't suppose I really lay in a coffin, do you? What are you trembling for? Don't you see that your dream and my unreasonable dislike for that inoffensive watchman of the church simply set my brain working as soon as I fell asleep?" She laid her head between her arms, and sobbed as if her heart would break. What a precious triple donkey I had made of myself! But I was about to break my record. I went over and put my arm about her. "Tessie dear, forgive me," I said; "I had no business to frighten you with such nonsense. You are too sensible a girl, too good a Catholic to believe in dreams."

Tessie đã quay mặt ra xa tôi và tựa vào bàn với cánh tay. "Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt của bạn," tôi tiếp tục, "và dường như nó rất buồn. Sau đó chúng ta đi tiếp và rẽ vào một con hẻm đen hẹp. Chốc lát, ngựa dừng lại. Tôi chờ đợi và chờ đợi, nhắm mắt với nỗi sợ hãi và nôn nóng, nhưng mọi thứ im lặng như mồ côi. Sau cái giờ giấc trong tâm tôi, tôi bắt đầu cảm thấy không thoải mái. Một cảm giác rằng có ai đó gần tôi khiến tôi mở mắt. Sau đó tôi nhìn thấy khuôn mặt trắng của tài xế xe tang nhìn tôi qua nắp quan tài——" Tiếng khóc từ Tessie làm gián đoạn tôi. Cô run lên như một chiếc lá. Tôi nhận ra mình đã làm một con lừa ba lớp và cố gắng khắc phục hậu quả. "Thế này, Tess," tôi nói, "Tôi chỉ nói cho bạn nghe điều này để cho bạn biết ảnh hưởng của

câu chuyện của bạn có thể gây ra trong giấc mơ của người khác. Bạn không nghĩ rằng tôi thật sự nằm trong một chiếc quan tài, phải không? Tại sao bạn run lên vậy? Bạn không thấy rằng giấc mơ của bạn và sự không thích của tôi với người bảo vệ nhà thờ vô tội đơn giản chỉ khiến cho não tôi hoạt động ngay sau khi tôi ngủ?" Cô đặt đầu vào giữa tay và khóc như trái tim cô sắp vỡ ra. Tôi đã tự làm mình thành một con lừa ba lớp quý giá! Nhưng tôi sắp phá vỡ kỷ lục của mình. Tôi đến và ôm cô. "Tessie yêu quý, hãy tha thứ cho tôi," tôi nói; "Tôi không có quyền làm bạn sợ hãi bằng những điều vô lý như vậy. Bạn là một cô gái quá thông minh, một người Công giáo quá tốt để tin vào những giấc mơ."

That evening I took my usual walk in Washington Park, pondering over the occurrences of the day. I was thoroughly committed. There was no back out now, and I stared the future straight in the face. I was not good, not even scrupulous, but I had no idea of deceiving either myself or Tessie. The one passion of my life lay buried in the sunlit forests of Brittany. Was it buried for ever? Hope cried "No!" For three years I had been listening to the voice of Hope, and for three years I had waited for a footstep on my threshold. Had Sylvia forgotten? "No!" cried Hope. I said that I was no good. That is true, but still I was not exactly a comic opera villain. I had led an easy-going reckless life, taking what invited me of pleasure, deploring and sometimes bitterly regretting consequences. In one thing alone, except my painting, was I serious, and that was something which lay hidden if not lost in the Breton forests. It was too late for me to regret what had occurred during the day. Whatever it had been, pity, a sudden tenderness for sorrow, or the more brutal instinct of gratified vanity, it was all the same now, and unless I wished to bruise an innocent heart, my path lay marked before me. The fire and strength, the depth of passion of a love which I had never even suspected, with all my imagined experience in the world, left me no alternative but to respond or send her away. Whether because I am so cowardly about giving pain to others, or whether it was that I have little of the gloomy Puritan in me, I do not know, but I shrank from disclaiming responsibility for that thoughtless kiss, and in fact had no time to do so before the gates of her heart opened and the flood poured forth. Others who habitually do their duty and find a sullen satisfaction in making themselves and everybody else unhappy, might have withstood it. I did not. I dared not. After the storm had abated I did tell her that she might better have loved Ed Burke and worn a plain gold ring, but she would not hear of it, and I thought perhaps as long as she had decided to love somebody she could not marry, it had better be me. I, at least, could treat her with an intelligent affection, and whenever she became tired of her infatuation she could go none the worse for it. For I was decided on that point although I knew how hard it would be. I remembered the usual termination of Platonic liaisons, and thought how disgusted I had been whenever I heard of one. I knew I was undertaking a great deal for so unscrupulous a man as I was, and I dreamed the future, but never for one moment did I doubt that she was safe with me. Had it been anybody but Tessie I should not have bothered my head about scruples. For it did not occur to me to sacrifice Tessie as I would have sacrificed a woman of the world. I looked the future squarely in the face and saw the several probable endings to the affair. She would either tire of the whole thing, or become so unhappy that I should have either to marry her or go away. If I married her we would be unhappy. I with a wife unsuited to me, and she with a husband unsuitable for any woman. For my past life could scarcely entitle me to marry. If I went away she might either fall ill, recover, and marry some Eddie Burke, or she might recklessly or deliberately go and do something foolish. On the other hand, if she tired of me, then her whole life would be before her with beautiful vistas of Eddie Burkes and marriage rings and twins and Harlem flats and Heaven knows what. As I strolled along through the trees by the Washington Arch, I decided that she should find a substantial friend in me, anyway, and the future could take care of itself. Then I went into the house and put on my evening dress, for the

little faintly-perfumed note on my dresser said, "Have a cab at the stage door at eleven," and the note was signed "Edith Carmichel, Metropolitan Theatre."

Buổi tối đó, tôi đi dạo như mọi khi trong Công viên Washington, suy ngẫm về những sự kiện của ngày. Tôi đã hoàn toàn cam kết. Giờ không thể rút lui, và tôi nhìn thắng vào tương lai. Tôi không tốt, thậm chí không cẩn thận, nhưng tôi không có ý định lừa dối bản thân hay Tessie. Niềm đam mê duy nhất của cuộc đời tôi nằm chôn sâu trong những khu rừng nắng ở Brittany. Liệu nó đã chôn sâu mãi mãi? Hy vong kêu gào "Không!" Trong ba năm, tôi đã lắng nghe giọng nói của Hy vọng, và trong ba năm, tôi đã đợi chờ một bước chân trên ngưỡng cửa. Sylvia đã quên không? "Không!" kêu gào Hy vọng. Tôi nói rằng tối không tốt. Điều đó đúng, nhưng tôi vẫn không phải là một kẻ phản diện hài kịch. Tôi đã dẫn một cuộc sống thoải mái, mạo hiểm, thưởng thức những gì mà niềm vui mời gọi, than phiền và đôi khi hối tiếc đẳng cay về hậu quả. Trừ công việc vẽ tranh, tôi chỉ nghiêm túc trong một điều, và đó là điều gì đó nằm ẩn giấu, nếu không phải là đã mất trong rừng Brittany. Đã quá muộn để hối tiếc những gì đã xảy ra trong ngày. Dù đó là sự thương hại, một sự mềm lòng đột ngột cho nỗi đau, hoặc bản năng tàn nhẫn của sự tự mãn, giờ đây tất cả đều giống nhau, và trừ khi tôi muốn làm tổn thương một trái tim trong sáng, con đường của tôi đã được đánh dấu trước mặt. Sư mãnh liệt và manh mẽ, sâu sắc của một tình yêu mà tôi chưa bao giờ nghĩ tới, với tất cả kinh nghiệm tưởng tượng của tôi trong thế giới, không để lại cho tôi lựa chọn nào khác ngoài việc đáp lại hoặc đuổi cô đi. Có lẽ vì tôi quá hèn nhát khi gây đau khổ cho người khác, hoặc có lẽ là vì tôi thiếu phần Puritan đen tối trong tôi, tôi không biết, nhưng tôi rút lui khỏi việc không chịu trách nhiệm với cú hôn không suy nghĩ đó, và thực tế không có thời gian để làm điều đó trước khi cánh cửa trái tim cô mở ra và dòng lũ tràn ra. Những người khác thường làm nhiệm vụ của mình và tìm thấy sự hài lòng u ám trong việc khiến bản thân và mọi người kh

I took supper that night, or rather we took supper, Miss Carmichel and I, at Solari's, and the dawn was just beginning to gild the cross on the Memorial Church as I entered Washington Square after leaving Edith at the Brunswick. There was not a soul in the park as I passed along the trees and took the walk which leads from the Garibaldi statue to the Hamilton Apartment House, but as I passed the churchyard I saw a figure sitting on the stone steps. In spite of myself a chill crept over me at the sight of the white puffy face, and I hastened to pass. Then he said something which might have been addressed to me or might merely have been a mutter to himself, but a sudden furious anger flamed up within me that such a creature should address me. For an instant I felt like wheeling about and smashing my stick over his head, but I walked on, and entering the Hamilton went to my apartment. For some time I tossed about the bed trying to get the sound of his voice out of my ears, but could not. It filled my head, that muttering sound, like thick oily smoke from a fat-rendering vat or an odour of noisome decay. And as I lay and tossed about, the voice in my ears seemed more distinct, and I began to understand the words he had muttered. They came to me slowly as if I had forgotten them, and at last I could make some sense out of the sounds. It was this: "Have you found the Yellow Sign?" "Have you found the Yellow Sign?" "Have you found the Yellow Sign?" I was furious. What did he mean by that? Then with a curse upon him and his I rolled over and went to sleep, but when I awoke later I looked pale and haggard, for I had dreamed the dream of the night before, and it troubled me more than I cared to think.

Tối hôm đó, tôi đã ăn tối, hoặc chính xác hơn là chúng tôi đã ăn tối, cùng với cô Carmichel tại Solari's, và bình minh mới bắt đầu chiếu vàng lên cây thập tự trên Nhà thờ Tưởng Niệm khi tôi bước vào Washington Square sau khi để lại Edith tại Brunswick. Không ai ở công viên khi tôi đi qua những cây và đi theo con đường dẫn từ tượng Garibaldi đến Hamilton Apartment House, nhưng khi tôi đi qua nghĩa địa, tôi thấy một hình dáng ngồi trên

bậc đá. Mặc dù tôi đã cố ý đi qua, cảm giác lạnh bao trùm lấy tôi khi nhìn thấy khuôn mặt phồng trắng, và tôi vội vã đi qua. Sau đó, anh ta nói một điều có thể đã dành cho tôi hoặc có thể chỉ là một tiếng lầm bầm cho chính mình, nhưng một cơn giân dữ bất chơt bùng lên trong tôi khi như vậy một sinh vật lại nói chuyên với tôi. Trong một thoáng tôi cảm thấy muốn quay lại và đập gậy vào đầu anh ta, nhưng tôi tiếp tục đi, và sau khi vào Hamilton, tôi đi vào căn hô của mình. Một thời gian sau đó, tôi lăn qua lăn lại trên giường cố gắng xua tan âm thanh của anh ta khỏi tai tôi, nhưng không thể. Âm thanh lầm bầm đó lấp kín đầu tôi, như khói dầu đặc từ thùng chứa chất béo hoặc mùi hôi thối. Và khi tôi nằm và lăn qua lăn lai, giong nói trong tai tôi trở nên rõ hơn, và tôi bắt đầu hiểu những từ anh ta đã lầm bầm. Chúng đến với tôi từ từ như thể tôi đã quên chúng, và cuối cùng tôi có thể hiểu được một số ý nghĩa từ những âm thanh đó. Đó là điều này: "Bạn đã tìm thấy Hoàng Kim Ấn Ký chưa?" "Bạn đã tìm thấy Hoàng Kim Ấn Ký chưa?" "Bạn đã tìm thấy Hoàng Kim Ấn Ký chưa?" Tôi tức giận. Anh ta muốn nói gì bằng cách đó? Sau đó với lời nguyền rủa đối với anh ta và của anh ta, tôi lăn qua và đi ngủ, nhưng khi tôi thức dây sau đó, tôi nhìn xanh xao và mệt mỏi, vì tôi đã mơ giấc mơ của đêm trước, và nó làm phiền tôi nhiều hơn là tôi nghĩ.

I dressed and went down into my studio. Tessie sat by the window, but as I came in she rose and put both arms around my neck for an innocent kiss. She looked so sweet and dainty that I kissed her again and then sat down before the easel. "Hello! Where's the study I began yesterday?" I asked. Tessie looked conscious, but did not answer. I began to hunt among the piles of canvases, saying, "Hurry up, Tess, and get ready; we must take advantage of the morning light." When at last I gave up the search among the other canvases and turned to look around the room for the missing study I noticed Tessie standing by the screen with her clothes still on. "What's the matter," I asked, "don't you feel well?" "Yes." "Then hurry." "Do you want me to pose as—as I have always posed?" Then I understood. Here was a

new complication. I had lost, of course, the best nude model I had ever seen. I looked at Tessie. Her face was scarlet. Alas! Alas! We had eaten of the tree of knowledge, and Eden and native innocence were dreams of the past—I mean for her. I suppose she noticed the disappointment on my face, for she said: "I will pose if you wish. The study is behind the screen here where I put it." "No," I said, "we will begin something new;" and I went into my wardrobe and picked out a Moorish costume which fairly blazed with tinsel. It was a genuine costume, and Tessie retired to the screen with it enchanted. When she came forth again I was astonished. Her long black hair was bound above her forehead with a circlet of turquoises, and the ends, curled about her glittering girdle. Her feet were encased in the embroidered pointed slippers and the skirt of her costume, curiously wrought with arabesques in silver, fell to her ankles. The deep metallic blue vest embroidered with silver and the short Mauresque jacket spangled and sewn with turquoises became her wonderfully. She came up to me and held up her face smiling. I slipped my hand into my pocket, and drawing out a gold chain with a cross attached, dropped it over her head. "It's yours, Tessie." "Mine?" she faltered. "Yours. Now go and pose," Then with a radiant smile she ran behind the screen and presently reappeared with a little box on which was written my name. "I had intended to give it to you when I went home tonight," she said, "but I can't wait now." I opened the box. On the pink cotton inside lay a clasp of black onyx, on which was inlaid a curious symbol or letter in gold. It was neither Arabic nor Chinese, nor, as I found afterwards, did it belong to any human script. "It's all I had to give you for a keepsake," she said timidly. I was annoyed, but I told her how much I should prize it, and promised to wear it always. She fastened it on my coat beneath the lapel. "How foolish, Tess, to go and buy me such a beautiful thing as this," I said. "I did not buy it," she laughed. "Where did you get it?" Then she told me how she had found it one day while coming from the Aquarium in the Battery, how she had advertised it and watched the papers, but at last gave up all

hopes of finding the owner. "That was last winter," she said, "the very day I had the first horrid dream about the hearse." I remembered my dream of the previous night but said nothing, and presently my charcoal was flying over a new canvas, and Tessie stood motionless on the model-stand.

Tôi mặc quần áo và xuống phòng làm việc. Tessie ngồi bên cửa sổ, nhưng khi tôi vào, cô đứng lên và ôm cả hai cánh tay quanh cổ tôi để hôn trong sự trong sáng. Cô wy tuyệt vời và dễ thương đến mức tôi hôn cô thêm một lần và sau đó ngồi xuống trước bức tranh. "Xin chào! Bức tranh tôi bắt đầu hôm qua ở đâu?" Tôi hỏi. Tessie tỏ ra nhận biết, nhưng không trả lời. Tôi bắt đầu tìm kiếm giữa các bức tranh, nói, "Nhanh lên, Tess, và chuẩn bị; chúng ta phải tân dung ánh sáng buổi sáng." Khi cuối cùng tôi từ bỏ việc tìm kiếm giữa các bức tranh khác và quay đầu nhìn xung quanh căn phòng để tìm bức tranh bị thiếu, tôi nhìn thấy Tessie đứng bên cạnh màn che với quần áo vẫn còn trên người. "Có chuyện gì vậy," tôi hỏi, "cậu có cảm thấy không ổn không?" "Có." "Vậy thì nhanh lên." "Cậu muốn tôi đóng vai như—như tôi đã từng đóng?" Sau đó tôi hiểu. Đây là một vấn đề mới. Tôi đã mất, tất nhiên, người mẫu nude tốt nhất mà tôi từng thấy. Tôi nhìn Tessie. Khuôn mặt cô ấy đỏ bừng. Ôi! Ôi! Chúng tôi đã ăn trái của tri thức, và Eden và sự trong sáng bản năng là giấc mơ của quá khứ—ý tôi là đối với cô ấy. Tôi đoán cô ấy đã nhận thấy sự thất vọng trên khuôn mặt tôi, vì cô ấy nói: "Nếu cậu muốn, tôi sẽ đóng vai. Bức tranh ở sau màn che ở đây nơi tôi để nó." "Không," tôi nói, "chúng ta sẽ bắt đầu cái mới;" và tôi vào tủ quần áo của tôi và chọn ra một bộ trang phục Maure mà toàn bóng lấp lánh với vàng. Đó là một bộ trang phục thực sự, và Tessie rút lui vào màn che với nó mê hoặc. Khi cô ấy lần nữa xuất hiện, tôi kinh ngạc. Tóc đen dài của cô ấy được buộc phía trên trán với một vòng đeo đá lapis, và các đuôi, cuộn quanh chiếc thắt lưng lấp lánh của cô ấy. Đôi chân của cô ấy được bọc trong những đôi dép mũi nhọn được thêu và vá với họa tiết arabesque bằng bạc, váy của bộ trang phục, được làm tỉ mỉ với họa tiết arabesque bằng bạc, rơi tới mắt cá chân. Áo gile màu xanh sắc mạnh được thêu bằng bạc và áo khoác Maure ngắn được trang trí và thêu với đá lapis trở nên tuyệt vời với cô ấy. Cô ấy đến gần tôi và giơ lên khuôn mặt với nụ cười. Tôi đưa tay vào túi và, rút ra một dây chuyền vàng đính một cây thập, thả qua đầu cô ấy. "Đây là của cô, Tessie." "Của tôi?" cô ấy nói lắp bắp. "Của cô. Bây giờ cô đi và đóng vai," Sau đó với một nụ cười rạng rỡ, cô ấy chạy sau màn che và sau đó xuất hiện với một hộp nhỏ trên đó viết tên tôi. "Tôi dự định sẽ tặng nó cho cô khi tôi về nhà vào tối nay," cô ấy nói, "nhưng tôi không thể chờ đợi bây giờ." Tôi mở hộp. Trên bông cotton màu hồng bên trong nằm một khuy cài đá onyx đen, trên đó được khắc một biểu tượng hoặc chữ kỳ la bằng vàng. Nó không phải tiếng Á Rập cũng không phải tiếng Trung, và như tôi sau này phát hiện, nó không thuộc bất kỳ kịch bản nào của con người. "Đây là tất cả những gì tôi có để tặng cô cho một vật kỷ niệm," cô ấy nói nhút nhát. Tôi bực tức, nhưng tôi nói với cô ấy rằng tôi sẽ trân trọng nó như thế nào, và hứa sẽ luôn đeo nó. Cô ấy cài nó vào áo khoác của tôi dưới nắp cổ. "Tôi ngốc quá, Tess, vì đã đi mua cho tôi một thứ đẹp như thế này," tôi nói. "Tôi không mua nó," cô ấy cười. "Cô ấy lấy ở đâu?" Sau đó cô ấy kể cho tôi biết cô ấy đã tìm thấy nó một ngày khi đi từ Hồ cá ở Battery, cách đây vài tháng, cách đây vài tháng, ngày cô ấy có cơn ác mộng đầu tiên về xe tang." Tôi nhớ giấc mơ của đêm trước nhưng không nói gì, và sau đó thanh thanh tôi bắt đầu vẽ trên một bức tranh mới, và Tessie đứng yên trên cái ghế người mẫu.

The day following was a disastrous one for me. While moving a framed canvas from one easel to another my foot slipped on the polished floor, and I fell heavily on both wrists. They were so badly sprained that it was useless to attempt to hold a brush, and I was obliged to wander about the studio, glaring at unfinished drawings and sketches, until despair seized me and I sat down to smoke and twiddle my thumbs with rage. The rain blew against the windows and rattled on the roof of the church, driving me into a nervous fit with its interminable patter. Tessie sat sewing by the window, and every now and then raised her

head and looked at me with such innocent compassion that I began to feel ashamed of my irritation and looked about for something to occupy me. I had read all the papers and all the books in the library, but for the sake of something to do I went to the book

"Tessie!" I cried, entering the library, "listen, I am serious. Put that book away. I do not wish you to open it!" The library was empty. I went into both drawing-rooms, then into the bedrooms, laundry, kitchen, and finally returned to the library and began a systematic search. She had hidden herself so well that it was half-an-hour later when I discovered her crouching white and silent by the latticed window in the store-room above. At the first glance I saw she had been punished for her foolishness. The King in Yellow lay at her feet, but the book was open at the second part. I looked at Tessie and saw it was too late. She had opened The King in Yellow. Then I took her by the hand and led her into the studio. She seemed dazed, and when I told her to lie down on the sofa she obeyed me without a word. After a while she closed her eyes and her breathing became regular and deep, but I could not determine whether or not she slept. For a long while I sat silently beside her, but she neither stirred nor spoke, and at last I rose, and, entering the unused store-room, took the book in my least injured hand. It seemed heavy as lead, but I carried it into the studio again, and sitting down on the rug beside the sofa, opened it and read it through from beginning to end.

"Tessie!" tôi gào lên, bước vào thư viện, "nghe này, tôi nghiêm túc. Đặt cuốn sách đó đi. Tôi không muốn bạn mở nó!" Thư viện trống trơn. Tôi vào cả hai phòng khách, rồi vào các phòng ngủ, phòng giặt, nhà bếp, và cuối cùng quay trở lại thư viện và bắt đầu tìm kiếm một cách có hệ thống. Cô đã che giấu mình rất kỹ đến mức mất nửa giờ sau tôi mới phát hiện cô đang ngồi trắng bên cửa sổ treo lưới ở phòng trữ hàng phía trên. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, tôi thấy cô đã bị trừng phạt vì sự ngu ngốc của mình.

Hoàng Kim Vương nằm ở chân cô, nhưng cuốn sách đã mở ở phần thứ hai. Tôi nhìn vào Tessie và thấy đã quá muộn. Cô ấy đã mở The King in Yellow. Sau đó, tôi nắm lấy tay cô và dẫn cô vào phòng làm việc. Cô ấy trông mơ màng, và khi tôi bảo cô nằm xuống sofa, cô ấy vâng lời mà không nói một lời. Sau một thời gian, cô ấy đóng mắt và hơi thở của cô trở nên đều đặn và sâu, nhưng tôi không thể xác định cô ấy có ngủ hay không. Một thời gian dài, tôi ngôi yên lặng bên cạnh cô ấy, nhưng cô ấy không vung lên hoặc nói, và cuối cùng tôi đứng dậy, và, bước vào phòng trữ hàng không sử dụng, lấy cuốn sách bằng tay ít bị tổn thương nhất của mình. Nó nặng như chì, nhưng tôi mang nó vào phòng làm việc một lần nữa, và ngồi xuống trên tấm thảm bên cạnh sofa, mở ra và đọc từ đầu đến cuối.

When, faint with excess of my emotions, I dropped the volume and leaned wearily back against the sofa, Tessie opened her eyes and looked at me.... We had been speaking for some time in a dull monotonous strain before I realized that we were discussing The King in Yellow. Oh the sin of writing such words,—words which are clear as crystal, limpid and musical as bubbling springs, words which sparkle and glow like the poisoned diamonds of the Medicis! Oh the wickedness, the hopeless damnation of a soul who could fascinate and paralyze human creatures with such words,—words understood by the ignorant and wise alike, words which are more precious than jewels, more soothing than music, more awful than death! We talked on, unmindful of the gathering shadows, and she was begging me to throw away the clasp of black onyx quaintly inlaid with what we now knew to be the Yellow Sign. I never shall know why I refused, though even at this hour, here in my bedroom as I write this confession, I should be glad to know what it was that prevented me from tearing the Yellow Sign from my breast and casting it into the fire. I am sure I wished to do so, and yet Tessie pleaded with me in vain. Night fell and the hours dragged on, but still we murmured to each other of the King and the Pallid Mask, and midnight sounded from the misty spires in the fog-wrapped city. We spoke of Hastur and of Cassilda, while outside the fog rolled against the blank window-panes as the cloud waves roll and break on the shores of Hali.

Khi, mệt mỏi với cảm xúc quá mức, tôi đánh rơi cuốn sách và tựa mệt mỏi lại vào sofa, Tessie mở mắt và nhìn tôi.... Chúng tôi đã nói chuyện trong một thời gian dài theo một nhịp độ đơn điệu trước khi nhận ra rằng chúng tôi đang thảo luận về The King in Yellow. Ôi lỗi lạc của việc viết những từ ngữ như vậy, những từ ngữ rõ ràng như kính, trong suốt và âm nhạc như những suối nước ngầm, những từ ngữ lấp lánh và tỏa sáng như những viên kim cương độc hại của dòng Medicis! Ôi sự ác độc, sự tuyệt vọng của một linh hồn có thể quyến rũ và tê liệt những sinh vật người bằng những từ ngữ như vậy,—những từ ngữ mà cả người ngu đốt và thông thái đều hiểu, những từ ngữ quý giá hơn cả viên ngọc, dễ chịu hơn cả âm nhạc, đáng sợ hơn cả cái chết! Chúng tôi tiếp tục nói chuyện, không để ý đến những bóng tối đang hôi tu, và cô ấy đã van xin tôi vứt bỏ chiếc khuy ônix đen lạnh lẽo được inlay với những gì chúng tôi giờ đây biết là Hoàng Kim Ấn Ký. Tôi sẽ không bao giờ biết tại sao tôi từ chối, mặc dù ngay cả vào thời điểm này, ở đây trong phòng ngủ của tôi khi tôi viết bài thú tội này, tôi sẽ rất vui nếu biết điều gì đã ngăn cản tôi khỏi việc xé bỏ Hoàng Kim Ấn Ký từ ngực tôi và ném nó vào lửa. Tôi chắc chắn rằng tôi muốn làm như vậy, nhưng Tessie van xin tôi vô ích. Đêm đến và giờ phút kéo dài, nhưng chúng tôi vẫn thì thầm với nhau về Vua và Mặt Na Xám, và nửa đêm vang lên từ những tháp mờ trong thành phố bị sương mù bao phủ. Chúng tôi nói về Hastur và Cassilda, trong khi bên ngoài sương lăn qua các cửa sổ trắng như những con sóng mây lăn và vỡ trên bờ của Hali.

The house was very silent now, and not a sound came up from the misty streets. Tessie lay among the cushions, her face a grey blot in the gloom, but her hands were clasped in mine, and I knew that she knew and read my thoughts as I read hers, for we had understood the mystery of the Hyades and the Phantom of

Truth was laid. Then as we answered each other, swiftly, silently, thought on thought, the shadows stirred in the gloom about us, and far in the distant streets we heard a sound. Nearer and nearer it came, the dull crunching of wheels, nearer and yet nearer, and now, outside before the door it ceased, and I dragged myself to the window and saw a black-plumed hearse. The gate below opened and shut, and I crept shaking to my door and bolted it, but I knew no bolts, no locks, could keep that creature out who was coming for the Yellow Sign. And now I heard him moving very softly along the hall. Now he was at the door, and the bolts rotted at his touch. Now he had entered. With eyes starting from my head I peered into the darkness, but when he came into the room I did not see him. It was only when I felt him envelope me in his cold soft grasp that I cried out and struggled with deadly fury, but my hands were useless and he tore the onyx clasp from my coat and struck me full in the face. Then, as I fell, I heard Tessie's soft cry and her spirit fled: and even while falling I longed to follow her, for I knew that the King in Yellow had opened his tattered mantle and there was only God to cry to now.

Ngôi nhà giờ đây rất yên lặng, và không tiếng động nào trỗi lên từ những con đường sương mù. Tessie nằm giữa những gối đệm, khuôn mặt cô là một vết bẩn xám trong bóng tối, nhưng đôi tay cô ấy đan chặt trong tay tôi, và tôi biết rằng cô ấy hiểu và đọc được suy nghĩ của tôi giống như tôi đọc được suy nghĩ của cô ấy, vì chúng tôi đã hiểu bí ẩn của Hyades và Ảo Ảnh của Sự Thật đã được lộ ra. Sau đó khi chúng tôi trả lời lẫn nhau, nhanh chóng, yên lặng, suy tư theo suy tư, những bóng tối bắt đầu hấp dẫn trong bóng tối quanh chúng tôi, và xa ở những con đường xa xôi chúng tôi nghe thấy một tiếng. Gần và gần hơn nó lại đến, tiếng ồn ồn của bánh xe đần độn, gần hơn và càng gần, và giờ đây, bên ngoài trước cửa nó ngưng lại, và tôi vật vờ đến cửa sổ và nhìn thấy một chiếc xe tang với lông đen. Cổng bên dưới mở và đóng, và tôi lảo đảo đến cửa và khóa nó, nhưng tôi biết rằng không có cái nào, không khóa nào, có thể giữ chúng ra khỏi con

quái vật đang tới vì Hoàng Kim Ấn Ký. Và giờ đây tôi nghe thấy anh ta di chuyển rất nhẹ nhàng dọc theo hành lang. Giờ đây anh ta đã đến cửa, và những chiếc ốc vít mục rữa dưới bàn tay của anh ta. Giờ đây anh ta đã vào. Với đôi mắt nhô ra khỏi đầu tôi nhìn vào bóng tối, nhưng khi anh ta bước vào phòng, tôi không nhìn thấy anh ta. Chỉ khi tôi cảm thấy anh ta bao bọc tôi trong vòng tay lạnh lùng mềm mại của mình mà tôi kêu lên và đấu tranh với sự giận dữ chết người, nhưng đôi tay của tôi vô ích và anh ta xé chiếc khuy ônix từ áo của tôi và đập mạnh vào mặt tôi. Sau đó, khi tôi ngã, tôi nghe thấy tiếng kêu dễ thương của Tessie và linh hồn cô bỏ chạy: và ngay cả khi ngã, tôi ao ước theo cô ấy, vì tôi biết rằng Hoàng Kim Vương đã mở áo lụa tơ tảng của mình và chỉ còn có Chúa mới có thể kêu cầu giờ đây.

I could tell more, but I cannot see what help it will be to the world. As for me, I am past human help or hope. As I lie here, writing, careless even whether or not I die before I finish, I can see the doctor gathering up his powders and phials with a vague gesture to the good priest beside me, which I understand. They will be very curious to know the tragedy—they of the outside world who write books and print millions of newspapers, but I shall write no more, and the father confessor will seal my last words with the seal of sanctity when his holy office is done. They of the outside world may send their creatures into wrecked homes and death-smitten firesides, and their newspapers will batten on blood and tears, but with me their spies must halt before the confessional. They know that Tessie is dead and that I am dying. They know how the people in the house, aroused by an infernal scream, rushed into my room and found one living and two dead, but they do not know what I shall tell them now; they do not know that the doctor said as he pointed to a horrible decomposed heap on the floor the livid corpse of the watchman from the church: "I have no theory, no explanation. That man must have been dead for months!"

Tôi có thể kể nhiều hơn, nhưng tôi không thể thấy điều đó sẽ giúp gì cho thế giới. Còn với tôi, tôi đã vượt qua sự giúp đỡ hoặc hy vọng của con người. Khi tôi nằm đây, viết, không quan tâm rằng tôi có chết trước khi hoàn thành hay không, tôi có thể thấy bác sĩ đang thu thập bột và lọ của mình với một cử chỉ mơ hồ đến linh mục tốt bên cạnh tôi, điều mà tôi hiểu. Họ sẽ rất tò mò muốn biết về thảm kịch—họ của thế giới bên ngoài viết sách và in hàng triệu tờ báo, nhưng tôi sẽ không viết thêm, và cha

There was little use in following any of the brawling streams which every now and then crossed my path, for, instead of flowing into the sea, they ran inland to reedy pools in the hollows of the moors. I had followed several, but they all led me to swamps or silent little ponds from which the snipe rose peeping and wheeled away in an ecstasy of fright. I began to feel fatigued, and the gun galled my shoulder in spite of the double pads. The sun sank lower and lower, shining level across yellow gorse and the moorland pools.

Không có nhiều lợi ích khi theo dõi bất kỳ dòng suối nào mà đôi khi băng qua đường đi của tôi, vì thay vì chảy vào biển, chúng chảy vào phía trong đến các hồ cỏ trong lòng của đồng cỏ. Tôi đã theo dõi một số, nhưng tất cả đều dẫn tôi đến bãi lầy hoặc các ao nhỏ yên tĩnh từ đó con snipe bay lên nhìn và xoay mình ra xa trong một trạng thái kinh hoàng. Tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi, và súng làm đau vai tôi dù có đệm kép. Mặt trời lặn thấp hơn và thấp hơn, chiếu sáng ngang qua cây cỏ và các hồ cỏ màu vàng.

As I walked my own gigantic shadow led me on, seeming to lengthen at every step. The gorse scraped against my leggings, crackled beneath my feet, showering the brown earth with blossoms, and the brake bowed and billowed along my path. From tufts of heath rabbits scurried away through the bracken, and among the swamp grass I heard the wild duck's drowsy quack. Once a fox stole across my path, and again, as I stooped to drink at a hurrying rill, a heron flapped heavily from the

reeds beside me. I turned to look at the sun. It seemed to touch the edges of the plain. When at last I decided that it was useless to go on, and that I must make up my mind to spend at least one night on the moors, I threw myself down thoroughly fagged out. The evening sunlight slanted warm across my body, but the sea-winds began to rise, and I felt a chill strike through me from my wet shooting-boots. High overhead gulls were wheeling and tossing like bits of white paper; from some distant marsh a solitary curlew called. Little by little the sun sank into the plain, and the zenith flushed with the after-glow. I watched the sky change from palest gold to pink and then to smouldering fire. Clouds of midges danced above me, and high in the calm air a bat dipped and soared. My eyelids began to droop. Then as I shook off the drowsiness a sudden crash among the bracken roused me. I raised my eyes. A great bird hung quivering in the air above my face. For an instant I stared, incapable of motion; then something leaped past me in the ferns and the bird rose, wheeled, and pitched headlong into the brake.

Khi tôi đi, bóng lớn của chính mình dẫn tôi đi, dường như kéo dài ở mỗi bước. Cây cỏ gorse xước vào quần tây của tôi, kêu rít dưới chân tôi, rơi hoa trên mặt đất nâu, và cây cỏ cong và sóng dạ dày dọc theo con đường của tôi. Từ bụi cây thấp, thỏ chạy vụt qua qua cây cỏ, và trong cỏ lầy tôi nghe thấy tiếng kêu buồn ngủ của vịt hoang. Một lần một con cáo chay qua con đường của tôi, và lại, khi tôi cúi xuống để uống nước ở một dòng suối vội vã, một con hạc vỗ cánh nặng nề từ bên cạnh bãi cỏ. Tôi quay lại nhìn mặt trời. Dường như nó chạm vào mép của đồng bằng. Khi cuối cùng tôi quyết định là vô ích để tiếp tục, và tôi phải quyết định phải dành ít nhất một đêm trên đồng cỏ, tôi ném mình xuống với cảm giác mệt mỏi. Ánh nắng chiều ấm dần qua cơ thể tôi, nhưng gió biển bắt đầu thổi lên, và tôi cảm thấy lạnh xâm nhập vào tôi từ đôi ủng đang ướt. Trên cao, các loài hải âu xoay và tung tăng như tờ giấy trắng; từ một đầm lầy xa xôi một con mỏi duy nhất gọi. Dần dần mặt trời lặn vào đồng bằng, và thiên đường đỏ lửa. Tôi nhìn bầu trời chuyển từ vàng nhạt sang hồng

và sau đó là lửa cháy. Đám muỗi nhảy múa trên đầu tôi, và cao trên không khí yên bình, một con dơi nhấp và bay. Mí mắt tôi bắt đầu ngủ gục. Rồi khi tôi giậm bỏ cơn buồn ngủ, một tiếng động đột ngột giữa cây cỏ đưa tôi tỉnh giấc. Tôi nhìn lên. Một con chim lớn run rẩy trong không khí trên khuôn mặt của tôi. Trong một khoảnh khắc tôi nhìn chằm chằm, không thể di chuyển; sau đó một cái gì đó nhảy qua tôi trong rậm cây cỏ và con chim bay lên, quay và lao đầu vào bụi cây.

I was on my feet in an instant peering through the gorse. There came the sound of a struggle from a bunch of heather close by, and then all was quiet. I stepped forward, my gun poised, but when I came to the heather the gun fell under my arm again, and I stood motionless in silent astonishment. A dead hare lay on the ground, and on the hare stood a magnificent falcon, one talon buried in the creature's neck, the other planted firmly on its limp flank. But what astonished me, was not the mere sight of a falcon sitting upon its prey. I had seen that more than once. It was that the falcon was fitted with a sort of leash about both talons, and from the leash hung a round bit of metal like a sleigh-bell. The bird turned its fierce yellow eyes on me, and then stooped and struck its curved beak into the quarry. At the same instant hurried steps sounded among the heather, and a girl sprang into the covert in front. Without a glance at me she walked up to the falcon, and passing her gloved hand under its breast, raised it from the quarry. Then she deftly slipped a small hood over the bird's head, and holding it out on her gauntlet, stooped and picked up the hare.

Tôi đứng dậy ngay lập tức nhìn qua cây cỏ gorse. Tiếng đấu tranh đến từ một đám cây heather gần đó, và sau đó tất cả trở nên yên lặng. Tôi bước về phía trước, súng tôi sẵn sàng, nhưng khi tôi đến gần cây heather, súng lại rơi dưới cánh tay tôi, và tôi đứng im lặng trong sự ngạc nhiên. Một con thỏ chết nằm trên mặt đất, và trên con thỏ đứng một con chim ưng tuyệt vời, một móng chôn sâu vào cổ của sinh vật, móng kia đặt chắc chắn trên

bên cạnh yếu đuối của nó. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên, không phải chỉ là việc nhìn thấy một con chim ưng ngồi trên con mồi của nó. Tôi đã thấy điều đó nhiều hơn một lần. Điều đó là con chim ưng được trang bị một loại dây cột xung quanh cả hai móng, và từ dây treo một miếng kim loại tròn giống như một chuông xe trượt. Con chim quay đôi mắt màu vàng hung dữ của nó về phía tôi, và sau đó cúi xuống và đâm mỏ cong vào mồi. Cùng một lúc, những bước chạy vội vã vang lên giữa cây heather, và một cô gái nhảy vào bí mật phía trước. Không một cái nhìn nào về phía tôi, cô ấy đi đến con chim ưng, và vuốt nhẹ tay găng tay qua ngực của nó, nâng nó từ mồi. Sau đó cô ấy khéo léo đưa một chiếc mũ nhỏ qua đầu con chim, và giữ nó trên găng tay của mình, cúi xuống và nhặt con thỏ lên.

She passed a cord about the animal's legs and fastened the end of the thong to her girdle. Then she started to retrace her steps through the covert. As she passed me I raised my cap and she acknowledged my presence with a scarcely perceptible inclination. I had been so astonished, so lost in admiration of the scene before my eyes, that it had not occurred to me that here was my salvation. But as she moved away I recollected that unless I wanted to sleep on a windy moor that night I had better recover my speech without delay. At my first word she hesitated, and as I stepped before her I thought a look of fear came into her beautiful eyes. But as I humbly explained my unpleasant plight, her face flushed and she looked at me in wonder.

Cô ấy đưa một sợi dây xung quanh chân của con vật và buộc đầu dây vào dây lưng của mình. Sau đó cô ấy bắt đầu đi ngược lại qua bí mật. Khi cô ấy đi qua tôi, tôi nâng cờ mũ và cô ấy gật đầu nhận ra sự hiện diện của tôi với một sự nghiêng đầu khó nhận biết. Tôi đã bị sốc, mê mải trong sự ngưỡng mộ của cảnh trước mắt, nên không nghĩ rằng đây là cứu cánh của tôi. Nhưng khi cô ấy bước đi, tôi nhớ lại rằng trừ khi tôi muốn ngủ trên một đồng cổ gió lớn vào đêm đó, tôi nên khôi phục lời nói của mình ngay

lập tức. Khi nói lời đầu tiên, cô ấy do dự, và khi tôi bước trước mặt cô ấy, tôi nghĩ một ánh mắt sợ hãi hiện ra trong đôi mắt xinh đẹp của cô ấy. Nhưng khi tôi khiêm tốn giải thích tình cảnh không dễ chịu của mình, khuôn mặt cô ấy đỏ bừng và cô nhìn tôi với sư ngạc nhiên.

"These are my piqueurs," said the girl, turning to me with a gentle dignity. "Raoul is a good fauconnier, and I shall some day make him grand veneur. Hastur is incomparable." The two silent men saluted me respectfully. "Did I not tell you, monsieur, that I should prove you wrong?" she continued. "This, then, is my revenge, that you do me the courtesy of accepting food and shelter at my own house."

"Đây là những người dẫn đường của tôi," cô gái nói, quay lại với tôi với vẻ đẹp nhẹ nhàng. "Raoul là một fauconnier giỏi, và một ngày nào đó tôi sẽ làm cho anh trở thành grand veneur. Hastur không thể sánh kịp." Hai người đàn ông im lặng chào tôi một cách lễ phép. "Tôi đã không nói với anh, thưa ông, rằng tôi sẽ chứng minh anh sai sao?" cô tiếp tục. "Vậy nên, đây là cách tôi trả thù, rằng anh đã tôn trọng đồ ăn và chỗ ở tại nhà tôi."

Before I could answer she spoke to the falconers, who started instantly across the heath, and with a gracious gesture to me she followed. I don't know whether I made her understand how profoundly grateful I felt, but she seemed pleased to listen, as we walked over the dewy heather. "Are you not very tired?" she asked.

Trước khi tôi kịp trả lời, cô đã nói với những người dẫn đường, họ lập tức bắt đầu băng qua thảo nguyên, và sau một cử chỉ lịch sự với tôi, cô theo sau. Tôi không biết liệu tôi đã làm cho cô hiểu được tôi cảm ơn đến đâu sâu sắc, nhưng cô dường như vui lòng lắng nghe, khi chúng tôi bước qua thảo nguyên ẩm ướt. "Anh không mệt lắm chứ?" cô hỏi.

I had clean forgotten my fatigue in her presence, and I told her so. "Don't you think your gallantry is a little old-fashioned?" she said; and when I looked confused and humbled, she added quietly, "Oh, I like it, I like everything old-fashioned, and it is delightful to hear you say such pretty things."

Tôi đã quên hoàn toàn về sự mệt mỏi trong sự hiện diện của cô, và tôi đã nói với cô về điều đó. "Anh không nghĩ sự dũng cảm của anh hơi cũ kỹ sao?" cô nói; và khi tôi nhìn lúng túng và khiêm tốn, cô thêm nhẹ nhàng, "Ô, tôi thích điều đó, tôi thích mọi thứ cổ điển, và thật tuyệt khi nghe anh nói những điều đẹp đẽ như vậy."

The moorland around us was very still now under its ghostly sheet of mist. The plovers had ceased their calling; the crickets and all the little creatures of the fields were silent as we passed, yet it seemed to me as if I could hear them beginning again far behind us. Well in advance, the two tall falconers strode across the heather, and the faint jingling of the hawks' bells came to our ears in distant murmuring chimes.

Vùng đất ngập nước xung quanh chúng tôi giờ đây rất yên bình dưới lớp sương mù ma mị của nó. Các chích bông đã ngưng gọi; những con dế và tất cả các sinh vật nhỏ của cánh đồng đều yên lặng khi chúng tôi đi qua, nhưng đối với tôi dường như như thể tôi có thể nghe thấy chúng bắt đầu lại ở phía xa phía sau chúng tôi. Trước rất xa, hai người dẫn đường cao to bước qua thảo nguyên, và tiếng kêu nhẹ nhàng của chuông của chim ưng vọng đến tai chúng tôi trong những tiếng chùm chùm xa xăm.

Suddenly a splendid hound dashed out of the mist in front, followed by another and another until half-a-dozen or more were bounding and leaping around the girl beside me. She caressed and quieted them with her gloved hand, speaking to them in quaint terms which I remembered to have seen in old French manuscripts.

Bất ngờ một con chó săn tuyệt vời lao ra khỏi sương mù phía trước, theo sau bởi một con khác và một con khác cho đến khi có nửa tá hoặc nhiều hơn đứng nhảy nhót xung quanh cô gái bên cạnh tôi. Cô gái vuốt ve và làm yên bằng bàn tay đeo găng tay của mình, nói chuyện với chúng bằng các thuật ngữ lạ mắt mà tôi nhớ từng thấy trong các bản thảo tiếng Pháp cổ.

Then the falcons on the circlet borne by the falconer ahead began to beat their wings and scream, and from somewhere out of sight the notes of a hunting-horn floated across the moor. The hounds sprang away before us and vanished in the twilight, the falcons flapped and squealed upon their perch, and the girl, taking up the song of the horn, began to hum.

Sau đó, các chim ưng trên vòng tròn được mang bởi người dẫn đường phía trước bắt đầu đập cánh và kêu la, và từ một nơi nào đó ngoài tầm nhìn, những nốt nhạc của một chiếc kèn săn trôi qua thảo nguyên. Những con chó săn bật lên trước mặt chúng tôi và biến mất trong hoàng hôn, những con chim ưng đập cánh và kêu rên trên ngọn đỉnh của chúng, và cô gái, lấy lại bài hát của kèn, bắt đầu ngân nga.

I stripped, and rubbed myself from head to foot in the huge earthen basin of icy water which stood upon the stone floor at the foot of my bed. Then I looked about for my clothes. They were gone, but on a settle near the door lay a heap of garments which I inspected with astonishment. As my clothes had vanished, I was compelled to attire myself in the costume which had evidently been placed there for me to wear while my own clothes dried. Everything was there, cap, shoes, and hunting doublet of silvery grey homespun; but the close-fitting costume and seamless shoes belonged to another century, and I remembered the strange costumes of the three falconers in the courtyard. I was sure that it was not the modern dress of any portion of France or Brittany; but not until I was dressed and stood before a mirror between the windows did I realize that I

was clothed much more like a young huntsman of the middle ages than like a Breton of that day. I hesitated and picked up the cap. Should I go down and present myself in that strange guise? There seemed to be no help for it, my own clothes were gone and there was no bell in the ancient chamber to call a servant; so I contented myself with removing a short hawk's feather from the cap, and, opening the door, went downstairs.

Tôi cởi quần áo và lau sạch từ đầu đến chân trong cái bồn đất lớn chứa nước lạnh đặt trên sàn đá ở chân giường của mình. Sau đó, tôi nhìn xung quanh để tìm quần áo của mình. Chúng đã biến mất, nhưng trên một cái bàn gần cửa nằm một đống quần áo mà tôi kiểm tra với sự ngạc nhiên. Vì quần áo của tôi đã biến mất, tôi buộc phải mặc bộ trang phục mà rõ ràng đã được đặt ở đó để tôi mặc trong khi quần áo của mình khô. Mọi thứ đều có, mũ, giày và áo khoác săn màu xám bac không có đường may; nhưng bộ trang phục ôm sát và giày không đường may thuộc về một thế kỷ khác, và tôi nhớ lại những bộ trang phục lạ của ba người huấn luyện chim ưng ở sân trong. Tôi chắc chắn rằng đó không phải là trang phục hiện đại của bất kỳ khu vực nào của Pháp hoặc Bretagne; nhưng không cho đến khi tôi mặc xong và đứng trước gương giữa hai cửa sổ thì tôi mới nhận ra rằng tôi mặc giống như một thợ săn trẻ thời trung cổ hơn là một người Bretagne ngày nay. Tôi lưỡng lự và nhặt mũ. Liệu tôi có nên đi xuống và tự giới thiệu với bộ trang phục la đó không? Dường như không có sự giúp đỡ nào, quần áo của mình đã biến mất và không có chuông nào trong căn phòng cổ để gọi một người hầu; vì vậy tôi hài lòng với việc gỡ một lông chim ưng ngắn từ chiếc mũ, và, mở cửa, đi xuống tầng dưới.

By the fireplace in the large room at the foot of the stairs an old Breton woman sat spinning with a distaff. She looked up at me when I appeared, and, smiling frankly, wished me health in the Breton language, to which I laughingly replied in French. At the same moment my hostess appeared and returned my salutation with a grace and dignity that sent a thrill to my heart. Her lovely head with its dark curly hair was crowned with a head-dress which set all doubts as to the epoch of my own costume at rest. Her slender figure was exquisitely set off in the homespun hunting-gown edged with silver, and on her gauntlet-covered wrist she bore one of her petted hawks. With perfect simplicity she took my hand and led me into the garden in the court, and seating herself before a table invited me very sweetly to sit beside her. Then she asked me in her soft quaint accent how I had passed the night, and whether I was very much inconvenienced by wearing the clothes which old Pelagie had put there for me while I slept. I looked at my own clothes and shoes, drying in the sun by the garden-wall, and hated them. What horrors they were compared with the graceful costume which I now wore! I told her this laughing, but she agreed with me very seriously.

Bên bếp lửa trong căn phòng lớn ở chân cầu thang, một bà cụ Breton già ngồi quay sợi với cái cây quay. Bà đứng dậy nhìn tôi khi tôi xuất hiện, và, mim cười thành thật, chúc tôi sức khỏe bằng tiếng Breton, và tôi đáp lại một cách hài hước bằng tiếng Pháp. Cùng lúc, chủ nhà của tôi xuất hiện và trả lời lời chào của tôi với vẻ duyên dáng và thanh lịch khiến tim tôi rạo rực. Đầu xinh đẹp với mái tóc xoăn đen của cô được đội một chiếc mũ che đầu đã giải quyết mọi nghi ngờ về thời kỳ của bộ trang phục của tôi. Vóc dáng mảnh mai của cô được tô điểm tinh tế trong chiếc áo săn len màu xám bạc, và trên cánh tay cô che bằng gặng tay, cô đeo một con chim ưng được cưng chiều. Với sự giản di hoàn hảo, cô nắm lấy tay tôi và dẫn tôi vào vườn trong sân, và ngồi trước một cái bàn mời tôi ngồi cạnh cô một cách rất dễ thương. Sau đó, cô hỏi tôi bằng giọng điệu kỳ lạ của cô rằng tôi đã trải qua đêm như thế nào, và liệu tôi có bị rất nhiều phiền toái khi mặc quần áo mà bà Pelagie cũng đã đặt ở đó cho tôi trong khi tôi ngủ. Tôi nhìn vào quần áo và giày của mình, đang phơi nắng bên tường vườn, và ghét chúng. Chúng kinh khủng so với bộ trang phục duyên dáng mà tôi đang mặc! Tôi kể cho cô nghe điều này cười, nhưng cô đồng ý với tôi một cách rất nghiệm túc.

She rose and took my hand again with a childlike innocence of possession, and we walked through the garden and fruit trees to a grassy lawn which was bordered by a brook. Over the lawn were scattered fifteen or twenty stumps of trees—partially imbedded in the grass—and upon all of these except two sat falcons. They were attached to the stumps by thongs which were in turn fastened with steel rivets to their legs just above the talons. A little stream of pure spring water flowed in a winding course within easy distance of each perch.

Cô đứng lên và nắm lấy tay tôi một lần nữa với sự trong sáng của một đứa trẻ, và chúng tôi đi qua khu vườn và cây ăn quả đến một bãi cỏ xanh bên cạnh một con suối. Trên bãi cỏ có khoảng mười lăm hoặc hai mươi gốc cây - một phần chìm trong cỏ - và trên tất cả chúng ngoại trừ hai con chim ưng. Chúng bị cột vào các gốc cây bằng dây buộc mà lần lượt được cố định bằng đinh thép vào chân của chúng ngay phía trên móng vuốt. Một dòng suối trong lành chảy theo một đường cong dễ dàng đến mỗi nơi ngồi.

The birds set up a clamour when the girl appeared, but she went from one to another, caressing some, taking others for an instant upon her wrist, or stooping to adjust their jesses.

Những con chim ưng kêu rít khi cô gái xuất hiện, nhưng cô đi từ một con này sang một con khác, vuốt ve một số con, đưa một số con khác lên cánh tay một chút, hoặc cúi xuống để chỉnh sửa dây đeo của chúng.

"Are they not pretty?" she said. "See, here is a falcon-gentil. We call it 'ignoble,' because it takes the quarry in direct chase. This is a blue falcon. In falconry we call it 'noble' because it rises over the quarry, and wheeling, drops upon it from above. This white bird is a gerfalcon from the north. It is also 'noble!' Here is a merlin, and this tiercelet is a falcon-heroner."

"Chúng không đẹp sao?" cô nói. "Xem, đây là một con chim ưng dại. Chúng ta gọi nó là 'không quý phái', vì nó săn mồi trực tiếp. Đây là một con chim ưng xanh. Trong nghệ thuật săn chim ưng, chúng ta gọi nó là 'quý phái' vì nó bay lên trên mồi, và xoay, rơi xuống từ trên cao. Con chim trắng này là một con gerfalcon từ phía bắc. Nó cũng 'quý phái!' Đây là một con merlin, và con tiercelet này là một con chim ưng-heroner."

I asked her how she had learned the old language of falconry. She did not remember, but thought her father must have taught it to her when she was very young.

Tôi hỏi cô ấy là cô đã học ngôn ngữ cũ của nghệ thuật săn chim ưng như thế nào. Cô không nhớ, nhưng nghĩ rằng cha cô phải đã dạy cho cô khi cô còn rất nhỏ.

Then she led me away and showed me the young falcons still in the nest. "They are termed niais in falconry," she explained. "A branchier is the young bird which is just able to leave the nest and hop from branch to branch. A young bird which has not yet moulted is called a sors, and a mué is a hawk which has moulted in captivity. When we catch a wild falcon which has changed its plumage we term it a hagard. Raoul first taught me to dress a falcon. Shall I teach you how it is done?"

Sau đó cô dẫn tôi đi và cho tôi xem những con chim ưng con vẫn còn trong tổ. "Chúng được gọi là niais trong nghệ thuật săn chim ưng," cô giải thích. "Một con branchier là một con chim ưng con chỉ mới có thể rời tổ và nhảy từ cành này sang cành khác. Một con chim ưng con chưa lột lông được gọi là sors, và một con mué là một con chim ưng đã lột lông khi bị giam cầm. Khi chúng ta bắt một con chim ưng hoang đã thay đổi lông chúng, chúng ta gọi nó là hagard. Raoul đã dạy tôi cách trang điểm một con chim ưng. Tôi có nên dạy bạn cách làm không?"

She seated herself on the bank of the stream among the falcons and I threw myself at her feet to listen.

Cô ngồi trên bờ của con suối giữa những con chim ưng và tôi ném mình xuống chân cô để lắng nghe.

THE PROPHETS' PARADISE THE STUDIO He smiled, saying, "Seek her throughout the world." I said, "Why tell me of the world? My world is here, between these walls and the sheet of glass above; here among gilded flagons and dull jewelled arms, tarnished frames and canvasses, black chests and high-backed chairs, quaintly carved and stained in blue and gold." "For whom do you wait?" he said, and I answered, "When she comes I shall know her." On my hearth a tongue of flame whispered secrets to the whitening ashes. In the street below I heard footsteps, a voice, and a song. "For whom then do you wait?" he said, and I answered, "I shall know her." Footsteps, a voice, and a song in the street below, and I knew the song but neither the steps nor the voice. "Fool!" he cried, "the song is the same, the voice and steps have but changed with years!" On the hearth a tongue of flame whispered above the whitening ashes: "Wait no more; they have passed, the steps and the voice in the street below." Then he smiled, saying, "For whom do you wait? Seek her throughout the world!" I answered, "My world is here, between these walls and the sheet of glass above; here among gilded flagons and dull jewelled arms, tarnished frames and canvasses, black chests and high-backed chairs, quaintly carved and stained in blue and gold."

THIÊN ĐÀNG CỦA NHỮNG TIÊN TRI PHÒNG STUDIO Anh ấy mim cười, nói, "Tìm kiếm cô ấy khắp thế giới." Tôi nói, "Tại sao lại nói với tôi về thế giới? Thế giới của tôi ở đây, giữa những bức tường này và tấm kính phía trên; ở đây giữa những bình và vũ khí lấp lánh nhạt, khung và bức tranh bị ố, những chiếc hòm đen và những chiếc ghế cao lưng, được khắc và nhuộm màu xanh và vàng." "Đợi ai?" anh ấy nói, và tôi trả lời, "Khi cô ấy đến, tôi sẽ nhận ra cô ấy." Trên bếp lửa của tôi, một tia lửa thầm thì nói ra bí mật cho tro thanh trắng. Ở phố dưới, tôi nghe thấy tiếng bước chân, một giọng nói và một bài hát. "Vậy ai mà bạn đợi?" anh ấy nói, và tôi trả lời, "Tôi sẽ nhận ra cô ấy." Bước chân, một giọng nói và một bài hát ở phố dưới, và tôi biết bài hát

nhưng không biết bước chân hay giọng nói. "Ngốc!" anh ấy la, "Bài hát vẫn như cũ, giọng nói và bước chân chỉ thay đổi theo năm tháng!" Trên bếp lửa, một tia lửa thầm thì trên tro thanh trắng: "Đừng chờ đợi nữa; họ đã qua, những bước chân và giọng nói ở phố dưới." Rồi anh ấy mim cười, nói, "Đợi ai vậy? Hãy tìm cô ấy khắp thế giới!" Tôi trả lời, "Thế giới của tôi ở đây, giữa những bức tường này và tấm kính phía trên; ở đây giữa những bình và vũ khí lấp lánh nhạt, khung và bức tranh bị ố, những chiếc hòm đen và những chiếc ghế cao lưng, được khắc và nhuôm màu xanh và vàng."

At the sound of his voice she broke into a harsh rumbling which he recognized as an attempt to purr. He bent over to rub her cheek and she mewed again, an amiable inquiring little mew, to which he replied, "Certainly, you are greatly improved, and when you recover your plumage you will be a gorgeous bird." Much flattered, she stood up and marched around and around his legs, pushing her head between them and making pleased remarks, to which he responded with grave politeness. "Now, what sent you here," he said—"here into the Street of the Four Winds, and up five flights to the very door where you would be welcome? What was it that prevented your meditated flight when I turned from my canvas to encounter your yellow eyes? Are you a Latin Quarter cat as I am a Latin Quarter man? And why do you wear a rose-coloured flowered garter buckled about your neck?" The cat had climbed into his lap, and now sat purring as he passed his hand over her thin coat. "Excuse me," he continued in lazy soothing tones, harmonizing with her purring, "if I seem indelicate, but I cannot help musing on this rose-coloured garter, flowered so quaintly and fastened with a silver clasp. For the clasp is silver; I can see the mint mark on the edge, as is prescribed by the law of the French Republic. Now, why is this garter woven of rose silk and delicately embroidered,—why is this silken garter with its silver clasp about your famished throat? Am I indiscreet when I inquire if its owner is your owner? Is she some aged dame living in memory of youthful vanities, fond, doting on you, decorating you with her intimate personal attire? The circumference of the garter would suggest this, for your neck is thin, and the garter fits you. But then again I notice—I notice most things—that the garter is capable of being much enlarged. These small silver-rimmed eyelets, of which I count five, are proof of that. And now I observe that the fifth eyelet is worn out, as though the tongue of the clasp were accustomed to lie there. That seems to argue a well-rounded form."

The cat curled her toes in contentment. The street was very still outside. He murmured on: "Why should your mistress decorate you with an article most necessary to her at all times? Anyway, at most times. How did she come to slip this bit of silk and silver about your neck? Was it the caprice of a moment,—when you, before you had lost your pristine plumpness, marched singing into her bedroom to bid her good-morning? Of course, and she sat up among the pillows, her coiled hair tumbling to her shoulders, as you sprang upon the bed purring: 'Good-day, my lady.' Oh, it is very easy to understand," he yawned, resting his head on the back of the chair. The cat still purred, tightening and relaxing her padded claws over his knee. "Shall I tell you all about her, cat? She is very beautiful—your mistress," he murmured drowsily, "and her hair is heavy as burnished gold. I could paint her,—not on canvas—for I should need shades and tones and hues and dyes more splendid than the iris of a splendid rainbow. I could only paint her with closed eyes, for in dreams alone can such colours as I need be found. For her eyes, I must have azure from skies untroubled by a cloud—the skies of dreamland. For her lips, roses from the palaces of slumberland, and for her brow, snow-drifts from mountains which tower in fantastic pinnacles to the moons;—oh, much higher than our moon here,—the crystal moons of dreamland. She is—very beautiful, your mistress."

The words died on his lips and his eyelids drooped. The cat, too, was asleep, her cheek turned up upon her wasted flank, her paws relaxed and limp. II "It is fortunate," said Severn, sitting up and stretching, "that we have tided over the dinner hour, for I have nothing to offer you for supper but what may be purchased with one silver franc." The cat on his knee rose, arched her back, yawned, and looked up at him. "What shall it be? A roast chicken with salad? No? Possibly you prefer beef? Of course,—and I shall try an egg and some white bread. Now for the wines. Milk for you? Good. I shall take a little water, fresh from the wood," with a motion toward the bucket in the sink.

He put on his hat and left the room. The cat followed to the door, and after he had closed it behind him, she settled down, smelling at the cracks, and cocking one ear at every creak from the crazy old building. The door below opened and shut. The cat looked serious, for a moment doubtful, and her ears flattened in nervous expectation. Presently she rose with a jerk of her tail and started on a noiseless tour of the studio. She sneezed at a pot of turpentine, hastily retreating to the table, which she presently mounted, and having satisfied her curiosity concerning a roll of red modelling wax, returned to the door and sat down with her eyes on the crack over the threshold. Then she lifted her voice in a thin plaint. When Severn returned he looked grave, but the cat, joyous and demonstrative, marched around him, rubbing her gaunt body against his legs, driving her head enthusiastically into his hand, and purring until her voice mounted to a squeal. He placed a bit of meat, wrapped in brown paper, upon the table, and with a penknife cut it into shreds. The milk he took from a bottle which had served for medicine, and poured it into the saucer on the hearth. The cat crouched before it, purring and lapping at the same time.

He cooked his egg and ate it with a slice of bread, watching her busy with the shredded meat, and when he had finished, and had filled and emptied a cup of water from the bucket in the sink, he sat down, taking her into his lap, where she at once curled up and began her toilet. He began to speak again, touching her caressingly at times by way of emphasis. "Cat, I have found out where your mistress lives. It is not very far away;—it is here, under this same leaky roof, but in the north wing which I had supposed was uninhabited. My janitor tells me this. By chance, he is almost sober this evening. The butcher on the rue de Seine, where I bought your meat, knows you, and old Cabane the baker identified you with needless sarcasm. They tell me hard tales of your mistress which I shall not believe. They say she is idle and vain and pleasure-loving; they say she is hare-brained and reckless. The little sculptor on the ground floor, who was buying rolls from old Cabane, spoke to me to-night for the first time, although we have always bowed to each other. He said she was very good and very beautiful. He has only seen her once, and does not know her name. I thanked him;—I don't know why I thanked him so warmly. Cabane said, 'Into this cursed Street of the Four Winds, the four winds blow all things evil.' The sculptor looked confused, but when he went out with his rolls, he said to me, 'I am sure, Monsieur, that she is as good as she is beautiful."

The cat had finished her toilet, and now, springing softly to the floor, went to the door and sniffed. He knelt beside her, and unclasping the garter held it for a moment in his hands. After a while he said: "There is a name engraved upon the silver clasp beneath the buckle. It is a pretty name, Sylvia Elven. Sylvia is a woman's name, Elven is the name of a town. In Paris, in this quarter, above all, in this Street of the Four Winds, names are worn and put away as the fashions change with the seasons. I know the little town of Elven, for there I met Fate face to face and Fate was unkind. But do you know that in Elven Fate had another name, and that name was Sylvia?" He replaced the garter and stood up looking down at the cat crouched before the closed door. "The name of Elven has a charm for me. It tells me

of meadows and clear rivers. The name of Sylvia troubles me like perfume from dead flowers." The cat mewed.

"Yes, yes," he said soothingly, "I will take you back. Your Sylvia is not my Sylvia; the world is wide and Elven is not unknown. Yet in the darkness and filth of poorer Paris, in the sad shadows of this ancient house, these names are very pleasant to me."

"Vâng, vâng," anh nói nhẹ nhàng, "Anh sẽ đưa em về. Sylvia của em không phải là Sylvia của anh; thế giới rộng lớn và Elven không phải là không biết. Nhưng trong bóng tối và bẩn thủu của Paris nghèo hơn, trong những bóng đen buồn của ngôi nhà cổ này, những cái tên này rất dễ chịu với anh."

He lifted her in his arms and strode through the silent corridors to the stairs. Down five flights and into the moonlit court, past the little sculptor's den, and then again in at the gate of the north wing and up the worm-eaten stairs he passed, until he came to a closed door. When he had stood knocking for a long time, something moved behind the door; it opened and he went in. The room was dark. As he crossed the threshold, the cat sprang from his arms into the shadows. He listened but heard nothing. The silence was oppressive and he struck a match. At his elbow stood a table and on the table a candle in a gilded candlestick. This he lighted, then looked around. The chamber was vast, the hangings heavy with embroidery. Over the fireplace towered a carved mantel, grey with the ashes of dead fires. In a recess by the deep-set windows stood a bed, from which the bedclothes, soft and fine as lace, trailed to the polished floor. He lifted the candle above his head. A handkerchief lay at his feet. It was faintly perfumed. He turned toward the windows. In front of them was a canapé and over it were flung, pell-mell, a gown of silk, a heap of lace-like garments, white and delicate as spiders' meshes, long, crumpled gloves, and, on the floor beneath, the stockings, the little pointed shoes, and one garter of rosy silk, quaintly flowered and

fitted with a silver clasp. Wondering, he stepped forward and drew the heavy curtains from the bed. For a moment the candle flared in his hand; then his eyes met two other eyes, wide open, smiling, and the candle-flame flashed over hair heavy as gold. She was pale, but not as white as he; her eyes were untroubled as a child's; but he stared, trembling from head to foot, while the candle flickered in his hand. At last he whispered: "Sylvia, it is I." Again he said, "It is I." Then, knowing that she was dead, he kissed her on the mouth. And through the long watches of the night the cat purred on his knee, tightening and relaxing her padded claws, until the sky paled above the Street of the Four Winds.

Anh ôm cô gái trong lòng và bước qua những hành lang im lặng đến cầu thang. Xuống năm tầng và vào sân ánh trăng, qua xưởng điêu khắc nhỏ, rồi lại vào cánh bắc và lên những bậc cầu thang mục nát anh đi, cho đến khi anh đến một cánh cửa đóng kín. Khi anh đã đứng gõ cửa một thời gian dài, có điều gì đó di chuyển phía sau cánh cửa; nó mở ra và anh bước vào. Phòng đó tối tăm. Khi vượt qua ngưỡng cửa, con mèo nhảy từ tay anh vào bóng tối. Anh lắng nghe nhưng không nghe thấy gì. Sư im lặng năng nề và anh bật diệm. Bên canh anh có một cái bàn và trên bàn có một cây nến trong một chiếc để nến mạ vàng. Anh thắp nến, rồi nhìn xung quanh. Phòng rộng lớn, rèm nặng nề với nghệ thuật thêu. Phía trên bếp lửa là một tấm lợp được khắc, màu xám với tro của những lửa đã tắt. Trong một khe nằm sâu bởi cửa sổ sâu đứng một chiếc giường, từ chiếc chăn, mềm mại và tinh tế như ren, kéo dài xuống sàn bóng. Anh giơ cây nến cao hơn đầu. Một chiếc khăn tay đặt ở chân anh. Nó nhẹ nhàng thơm phức. Anh quay sang cửa sổ. Phía trước cửa sổ là một bàn ghế dài và trên đó, tung tăng, một chiếc váy lụa, một đống quần áo giống như ren, trắng và tinh tế như sợi tơ nhện, gặng tay dài nhàu nhàu, và, trên sàn bên dưới, là vớ, những đôi giày nhọn nhỏ, và một dây đeo chân lua hồng, la mắt với họa tiết hoa và có một khóa bạc. Anh bước về phía trước và kéo rèm nặng từ giường. Một lúc cây nến sáng lên trong tay anh; sau đó, ánh mắt

anh gặp ánh mắt khác, mở to, tươi cười, và ngọn lửa nến lóe sáng trên mái tóc dày như vàng. Cô gái trắng bệch, nhưng không trắng bằng anh; đôi mắt cô thanh thản như của một đứa trẻ; nhưng anh nhìn chăm chú, run lên từ đầu đến chân, trong khi cây nến lung lay trong tay anh. Cuối cùng anh thì thì thầm: "Sylvia, đó là anh." Lại nói, "Đó là anh." Sau đó, khi biết rằng cô đã chết, anh hôn cô vào môi. Và suốt những giờ đêm dài, con mèo rên rỉ trên đùi anh, siết chặt và nới lỏng móng vuốt đệm của mình, cho đến khi bầu trời xám dần trên Phố Gió Bốn Hướng.

THE STREET OF THE FIRST SHELL

PHỐ CỦA QUẢ ĐẦU TIÊN

The room was already dark. The high roofs opposite cut off what little remained of the December daylight. The girl drew her chair nearer the window, and choosing a large needle, threaded it, knotting the thread over her fingers. Then she smoothed the baby garment across her knees, and bending, bit off the thread and drew the smaller needle from where it rested in the hem. When she had brushed away the stray threads and bits of lace, she laid it again over her knees caressingly. Then she slipped the threaded needle from her corsage and passed it through a button, but as the button spun down the thread, her hand faltered, the thread snapped, and the button rolled across the floor. She raised her head. Her eyes were fixed on a strip of waning light above the chimneys. From somewhere in the city came sounds like the distant beating of drums, and beyond, far beyond, a vague muttering, now growing, swelling, rumbling in the distance like the pounding of surf upon the rocks, now like the surf again, receding, growling, menacing. The cold had become intense, a bitter piercing cold which strained and snapped at joist and beam and turned the slush of yesterday to flint. From the street below every sound broke sharp and metallic—the clatter of sabots, the rattle of shutters or the rare

sound of a human voice. The air was heavy, weighted with the black cold as with a pall. To breathe was painful, to move an effort.

Phòng đã tối. Những mái cao đối diện che khuất những tia sáng cuối cùng của ánh sáng ban mai tháng Mười Hai. Cổ gái kéo chiếc ghế gần hơn với cửa sổ, chọn một cây kim lớn, luồn chỉ và buộc chỉ qua ngón tay. Sau đó, cô làm phẳng mảnh vải cho trẻ sơ sinh trên đùi, và cúi xuống, cắn đứt chỉ và rút cây kim nhỏ từ nơi nó nằm trong viền. Khi cô đã lau sạch những sợi chỉ rời và mảnh ren, cô lai đặt nó lên đùi mình một cách âu yếm. Sau đó, cô trượt cây kim luồn qua nút áo từ ngực và đưa nó qua một cái nút, nhưng khi nút quay xuống dây, tay cô lúng túng, chỉ đứt, và nút lăn trên sàn. Cô ngửa đầu lên. Đôi mắt cô nhìn chằm chằm vào mảnh sáng dần trên các ống khói. Từ nơi đó trong thành phố vang lên những âm thanh giống như tiếng trống xa xăm, và xa hơn, xa xôi, một sự lẩm bẩm mơ hồ, giờ đang tăng lên, lớn manh, gầm rú ở xa như tiếng sóng đập vào đá, giờ lại giống như sóng, lùi lại, gầm rú, đe dọa. Cái lạnh trở nên cực kỳ khắc nghiệt, một lạnh châm chọc đẳng cay, kéo và đứt gãy ở cột và dầm và biến đống đá lạnh của ngày hôm qua thành đá lửa. Từ đường phố dưới đó, mọi âm thanh phá vỡ sắc và kim loại—tiếng vọng của những chiếc xăng đan, tiếng kêu rì rào của cửa sổ hoặc tiếng nói hiếm hoi của một giọng người. Không khí nặng nề, chất ngập bởi cái lanh đen như một chiếc màn. Hít thở đau đớn, di chuyển là một nỗ lực.

In the desolate sky there was something that wearied, in the brooding clouds, something that saddened. It penetrated the freezing city cut by the freezing river, the splendid city with its towers and domes, its quays and bridges and its thousand spires. It entered the squares, it seized the avenues and the palaces, stole across bridges and crept among the narrow streets of the Latin Quarter, grey under the grey of the December sky. Sadness, utter sadness. A fine icy sleet was falling, powdering the pavement with a tiny crystalline dust. It sifted against the

window-panes and drifted in heaps along the sill. The light at the window had nearly failed, and the girl bent low over her work. Presently she raised her head, brushing the curls from her eyes.

Trong bầu trời hoang vắng có một cái gì đó mệt mỏi, trong những đám mây u ám, có một cái gì đó làm buồn. Nó xâm nhập vào thành phố lạnh giá bởi dòng sông lạnh giá, thành phố tuyệt đẹp với những tháp và những mái vòm, những bến cảng và cầu và những nghìn tháp. Nó xâm nhập vào các quảng trường, chiếm lĩnh các con đường và cung điện, trội qua các cây cầu và trườn qua những con phố nhỏ của Quận Latin, xám dưới bầu trời tháng Mười Hai xám. Buồn bã, buồn bã tột cùng. Một loại mưa tuyết nhẹ đang rơi, phủ lên lối đi với một lớp bụi tinh thể nhỏ. Nó trôi qua cửa sổ và đọng thành đống dày dặc dọc theo mép cửa sổ. Ánh sáng ở cửa số đã gần như tắt, và cô gái cúi thấp đầu trên công việc của mình. Chẳng bao lâu, cô ngửa đầu lên, chải những sợi tóc khỏi mắt.

```
"Jack?"

"Jack?"

"Dearest?"

"Dấu yêu?"

"Don't forget to clean your palette."

"Đừng quên làm sạch bảng màu của mình."
```

He said, "All right," and picking up the palette, sat down upon the floor in front of the stove. His head and shoulders were in the shadow, but the firelight fell across his knees and glimmered red on the blade of the palette-knife. Full in the firelight beside him stood a colour-box. On the lid was carved, Anh nói, "Được rồi," và nhặt bảng màu, ngồi xuống trước lò sưởi. Đầu và vai anh trong bóng tối, nhưng ánh lửa rơi qua đùi anh và phản chiếu màu đỏ sáng trên lưỡi kéo bảng màu. Ngay bên cạnh anh, đầy ánh sáng lửa, đứng một hộp màu. Trên nắp được khắc,

This inscription was ornamented with an American and a French flag.

Dòng chữ này được trang trí bằng lá cờ Mỹ và Pháp.

The sleet blew against the window-panes, covering them with stars and diamonds, then, melting from the warmer air within, ran down and froze again in fern-like traceries.

Loại mưa tuyết thổi vào cửa sổ, phủ chúng bằng những vì sao và kim cương, sau đó, tan chảy từ không khí ấm bên trong, chảy xuống và lại đóng băng thành những hoa văn giống như cây dương.

A dog whined and the patter of small paws sounded on the zinc behind the stove.

Một con chó rên rỉ và tiếng bước nhẹ nhàng của bàn chân nhỏ vang lên trên tấm kẽm phía sau lò sưởi.

"Jack, dear, do you think Hercules is hungry?"

"Jack, dấu yêu, anh nghĩ Hercules đói không?"

The patter of paws was redoubled behind the stove.

Tiếng bước nhẹ nhàng tăng gấp đôi

She watched him fill for her the alcohol lamp, and when he had lighted it and had taken his hat to go, she jumped up and clung to him in silence. After a moment he said: "Now, Sylvia, remember my courage is sustained by yours. Come, I must go!"

She did not move, and he repeated: "I must go." Then she stepped back and he thought she was going to speak and waited, but she only looked at him, and, a little impatiently, he kissed her again, saying: "Don't worry, dearest."

Cô ấy nhìn anh đổ dầu vào bình cồn cho cô, và khi anh đã thắp nến và lấy mũ ra đi, cô nhảy dậy và ôm chặt anh mà không nói một tiếng. Sau một lúc anh nói: "Bây giờ, Sylvia, hãy nhớ rằng sức mạnh của anh được duy trì bởi sức mạnh của cô. Đi đi, anh phải đi!" Cô không di chuyển, và anh lặp lại: "Anh phải đi." Sau đó cô bước lui và anh nghĩ rằng cô sẽ nói và đợi, nhưng cô chỉ nhìn anh, và hơi nôn nóng, anh hôn cô một lần nữa, nói: "Đừng lo, em yêu!"

When he had reached the last flight of stairs on his way to the street a woman hobbled out of the house-keeper's lodge waving a letter and calling: "Monsieur Jack! Monsieur Jack! this was left by Monsieur Fallowby!"

Khi anh đã đạt tới bậc cầu thang cuối cùng trên đường ra phố, một người phụ nữ đi què từ lều của người trông coi nhà vỗ tay mạnh và gọi: "Ông Jack! Ông Jack! cái này được bỏ lại bởi ông Fallowby!"

"All right," said Trent, with a smile, to the concierge; "but tell me, how is Papa Cottard?"

"Được rồi," Trent nói với nụ cười, với bảo vệ; "nhưng nói cho tôi, ông Cottard thế nào rồi?"

Home? A garret absolutely bare, save for the iron bedstead in the corner and the iron basin and pitcher on the floor.

Nhà? Một gác xép hoàn toàn trần trụi, chỉ trừ cái giường sắt ở góc và châu và bình nước sắt trên sàn.

How old are you?" he demanded. "Sixteen."

"Anh bao nhiêu tuổi?" anh hỏi. "Mười sáu."

Trent laid his hand lightly on his friend's shoulder. "I'm twenty-two, and I have the rights of a grandfather as far as you are concerned. You'll do as I say until you're twenty-one." "The siège will be over then, I hope," said Braith, trying to laugh, but the prayer in their hearts: "How long, O Lord, how long!" was answered by the swift scream of a shell soaring among the storm-clouds of that December night.

Trent nhẹ nhàng đặt tay lên vai của người bạn. "Tôi đã hai mươi hai tuổi, và tôi có quyền như một ông nội đối với anh. Anh sẽ làm theo như tôi nói cho đến khi anh hai mươi mốt tuổi." "Khi đó cuộc vây sẽ kết thúc, tôi hy vọng," Braith nói cố cười, nhưng lời cầu nguyện trong lòng họ: "Bao lâu, ôi Chúa, bao lâu!" đã được đáp lại bởi tiếng la hét nhanh nhẹn của một viên đạn pháo vượt lên giữa những đám mây bão của đêm tháng Mười Hai đó.

West, standing in the doorway of a house in the rue Serpentine, was speaking angrily. He said he didn't care whether Hartman liked it or not; he was telling him, not arguing with him. "You call yourself an American!" he sneered; "Berlin and hell are full of that kind of American. You come loafing about Colette with your pockets stuffed with white bread and beef, and a bottle of wine at thirty francs and you can't really afford to give a dollar to the American Ambulance and Public Assistance, which Braith does, and he's half starved!"

West, đứng ở cửa một ngôi nhà trên đường Serpentine, đang nói giận dữ. Anh nói rằng anh không quan tâm Hartman có thích hay không; anh đang nói với anh ta, không phải tranh luận với anh ta. "Anh tự xưng là người Mỹ!" anh chế nhạo; "Berlin và địa ngục đều đầy người Mỹ kiểu đó. Anh lười biếng quanh Colette với túi đầy bánh mì trắng và thịt bò, và một chai rượu giá ba mươi franc và anh không thực sự đủ khả năng để cho một đô la

cho Hội Cứu thương và Hỗ trợ Công cộng Mỹ, mà Braith đã làm, và anh ta đang đói đến nửa chết!"

"Could it be true? Who has heard the news? The shoemaker on the rue de Buci had it from a Mobile who had heard a Franctireur repeat it to a captain of the National Guard."

"Có thể là đúng không? Ai đã nghe tin tức chưa? Người làm giày trên đường Buci nghe được từ một người Mobile nghe một Franctireur nói lại cho một đại tá của Quân Dân Phòng."

Trent followed the throng surging through the rue de Seine to the river. Rocket after rocket clove the sky, and now, from Montmartre, the cannon clanged, and the batteries on Montparnasse joined in with a crash. The bridge was packed with people.

Trent theo sau đoàn người đông đúc tràn qua đường Seine đến sông. Lần lượt các tên lửa chia bầu trời, và bây giờ, từ Montmartre, pháo cứng lại vang lên, và các pháo trên Montparnasse cũng tham gia với tiếng nổ. Cầu đầy người.

Trent asked: "Who has seen the signals of the Army of the Loire?" "We are waiting for them," was the reply.

Trent hỏi: "Ai đã thấy tín hiệu của Quân Đội Loire chưa?" "Chúng tôi đang chờ đợi chúng," là câu trả lời.

He looked toward the north. Suddenly the huge silhouette of the Arc de Triomphe sprang into black relief against the flash of a cannon. The boom of the gun rolled along the quay and the old bridge vibrated.

Anh nhìn về phía bắc. Bất ngờ bóng đen khổng lồ của Cổng Arc de Triomphe nổi lên trước ánh sáng của một pháo. Tiếng nổ vang dọc theo bến và cầu cũ rung lên.

"Has any one seen the signals yet?" he asked again. "We are waiting," was the reply.

"Có ai đã thấy tín hiệu chưa?" anh hỏi lại. "Chúng tôi đang chờ đợi," là câu trả lời.

"Yes, waiting," murmured a man behind him, "waiting, sick, starved, freezing, but waiting. Is it a sortie? They go gladly. Is it to starve? They starve. They have no time to think of surrender. Are they heroes,—these Parisians? Answer me, Trent!"

"Vâng, đang chờ đợi," một người đàn ông từ phía sau anh lấm bẩm, "chờ đợi, ốm yếu, đói, lạnh lẽo, nhưng đang chờ đợi. Đó là một cuộc xuất kích chứ? Họ đi với niềm vui. Đó là để chết đói chứ? Họ chết đói. Họ không có thời gian để nghĩ đến đầu hàng. Họ là anh hùng, những người Paris này à? Trả lời tôi, Trent!"

The American Ambulance surgeon turned about and scanned the parapets of the bridge. "Any news, Doctor," asked Trent mechanically.

Bác sĩ cứu thương Mỹ quay lại và quét mắt qua các bức tường của cầu. "Có tin tức gì không, Bác sĩ," Trent hỏi một cách tự động.

"News?" said the doctor; "I don't know any;—I haven't time to know any. What are these people after?"

"Tin tức?" bác sĩ nói; "Tôi không biết gì cả;—tôi không có thời gian để biết gì cả. Những người này muốn gì?"

"They say that the Army of the Loire has signalled Mont Valérien." "Poor devils." The doctor glanced about him for an instant, and then: "I'm so harried and worried that I don't know what to do. After the last sortie we had the work of fifty ambulances on our poor little corps. To-morrow there's another

sortie, and I wish you fellows could come over to headquarters. We may need volunteers. How is madame?" he added abruptly.

"Họ nói rằng Quân Đội Loire đã gửi tín hiệu đến Mont Valérien." "Những người nghèo khổ." Bác sĩ quét ánh mắt xung quanh một lúc, sau đó: "Tôi quá bận rộn và lo lắng nên không biết phải làm gì. Sau cuộc xuất kích cuối cùng chúng tôi đã làm việc của năm mươi xe cứu thương trên đội ngũ nhỏ của chúng tôi. Ngày mai sẽ có một cuộc xuất kích khác, và tôi ước các bạn có thể đến trụ sở. Chúng tôi có thể cần tình nguyện viên. Madame của bạn thế nào?" bác sĩ thêm vào một cách đột ngột.

"Well," replied Trent, "but she seems to grow more nervous every day. I ought to be with her now."

"Vâng," Trent trả lời, "nhưng cô ấy dường như ngày càng lo lắng hơn mỗi ngày. Tôi nên ở bên cạnh cô ấy ngay bây giờ."

"Aux armes! Formez vos bataillons!" Around the room they marched singing, "Marchons! Marchons!" with all their might, while Fallowby with very bad grace, hammered on the table, consoling himself a little with the hope that the exercise would increase his appetite. Hercules, the black and tan, fled under the bed, from which retreat he yapped and whined until dragged out by Guernalec and placed in Odile's lap.

"Aux armes! Formez vos bataillons!" Xung quanh phòng họ đi hát, "Marchons! Marchons!" hết sức mạnh, trong khi Fallowby với tư thế không hài lòng, đập vào bàn, an ủi bản thân một chút với hy vọng rằng việc tập luyện sẽ tăng cường sự ngon miệng của anh ta. Hercules, con chó màu đen và vàng, chạy trốn dưới giường, từ nơi ẩn náu đó, nó sủa và rên cho đến khi bị Guernalec kéo ra và đặt lên đùi Odile.

"And now," said Trent gravely, when everybody was seated, "listen!" and he read the menu. Fallowby applauded frantically, and Sylvia served the soup. "Isn't it delicious?" sighed Odile.

Marie Guernalec sipped her soup in rapture. "Not at all like horse, and I don't care what they say, horse doesn't taste like beef," whispered Colette to West. Fallowby, who had finished, began to caress his chin and eye the tureen. "Have some more, old chap?" inquired Trent. "Monsieur Fallowby cannot have any more," announced Sylvia; "I am saving this for the concierge." Fallowby transferred his eyes to the fish. The sardines, hot from the grille, were a great success. While the others were eating Sylvia ran downstairs with the soup for the old concierge and her husband, and when she hurried back, flushed and breathless, and had slipped into her chair with a happy smile at Trent, that young man arose, and silence fell over the table. For an instant he looked at Sylvia and thought he had never seen her so beautiful.

"Và bây giờ," Trent nghiêm túc nói, khi mọi người đã ngồi, "lắng nghe đi!" và anh ta đọc thực đơn. Fallowby vỗ tay mạnh mẽ, và Sylvia phục vụ món súp. "Ngon không?" Odile thở dài. Marie Guernalec nhấm súp của mình với niềm hân hoan. "Hoàn toàn không giống ngựa, và tôi không quan tâm họ nói gì, thịt ngựa không có vị như thịt bò," Colette thì thầm với West. Fallowby, đã ăn xong, bắt đầu vuốt cằm và nhìn vào tô. "Ăn thêm chút nữa, lão bạn?" Trent hỏi. "Monsieur Fallowby không thể ăn thêm nữa," Sylvia thông báo; "Tôi dành lại cho người quản lý." Fallowby chuyển ánh mắt sang món cá. Cá ngừ, nóng từ lò nướng, đã thành công rực rỡ. Trong khi những người khác đang ăn, Sylvia chạy xuống tầng dưới với tô súp cho người quản lý già và chồng của bà, và khi cô vội vã trở lại, đỏ mặt và hổ then, và đã lẻn vào ghế với nu cười hanh phúc nhìn Trent, chàng trai trẻ đó đứng dậy, và sự im lặng bao phủ bàn ăn. Trong một khoảnh khắc anh nhìn Sylvia và nghĩ rằng anh chưa bao giờ thấy cô ấy đẹp đến vây.

Sylvia, little Sylvia, who shared with him his student life,—who bore with him the dreary desolation of the siege without complaint,—this slender blue-eyed girl whom he was so quietly

fond of, whom he teased or caressed as the whim suited, who sometimes made him the least bit impatient with her passionate devotion to him,—could this be the same Sylvia who lay weeping there in the darkness?

Sylvia, bé Sylvia, người đã chia sẻ cuộc sống sinh viên với anh, người đã chịu đựng cô đơn và hoang vắng của cuộc bao vây mà không than phiền,—cô gái mảnh mai với đôi mắt xanh nhỏ nhắn mà anh yêu mến một cách im lặng, anh đùa giỡn hoặc vuốt ve cô tùy ý, người đôi khi khiến anh hơi kiêu ngạo với sự tận tâm mãnh liệt của cô,—liệu đó có phải là Sylvia cũng như vậy, người đang khóc nức nở ở đó trong bóng tối?

Then he clinched his teeth. "Let him die! Let him die!"—but then,—for Sylvia's sake, and,—for that other's sake,—Yes, he would go,—he must go,—his duty was plain before him. But Sylvia,—he could not be what he had been to her, and yet a vague terror seized him, now all was said. Trembling, he struck a light.

Sau đó, anh kẹp chặt răng. "Để anh ta chết đi! Để anh ta chết đi!"—nhưng sau đó,—vì lợi ích của Sylvia, và,—vì lợi ích của người kia,—Đúng vậy, anh sẽ đi,—anh phải đi,—nhiệm vụ của anh rõ ràng trước mắt. Nhưng với Sylvia,—anh không thể là người như trước với cô, và một cảm giác sợ hãi mơ hồ bao trùm anh, khi tất cả đã nói ra. Rùng mình, anh bât đèn.

She lay there, her curly hair tumbled about her face, her small white hands pressed to her breast.

Cô nằm đó, mái tóc xoăn rối quanh khuôn mặt, đôi bàn tay trắng nhỏ đặt lên ngực.

He could not leave her, and he could not stay. He never knew before that he loved her. She had been a mere comrade, this girl wife of his. Ah! he loved her now with all his heart and soul, and he knew it, only when it was too late. Too late? Why? Then he thought of that other one, binding her, linking her forever to the creature, who stood in danger of his life. With an oath he sprang to the door, but the door would not open,—or was it that he pressed it back,—locked it,—and flung himself on his knees beside the bed, knowing that he dared not for his life's sake leave what was his all in life.

Anh không thể rời xa cô, và anh không thể ở lại. Anh chưa bao giờ biết trước rằng anh yêu cô. Cô đã chỉ là một người bạn đồng hành, người vợ trẻ của anh. Ôi! anh yêu cô bây giờ với tất cả trái tim và linh hồn, và anh biết điều đó, chỉ khi đã quá muộn. Muộn màng? Tại sao? Sau đó anh nghĩ đến người kia, buộc cô, liên kết cô mãi mãi với con người đang đứng trước nguy hiểm của cuộc đời anh. Với lời nguyền rủa, anh nhảy đến cửa, nhưng cửa không mở ra,—hoặc có phải anh đẩy nó lại,—khóa nó,—và vồ mình xuống đầu gối bên cạnh giường, biết rằng vì mạng sống của mình, anh không dám rời bổ điều quan trọng nhất cuộc đời anh.

III

It was four in the morning when he came out of the Prison of the Condemned with the Secretary of the American Legation. A knot of people had gathered around the American Minister's carriage, which stood in front of the prison, the horses stamping and pawing in the icy street, the coachman huddled on the box, wrapped in furs. Southwark helped the Secretary into the carriage, and shook hands with Trent, thanking him for coming. "How the scoundrel did stare," he said; "your evidence was worse than a kick, but it saved his skin for the moment at least,—and prevented complications." The Secretary sighed. "We have done our part. Now let them prove him a spy and we wash our hands of him. Jump in, Captain! Come along, Trent!" "I have a word to say to Captain Southwark, I won't detain him," said Trent hastily, and dropping his voice, "Southwark, help me now. You know the story from the blackguard. You know the—the child is at his rooms. Get it, and take it to my own apartment, and if he is shot, I will provide a home for it." "I understand," said the Captain gravely. "Will you do this at once?" "At once," he replied. Their hands met in a warm clasp, and then Captain Southwark climbed into the carriage, motioning Trent to follow; but he shook his head saying, "Good-bye!" and the carriage rolled away.

Là lúc bốn giờ sáng khi anh rời khỏi Nhà Tù của Kẻ bị Kết Án cùng Thư Ký của Đại Sứ Quán Mỹ. Một nhóm người đã tụ tập xung quanh xe ngựa của Bộ Trưởng Mỹ, đứng trước nhà tù, ngựa đá đạp và đào đất trên con đường đóng băng, tài xế xe ngựa gói mình trong lớp lông. Southwark giúp Thư Ký lên xe, và bắt tay với Trent, cảm ơn anh vì đã đến. "Kẻ đê tiện nhìn như thế nào," anh ấy nói; "bằng chứng của bạn tệ hơn cả một cú đá, nhưng đã cứu được da anh ta ít nhất là trong lúc này,—và ngăn

chặn những rắc rối." Thư Ký thở dài. "Chúng ta đã làm phần của mình rồi. Bây giờ để họ chứng minh anh ta là một điệp viên và chúng ta rửa tay sạch sẽ. Lên xe, Đại úy! Theo tôi, Trent!" "Tôi có một lời muốn nói với Đại úy Southwark, tôi sẽ không giữ anh ta lại," Trent nói vội vàng, và thì thầm, "Southwark, giúp tôi đi. Anh biết câu chuyện từ kẻ đề tiện. Anh biết rằng—đứa trẻ ở phòng anh ta. Lấy nó, và đưa nó đến căn hộ của tôi, và nếu anh ta bị bắn, tôi sẽ cung cấp một mái ấm cho nó." "Tôi hiểu," Đại úy trả lời một cách nghiêm túc. "Anh sẽ làm điều này ngay lập tức chứ?" "Ngay lập tức," anh ta đáp. Hai bàn tay của họ gặp nhau trong một cái bắt tay ấm áp, và sau đó Đại úy Southwark leo lên xe, ra dấu cho Trent theo sau; nhưng anh ta lắc đầu nói, "Tạm biệt!" và xe lăn đi.

He watched the carriage to the end of the street, then started toward his own quarter, but after a step or two hesitated, stopped, and finally turned away in the opposite direction. Something—perhaps it was the sight of the prisoner he had so recently confronted nauseated him. He felt the need of solitude and quiet to collect his thoughts. The events of the evening had shaken him terribly, but he would walk it off, forget, bury everything, and then go back to Sylvia. He started on swiftly, and for a time the bitter thoughts seemed to fade, but when he paused at last, breathless, under the Arc de Triomphe, the bitterness and the wretchedness of the whole thing—yes, of his whole misspent life came back with a pang. Then the face of the prisoner, stamped with the horrible grimace of fear, grew in the shadows before his eyes. Sick at heart he wandered up and down under the great Arc, striving to occupy his mind, peering up at the sculptured cornices to read the names of the heroes and battles which he knew were engraved there, but always the ashen face of Hartman followed him, grinning with terror!—or was it terror?—was it not triumph?—At the thought he leaped like a man who feels a knife at his throat, but after a savage tramp around the square, came back again and sat down to battle with his misery. The air was cold, but his cheeks were

burning with angry shame. Shame? Why? Was it because he had married a girl whom chance had made a mother? Did he love her? Was this miserable bohemian existence, then, his end and aim in life? He turned his eyes upon the secrets of his heart, and read an evil story,—the story of the past, and he covered his face for shame, while, keeping time to the dull pain throbbing in his head, his heart beat out the story for the future. Shame and disgrace. Roused at last from a lethargy which had begun to numb the bitterness of his thoughts, he raised his head and looked about. A sudden fog had settled in the streets; the arches of the Arc were choked with it. He would go home. A great horror of being alone seized him. But he was not alone. The fog was peopled with phantoms. All around him in the mist they moved, drifting through the arches in lengthening lines, and vanished, while from the fog others rose up, swept past and were engulfed. He was not alone, for even at his side they crowded, touched him, swarmed before him, beside him, behind him, pressed him back, seized, and bore him with them through the mist. Down a dim avenue, through lanes and alleys white with fog, they moved, and if they spoke their voices were dull as the vapour which shrouded them. At last in front, a bank of masonry and earth cut by a massive iron barred gate towered up in the fog. Slowly and more slowly they glided, shoulder to shoulder and thigh to thigh. Then all movement ceased. A sudden breeze stirred the fog. It wavered and eddied. Objects became more distinct. A pallor crept above the horizon, touching the edges of the watery clouds, and drew dull sparks from a thousand bayonets. Bayonets—they were everywhere, cleaving the fog or flowing beneath it in rivers of steel. High on the wall of masonry and earth a great gun loomed, and around it figures moved in silhouettes. Below, a broad torrent of bayonets swept through the iron barred gateway, out into the shadowy plain. It became lighter. Faces grew more distinct among the marching masses and he recognized one. "You, Philippe!" The figure turned its head. Trent cried, "Is there room for me?" but the other only waved his arm in a vague adieu and

was gone with the rest. Presently the cavalry began to pass, squadron on squadron, crowding out into the darkness; then many cannon, then an ambulance, then again the endless lines of bayonets. Beside him a cuirassier sat on his steaming horse, and in front, among a group of mounted officers he saw a general, with the astrakan collar of his dolman turned up about his bloodless face. Some women were weeping near him and one was struggling to force a loaf of black bread into a soldier's haversack. The soldier tried to aid her, but the sack was fastened, and his rifle bothered him, so Trent held it, while the woman unbuttoned the sack and forced in the bread, now all wet with her tears. The rifle was not heavy. Trent found it wonderfully manageable. Was the bayonet sharp? He tried it. Then a sudden longing, a fierce, imperative desire took possession of him. "Chouette!" cried a gamin, clinging to the barred gate, "encore toi mon vieux?" Trent looked up, and the rat-killer laughed in his face. But when the soldier had taken the rifle again, and thanking him, ran hard to catch his battalion, he plunged into the throng about the gateway. "Are you going?" he cried to a marine who sat in the gutter bandaging his foot. "Yes." Then a girl—a mere child—caught him by the hand and led him into the café which faced the gate. The room was crowded with soldiers, some, white and silent, sitting on the floor, others groaning on the leather-covered settees. The air was sour and suffocating. "Choose!" said the girl with a little gesture of pity; "they can't go!" In a heap of clothing on the floor he found a capote and képi. She helped him buckle his knapsack, cartridgebox, and belt, and showed him how to load the chasse-pot rifle, holding it on her knees. When he thanked her she started to her feet. "You are a foreigner!" "American," he said, moving toward the door, but the child barred his way. "I am a Bretonne. My father is up there with the cannon of the marine. He will shoot you if you are a spy." They faced each other for a moment. Then sighing, he bent over and kissed the child. "Pray for France, little one," he murmured, and she repeated with a pale smile: "For France and you, beau Monsieur." He ran across the street and through the gateway. Once outside, he edged into line and shouldered his way along the road. A corporal passed, looked at him, repassed, and finally called an officer. "You belong to the 60th," growled the corporal looking at the number on his képi. "We have no use for Franc-tireurs," added the officer, catching sight of his black trousers. "I wish to volunteer in place of a comrade," said Trent, and the officer shrugged his shoulders and passed on.

Anh nhìn theo chiếc xe đến cuối con phố, sau đó bắt đầu đi về phía khu riêng của mình, nhưng sau một hoặc hai bước thì do dự, dừng lại, và cuối cùng quay đi hướng ngược lại. Có điều gì đó —có lẽ là việc nhìn thấy kể bị giam giữ mà anh vừa đối mặt gần đây khiến anh cảm thấy buồn nôn. Anh cảm thấy cần phải ở một mình và yên tĩnh để thu thập suy nghĩ của mình. Những sự kiện trong buổi tối đã làm rung chuyển anh một cách ghê gớm, nhưng anh sẽ đi bộ để quên, chôn vùi mọi thứ, và sau đó quay trở lại với Sylvia. Anh bắt đầu đi nhanh, và một thời gian, những suy nghĩ đắng cay dường như phai nhạt, nhưng khi anh dừng lại cuối cùng, hết hơi, dưới Champs-Élysées, sự đắng cay và đau khổ của mọi thứ—đúng vậy, của cả cuộc đời bị lãng phí của anh quay trở lại với một cú sốc. Sau đó, khuôn mặt của kẻ bị giam giữ, đánh dấu bằng biểu hiện kinh hoàng của nỗi sợ hãi, lớn dần trong bóng tối trước mắt anh. Đau khổ trong lòng anh lang thang lên và xuống dưới Champs-Élysées, cố gắng chiếm tâm trí của mình, nhìn lên các bức tượng trang trí để đọc tên của những anh hùng và trận đánh mà anh biết đã được khắc ở đó, nhưng luôn luôn khuôn mặt bạc của Hartman theo anh, mim cười trong nỗi sợ hãi!—hoặc có phải là sợ hãi không?—nó có phải là chiến thắng không?—Khi nghĩ đến đó, anh nhảy lên như một người cảm thấy dao găm ở cổ, nhưng sau một vòng điên cuồng xung quanh quảng trường, anh quay trở lại và ngồi xuống để chiến đấu với nỗi đau. Không khí lạnh, nhưng má anh đang đỏ bừng với cảm giác xấu hổ tức giận. Xấu hổ? Tại sao? Có phải vì anh đã kết hôn với một cô gái mà cơ duyên đã làm mẹ? Anh yêu cô ấy chứ? Cuộc sống bohemi xấu xí này, vậy thì, có phải là mục

đích cuối cùng của anh trong cuộc sống? Anh quay mắt nhìn vào những bí mật trong trái tim mình, và đọc một câu chuyện ác,—câu chuyện của quá khứ, và anh che kín mặt vì xấu hổ, trong khi, hòa nhịp với cơn đau nhạt nhẽo đập trong đầu, trái tim anh đọc câu chuyên cho tương lại. Xấu hổ và nhục nhã. Cuối cùng, anh tỉnh giấc từ một trạng thái buồn ngủ mà đã bắt đầu làm tê liệt sự đẳng cay trong suy nghĩ của mình, anh nâng đầu lên và nhìn xung quanh. Một sương mù bất ngờ đã giăng trên các con đường; những cánh vòm của Champs-Élysées bi nghet kín bởi nó. Anh sẽ về nhà. Một nỗi kinh hoàng lớn về việc ở một mình bao trùm anh. Nhưng anh không phải một mình. Sương mù đầy người. Xung quanh anh trong sương mù ho di chuyển, trôi qua các cánh vòm theo các hàng dài, và biến mất, trong khi từ sương mù, những người khác nổi lên, lao qua và bị chìm. Anh không phải một mình, vì ngay cả bên cạnh anh họ đông đúc, chạm vào anh, bao vây trước mặt anh, bên cạnh anh, sau lưng anh, đẩy anh trở lại, chiếm lấy, và kéo anh với họ qua sương mù. Dọc theo một con đường hẹp, qua những con hẻm và ngõ trắng với sương mù, họ di chuyển, và nếu họ nói thì giọng nói của họ nhạt nhẽo như hơi nước che phủ họ. Cuối cùng ở phía trước, một bức tường từ gạch và đất được cắt bởi một cổng sắt khổng lồ nổi lên trong sương mù. Chậm rãi và càng chậm rãi họ trượt qua, vai sát vai và đùi sát đùi. Rồi moi chuyển đông dừng lai. Một cơn gió đột ngột thổi tung sương mù. Nó lung lay và xoáy. Đồ vật trở nên rõ ràng hơn. Một vẻ tái nhợt lan từ chân trời, chạm vào mép của những đám mâ

Nobody paid much attention to him, one or two merely glancing at his trousers. The road was deep with slush and mud-ploughed and torn by wheels and hoofs. A soldier in front of him wrenched his foot in an icy rut and dragged himself to the edge of the embankment groaning. The plain on either side of them was grey with melting snow. Here and there behind dismantled hedge-rows stood wagons, bearing white flags with red crosses. Sometimes the driver was a priest in rusty hat and gown, sometimes a crippled Mobile. Once they passed a wagon

driven by a Sister of Charity. Silent empty houses with great rents in their walls, and every window blank, huddled along the road. Further on, within the zone of danger, nothing of human habitation remained except here and there a pile of frozen bricks or a blackened cellar choked with snow.

Không ai để ý đến anh ta nhiều, chỉ một hoặc hai người chỉ nhìn thoáng qua quần áo của anh ta. Con đường lấp đầy bùn và lầy, bị cày xới và xé rạch bởi bánh xe và móng ngựa. Một lính trước mặt anh ta vặt chân vào một vệt băng giá và kéo mình đến mé bờ đề rên rỉ. Cảnh đất phẳng hai bên họ xám với tuyết tan chảy. Đâu đâu sau hàng rào bị tháo dỡ đứng những chiếc xe ngựa, mang theo lá cờ trắng với chữ thập đỏ. Đôi khi người lái là một linh mục trong mũ và áo rỉ sét, đôi khi là một người tàn tật. Một lần họ đi qua một chiếc xe ngựa do Một Nữ Tu từ Thiện lái. Những căn nhà trống không với những vết nứt lớn trên tường, mọi cửa sổ đều trống trơn, bày ra dọc theo con đường. Phía xa hơn, trong khu vực nguy hiểm, không còn gì của nơi ở con người còn lại ngoại trừ đôi khi một đống gạch đá đóng băng hoặc một căn hầm đen bị ngập chết bởi tuyết.

For some time Trent had been annoyed by the man behind him, who kept treading on his heels. Convinced at last that it was intentional, he turned to remonstrate and found himself face to face with a fellow-student from the Beaux Arts. Trent stared. "I thought you were in the hospital!" The other shook his head, pointing to his bandaged jaw. "I see, you can't speak. Can I do anything?" The wounded man rummaged in his haversack and produced a crust of black bread. "He can't eat it, his jaw is smashed, and he wants you to chew it for him," said the soldier next to him. Trent took the crust, and grinding it in his teeth morsel by morsel, passed it back to the starving man.

Một thời gian Trent đã bị quấy rối bởi người phía sau anh ta, người luôn đạp vào gót chân của anh. Tin chắc cuối cùng rằng đó là cố ý, anh quay lại để than phiền và phát hiện mình đang

đối diện với một bạn cùng học từ Beaux Arts. Trent nhìn chằm chằm. "Tôi nghĩ bạn đang ở bệnh viện!" Người kia lắc đầu, chỉ vào hàm bị băng bó. "Tôi hiểu rồi, bạn không thể nói. Tôi có thể giúp gì không?" Người bị thương lục lọi trong ba lô và rút ra một miếng bánh màu đen. "Anh ấy không thể ăn được, hàm bị vỡ, và anh ấy muốn bạn nhai cho anh ấy," lính bên cạnh nói. Trent lấy miếng bánh, và nghiền nát nó bằng răng từng miếng, đưa lại cho người đang đói.

From time to time mounted orderlies sped to the front, covering them with slush. It was a chilly, silent march through sodden meadows wreathed in fog. Along the railroad embankment across the ditch, another column moved parallel to their own. Trent watched it, a sombre mass, now distinct, now vague, now blotted out in a puff of fog. Once for half-an-hour he lost it, but when again it came into view, he noticed a thin line detach itself from the flank, and, bellying in the middle, swing rapidly to the west. At the same moment a prolonged crackling broke out in the fog in front. Other lines began to slough off from the column, swinging east and west, and the crackling became continuous. A battery passed at full gallop, and he drew back with his comrades to give it way. It went into action a little to the right of his battalion, and as the shot from the first rifled piece boomed through the mist, the cannon from the fortifications opened with a mighty roar.

Thính thoảng, những người ổn định trên ngựa lao tới phía trước, bao phủ họ bằng lớp bùn. Đó là một cuộc di chuyển lạnh lẽo và yên bình qua những cánh đồng ẩm ướt bị vây trong sương mù. Dọc theo bãi đất cao của đường sắt băng qua rãnh, một cột khác di chuyển song song với cột của họ. Trent nhìn theo, một khối khí u ám, giờ rõ ràng, giờ mơ hồ, giờ bị che khuất trong một đám sương. Một lần trong nửa giờ anh mất nó, nhưng khi nó lại xuất hiện, anh nhận ra một đường mảnh nảy ra khỏi cánh, và, phồng ở giữa, nhanh chóng quay về phía tây. Cùng lúc đó, một tiếng rít dài bắt đầu phá ra trong sương mù phía trước.

Các đường khác bắt đầu rơi ra khỏi cột, quay về phía đông và phía tây, và tiếng rít trở nên liên tục. Một đơn vị pháo đi qua với tốc độ chạy cả ngựa, và anh rút lui cùng đồng đội để nhường đường. Nó bắt đầu hành động một chút về phía bên phải của tiểu đoàn của anh, và khi tiếng pháo từ khẩu súng đầu tiên vọng qua sương, pháo từ công trình phòng thủ bắt đầu vang vọng một cách hùng mạnh.

The colonel sat heavily upon his horse, his bullet-shaped head buried in the astrakan collar of his dolman, his fat legs sticking straight out in the stirrups. The buglers clustered about him with bugles poised, and behind him a staff-officer in a pale blue jacket smoked a cigarette and chatted with a captain of hussars. From the road in front came the sound of furious galloping and an orderly reined up beside the colonel, who motioned him to the rear without turning his head. Then on the left a confused murmur arose which ended in a shout. A hussar passed like the wind, followed by another and another, and then squadron after squadron whirled by them into the sheeted mists. At that instant the colonel reared in his saddle, the bugles clanged, and the whole battalion scrambled down the embankment, over the ditch and started across the soggy meadow. Almost at once Trent lost his cap. Something snatched it from his head, he thought it was a tree branch. A good many of his comrades rolled over in the slush and ice, and he imagined that they had slipped. One pitched right across his path and he stopped to help him up, but the man screamed when he touched him and an officer shouted, "Forward! Forward!" so he ran on again. It was a long jog through the mist, and he was often obliged to shift his rifle. When at last they lay panting behind the railroad embankment, he looked about him. He had felt the need of action, of a desperate physical struggle, of killing and crushing. He had been seized with a desire to fling himself among masses and tear right and left. He longed to fire, to use the thin sharp bayonet on his chasse-pot. He had not expected this. He wished to become exhausted, to struggle and cut until incapable of lifting his arm. Then he had intended to go home. He heard a man say that half the battalion had gone down in the charge, and he saw another examining a corpse under the embankment. The body, still warm, was clothed in a strange uniform, but even when he noticed the spiked helmet lying a few inches further away, he did not realize what had happened.

Đại tá ngồi nặng nề trên ngựa, đầu hình viên đạn chì chôn sâu vào cổ lông astrakan của bộ áo lông, đôi chân mập đưa thẳng ra ngoài trong đế ngựa. Những người thổi kèn tập trung xung quanh ông với kèn sẵn sàng, và phía sau ông, một sỹ quan trạng áo xanh nhạt đang hút thuốc lá và trò chuyện với một đại úy của hussars. Từ con đường phía trước vang lên tiếng đạp ngựa dữ dôi và một người lính giao lệnh đứng bên canh đại tá, ông chỉ lên phía sau mà không quay đầu. Sau đó, phía bên trái, một sự ồn ào lẫn lộn nổi lên kết thúc bằng một tiếng hò vang lên. Một hussar lao qua như gió, được theo sau bởi một người khác và một người khác nữa, sau đó từng đôi sau đôi xoay quanh họ vào trong những đám sương. Ngay lúc đó, đại tá giựt mình trong yên ngựa, các kèn kèn nhào vào, và cả tiểu đoàn lao xuống bãi đất cao, qua rãnh và bắt đầu băng qua cánh đồng ẩm ướt. Gần như ngay lập tức Trent mất mũ. Một cái gì đó nhấc nó từ đầu, anh nghĩ đó là một cành cây. Một số đồng đội của anh lăn ra trên bùn và băng, và anh tưởng rằng họ đã trượt chân. Một người ngã ngay trên đường đi của anh và anh dừng lai để giúp anh ta đứng dây, nhưng người đó kêu lên khi anh chạm vào và một sĩ quan hò hét, "Tiến lên! Tiến lên!" vì vậy anh lại chạy tiếp. Đó là một cuộc chay dài qua sương, và anh thường phải thay đổi vị trí súng trường. Khi cuối cùng họ nằm thở hổn hển sau bãi đất cao của đường sắt, anh nhìn xung quanh. Anh đã cảm thấy nhu cầu hành động, của cuộc đấu tranh thể chất tuyệt vọng, của giết chết và đè nát. Anh bị mắc kẹt với mong muốn nhảy vào đám đông và xé hai bên. Anh khao khát bắn, sử dụng chiếc dao mỏng sắc bén trên khẩu súng của mình. Anh không mong đợi điều này. Anh muốn mình mệt mỏi, đấu tranh và chém cho đến khi không thể nâng cánh tay. Sau đó anh đã dư đinh về nhà. Anh nghe một người nói rằng một nửa tiểu đoàn đã bị hạ gục trong cuộc tấn công, và anh thấy một người khác đang kiểm tra một xác dưới bãi đất cao. Cơ thể, vẫn ấm, mặc bộ đồ lí lạ, nhưng ngay cả khi anh chú ý thấy mũ sừng nằm vài inch xa hơn, anh không nhận ra đã xảy ra chuyện gì.

Then the battalion crawled over the embankment and moved along the lines of twisted rails. Trent rolled up his trousers and tucked them into his woollen socks: but they halted again, and some of the men sat down on the dismantled railroad track. Trent looked for his wounded comrade from the Beaux Arts. He was standing in his place, very pale. The cannonade had become terrific. For a moment the mist lifted. He caught a glimpse of the first battalion motionless on the railroad track in front, of regiments on either flank, and then, as the fog settled again, the drums beat and the music of the bugles began away on the extreme left. A restless movement passed among the troops, the colonel threw up his arm, the drums rolled, and the battalion moved off through the fog. They were near the front now for the battalion was firing as it advanced. Ambulances galloped along the base of the embankment to the rear, and the hussars passed and repassed like phantoms. They were in the front at last, for all about them was movement and turmoil, while from the fog, close at hand, came cries and groans and crashing volleys. Shells fell everywhere, bursting along the embankment, splashing them with frozen slush. Trent was frightened. He began to dread the unknown, which lay there crackling and flaming in obscurity. The shock of the cannon sickened him. He could even see the fog light up with a dull orange as the thunder shook the earth. It was near, he felt certain, for the colonel shouted "Forward!" and the first battalion was hastening into it. He felt its breath, he trembled, but hurried on. A fearful discharge in front terrified him. Somewhere in the fog men were cheering, and the colonel's horse, streaming with blood plunged about in the smoke. Another blast and shock, right in his face, almost stunned him,

and he faltered. All the men to the right were down. His head swam; the fog and smoke stupefied him. He put out his hand for a support and caught something. It was the wheel of a guncarriage, and a man sprang from behind it, aiming a blow at his head with a rammer, but stumbled back shrieking with a bayonet through his neck, and Trent knew that he had killed. Mechanically he stooped to pick up his rifle, but the bayonet was still in the man, who lay, beating with red hands against the sod. It sickened him and he leaned on the cannon. Men were fighting all around him now, and the air was foul with smoke and sweat. Somebody seized him from behind and another in front, but others in turn seized them or struck them solid blows. The click! click! of bayonets infuriated him, and he grasped the rammer and struck out blindly until it was shivered to pieces. A man threw his arm around his neck and bore him to the ground, but he throttled him and raised himself on his knees. He saw a comrade seize the cannon, and fall across it with his skull crushed in; he saw the colonel tumble clean out of his saddle into the mud; then consciousness fled.

Sau đó, tiểu đoàn bò qua đê và di chuyển dọc theo những đoạn đường sắt uốn cong. Trent cuộn quần áo bên trong và nhét chúng vào tất len của mình: nhưng họ lại dừng lại, và một số người ngồi xuống trên đoạn đường sắt đã tháo dỡ. Trent tìm kiếm đồng đôi bi thương từ Beaux Arts. Anh ta đang đứng ở chỗ của mình, rất trắng. Sự bắn pháo trở nên dữ dội. Trong một khoảnh khắc, sương mù dần tan đi. Anh nhìn thấy tiểu đoàn đầu tiên đứng yên trên đường sắt phía trước, các trung đoàn ở hai bên, và sau đó, khi sương mù trở lại, trống đánh và âm nhạc của kèn bugle bắt đầu phát ra ở phía xa bên trái cùng. Một sự chuyển động không yên giữa quân đội, người chỉ huy vẫy tay lên, trống vang, và tiểu đoàn di chuyển qua sương mù. Họ gần phía trước bây giờ vì tiểu đoàn đang bắn khi tiến vào. Xe cấp cứu chạy như gió dọc theo đáy để phía sau, và hussars đi qua lại như ảo ảnh. Họ cuối cùng đã ở phía trước, vì xung quanh họ đều là sư chuyển động và hỗn loạn, trong khi từ sương mù, gần kề,

vang lên những tiếng kêu và rên và những trận pháo nổ. Pháo đạn rơi khắp nơi, nổ dọc theo đê, làm bắn văng họ bằng bùn đá lạnh. Trent sợ hãi. Anh bắt đầu sợ những điều chưa biết, mà nằm ở đó rít và bùng cháy trong bóng tối. Sự sốc từ pháo súng làm anh ấy buồn nôn. Anh thâm chí còn thấy sương mù sáng lên một cách ảm đam với màu cam nhat khi sấm sét làm đất rung lên. Nó gần, anh chắc chắn cảm nhận được, vì chỉ huy hét lên "Tiến lên!" và tiểu đoàn đầu tiên đang vội vàng tiến vào đó. Anh cảm nhân hơi thở của nó, anh run lên, nhưng vẫn vôi vàng đi. Một trận pháo nổ dữ dội phía trước làm anh sợ hãi. Ở đâu đó trong sương mù, người ta đang cổ vũ, và ngựa của chỉ huy, dây đầy máu, nhảy nhót trong khói. Một vụ nổ và cú sốc khác, ngay trước mặt anh, gần như làm anh hoa mắt, và anh lúng túng. Tất cả những người ở bên phải đều đổ. Đầu anh lúng túng; sương mù và khói làm anh mê mải. Anh vươn tay tìm sự hỗ trợ và bắt được một cái gì đó. Đó là bánh xe của một chiếc xe pháo, và một người nhảy ra từ phía sau nó, nhắm một cú đánh vào đầu anh với một cây đâm, nhưng vấp ngã quay ra hét lên vì một cây đinh bay qua cổ, và Trent biết rằng anh đã giết người. Cơ học, anh cúi xuống nhặt lên súng trường của mình, nhưng cây đinh vẫn đang ở trong người đó, người đó nằm, đập tay đỏ vào cỏ. Nó làm anh buồn nôn và anh dựa vào pháo. Mọi người đang chiến đấu xung quanh anh bây giờ, và không khí đầy khói và mồ hôi. Ai đó nắm lấy anh từ phía sau và một người khác từ phía trước, nhưng người khác lại nắm họ hoặc đánh họ mạnh mẽ. Tiếng click! click! của những cây đinh làm anh tức giận, và anh nắm cây đâm và đánh mạnh mẽ mà không nhìn cho đến khi nó bị làm vỡ thành từng mảnh. Một người ôm cánh anh và đấy anh xuống đất, nhưng anh nắm cổ họ và đứng lên đầu gối. Anh thấy một đồng đội nắm lấy pháo, và ngã qua nó với đầu bị nát óc; anh thấy chỉ huy ngã sach khỏi yên ngưa vào bùn; sau đó ý thức mất đi.

When he came to himself, he was lying on the embankment among the twisted rails. On every side huddled men who cried out and cursed and fled away into the fog, and he staggered to his feet and followed them. Once he stopped to help a comrade with a bandaged jaw, who could not speak but clung to his arm for a time and then fell dead in the freezing mire; and again he aided another, who groaned: "Trent, c'est moi—Philippe," until a sudden volley in the midst relieved him of his charge. An icy wind swept down from the heights, cutting the fog into shreds. For an instant, with an evil leer the sun peered through the naked woods of Vincennes, sank like a blood-clot in the battery smoke, lower, lower, into the blood-soaked plain.

Khi anh tỉnh lại, anh đang nằm trên bờ đê giữa những đường sắt uốn cong. Xung quanh anh là những người ôm nhau, kêu gọi và chửi rủa và chạy vào sương mù, và anh lảo đảo đứng dậy và theo họ. Một lần anh dừng lại để giúp một đồng đội với cái cằm bị băng kín, người không thể nói chuyện nhưng nắm chặt cánh tay anh một thời gian rồi ngã chết trong bùn đáng lạnh; và một lần nữa anh giúp một người khác, người rên: "Trent, c'est moi—Philippe," cho đến khi một loạt đạn bất ngờ giữa chừng giải thoát anh khỏi nhiệm vụ của mình. Một cơn gió lạnh bắc xuống từ những vùng cao, cắt sương mù thành từng mảnh. Trong một khoảnh khắc, với ánh nhìn ác ý, mặt trời nhìn qua khu rừng trần trụi của Vincennes, chìm như một cục máu trong khói pháo, thấp hơn, thấp hơn, vào cánh đồng ngập máu.

When midnight sounded from the belfry of St. Sulpice the gates of Paris were still choked with fragments of what had once been an army. They entered with the night, a sullen horde, spattered with slime, faint with hunger and exhaustion. There was little disorder at first, and the throng at the gates parted silently as the troops tramped along the freezing streets. Confusion came as the hours passed. Swiftly and more swiftly, crowding squadron after squadron and battery on battery, horses plunging and caissons jolting, the remnants from the front surged through the gates, a chaos of cavalry and artillery struggling for the right of way. Close upon them stumbled the infantry; here a skeleton of a regiment marching with a

desperate attempt at order, there a riotous mob of Mobiles crushing their way to the streets, then a turmoil of horsemen, cannon, troops without, officers, officers without men, then again a line of ambulances, the wheels groaning under their heavy loads. Dumb with misery the crowd looked on.

Khi chuông báo nửa đêm vang lên từ tháp chuông của St. Sulpice, cửa thành Paris vẫn bị tắc nghẽn bởi những mảnh vỡ của những gì từng là một đội quân. Họ bước vào cùng với đêm, một đám động u ám, bị bắn bẩn, mệt mỏi với đói và kiệt sức. Ban đầu không có nhiều hỗn loan, và đám đông ở cửa thành tách biệt im lặng khi quân đội bước dọc theo các con đường lạnh buốt. Sự hỗn loạn đến khi giờ trôi qua. Nhanh chóng và càng nhanh chóng hơn, từng đơn vi sau đơn vi và đơn vi pháo sau đơn vị pháo, ngựa lao vào và xe chở pháo giật mạnh, những người còn sống sót từ phía trước đẩy mạnh qua cửa thành, một hỗn loạn của ngựa bộ và pháo binh đấu tranh cho quyền đi trước. Gần họ là lính bộ; ở đây là xác sống của một trung đoàn đi với một nỗ lực tuyệt vọng để duy trì trật tự, ở đó là một bọn đám đông hỗn loạn của Mobiles đè nát đường của họ đến các con đường, sau đó là một cuộc hỗn loạn của người cưỡi ngựa, pháo binh, quân không, sĩ quan, sĩ quan không có quân, sau đó lại là một hàng xe cấp cứu, bánh xe rên dưới trọng lượng nặng nề của chúng. Người dân, câm lặng với nỗi đau, nhìn xung quanh.

All through the day the ambulances had been arriving, and all day long the ragged throng whimpered and shivered by the barriers. At noon the crowd was increased ten-fold, filling the squares about the gates, and swarming over the inner fortifications. At four o'clock in the afternoon the German batteries suddenly wreathed themselves in smoke, and the shells fell fast on Montparnasse. At twenty minutes after four two projectiles struck a house in the rue de Bac, and a moment later the first shell fell in the Latin Quarter.

Suốt cả ngày, xe cấp cứu đã đến, và suốt cả ngày, đám đông rách rưới rên rỉ và run lên bởi các rào cản. Vào lúc trưa, đám đông đã tăng gấp mười lần, lấp đầy các quảng trường xung quanh cửa thành, và bao phủ trên các công trình quân sự bên trong. Vào lúc bốn giờ chiều, các pháo Đức đột ngột bao phủ bản thân chúng trong khói, và các viên đạn rơi nhanh trên Montparnasse. Hai mươi phút sau bốn giờ, hai quả đạn đập vào một ngôi nhà trên đường de Bac, và một lát sau, quả đạn đầu tiên rơi vào Khu Latin.

Braith was painting in bed when West came in very much scared. "I wish you would come down; our house has been knocked into a cocked hat, and I'm afraid that some of the pillagers may take it into their heads to pay us a visit to-night." Braith jumped out of bed and bundled himself into a garment which had once been an overcoat. "Anybody hurt?" he inquired, struggling with a sleeve full of dilapidated lining. "No. Colette is barricaded in the cellar, and the concierge ran away to the fortifications. There will be a rough gang there if the bombardment keeps up. You might help us—" "Of course," said Braith; but it was not until they had reached the rue Serpente and had turned in the passage which led to West's cellar, that the latter cried: "Have you seen Jack Trent, to-day?" "No," replied "he was not Braith, looking troubled, at Ambulance Headquarters." "He stayed to take care of Sylvia, I suppose." A bomb came crashing through the roof of a house at the end of

A crash from the outside, followed by a yell, cut him short; then blow after blow shook the doors, until there came a sharp snap, a clinking of metal and a triangular bit of iron fell inwards, leaving a hole through which struggled a ray of light.

Một tiếng động từ bên ngoài, tiếp theo là một tiếng la hét, đã cắt ngắn anh; sau đó là từng cú đánh liên tiếp làm rung cửa, cho đến khi có tiếng snap sắc bén, tiếng kêu lên của kim loại và một

mảnh sắt hình tam giác rơi vào bên trong, để lại một lỗ thông qua đó một tia sáng vật vã.

Instantly West knelt, and shoving his revolver through the aperture fired every cartridge. For a moment the alley resounded with the racket of the revolver, then absolute silence followed.

Ngay lập tức, West quỳ xuống, và đẩy khẩu súng lục qua lỗ hở bắn hết đạn. Trong một khoảnh khắc con hẻm vang lên tiếng ồn ào của khẩu súng lục, sau đó im lặng hoàn toàn tiếp theo.

Presently a single questioning blow fell upon the door, and a moment later another and another, and then a sudden crack zigzagged across the iron plate.

Không lâu sau, một cú đánh duy nhất đặt dấu chấm hỏi trên cửa, và một lát sau lại có một cú khác và một cú khác nữa, rồi một vết nứt đột ngột uốn cong qua tấm sắt.

"Here," said West, seizing Colette by the wrist, "you follow me, Braith!" and he ran swiftly toward a circular spot of light at the further end of the cellar. The spot of light came from a barred man-hole above. West motioned Braith to mount on his shoulders.

"Đây," West nói, nắm lấy cổ tay của Colette, "em đi theo tôi, Braith!" và anh chạy nhanh về phía một vùng sáng tròn ở cuối cùng của tầng hầm. Vùng sáng đó đến từ một lỗ trên trần được che kín. West vẫy tay cho Braith lên vai anh.

"Push it over. You must!" With little effort Braith lifted the barred cover, scrambled out on his stomach, and easily raised Colette from West's shoulders.

"Đẩy nó đi. Em phải!" Với sự nỗ lực nhỏ, Braith nâng lên nắp che bị gai, bò ra ngoài bằng bụng, và dễ dàng đưa Colette từ vai của West lên.

"Quick, old chap!" cried the latter. Braith twisted his legs around a fence-chain and leaned down again. The cellar was flooded with a yellow light, and the air reeked with the stench of petroleum torches. The iron door still held, but a whole plate of metal was gone, and now as they looked a figure came creeping through, holding a torch.

"Nhanh lên, cụ già!" hét anh kia. Braith xoắn chân mình quanh chuỗi hàng rào và cúi người xuống. Tầng hầm ngập tràn ánh sáng màu vàng, và không khí thấm đầy mùi của ngọn đuốc dầu mỏ. Cánh cửa sắt vẫn còn giữ, nhưng một tấm sắt toàn bộ đã biến mất, và bây giờ khi họ nhìn, một hình dáng đang bò qua, cầm một ngọn đuốc.

"Quick!" whispered Braith. "Jump!" and West hung dangling until Colette grasped him by the collar, and he was dragged out. Then her nerves gave way and she wept hysterically, but West threw his arm around her and led her across the gardens into the next street, where Braith, after replacing the man-hole cover and piling some stone slabs from the wall over it, rejoined them. It was almost dark. They hurried through the street, now only lighted by burning buildings, or the swift glare of the shells.

"Nhanh lên!" Braith thì thầm. "Nhảy!" và West treo lơ lửng cho đến khi Colette nắm lấy cổ áo anh, và anh bị kéo ra. Sau đó, thần kinh của cô đứt ruột và cô khóc nấc nghẹn, nhưng West ôm cô và dẫn cô qua vườn vào con phố tiếp theo, nơi Braith, sau khi đặt lại nắp lỗ trên và chất một số viên đá từ tường lên trên nó, đã quay lại. Đã gần tối. Họ vội vã qua con phố, giờ chỉ được chiếu sáng bởi những tòa nhà đang cháy hoặc ánh sáng chói lòa của các viên đạn.

They gave wide berth to the fires, but at a distance saw the flitting forms of pillagers among the débris. Sometimes they passed a female fury crazed with drink shrieking anathemas upon the world, or some slouching lout whose blackened face and hands betrayed his share in the work of destruction. At last they reached the Seine and passed the bridge, and then Braith said: "I must go back. I am not sure of Jack and Sylvia." As he spoke, he made way for a crowd which came trampling across the bridge, and along the river wall by the d'Orsay barracks. In the midst of it West caught the measured tread of a platoon. A lantern passed, a file of bayonets, then another lantern which glimmered on a deathly face behind, and Colette gasped, "Hartman!" and he was gone.

Họ tránh xa những đám cháy, nhưng từ xa nhìn thấy những hình dáng lướt qua của những kẻ cướp giữa những mảnh vụn. Đôi khi họ đi qua một người phụ nữ điên cuồng với rượu, hét lời chửi rủa thế giới, hoặc một tên lười nhác với khuôn mặt và tay đen thui tiết lộ sự tham gia của anh ta vào công việc phá hủy. Cuối cùng họ đến bờ sông Seine và qua cầu, và sau đó Braith nói: "Tôi phải quay lại. Tôi không chắc về Jack và Sylvia." Khi anh nói, anh nhường đường cho một đám đông lao vào cầu, và dọc theo bờ sông bởi quân đội d'Orsay. Giữa đám đông, West nghe thấy tiếng bước đi theo từng bước của một tiểu đội. Một cây đèn qua, một hàng đinh bayonet, sau đó một cây đèn khác chiếu sáng lên gương mặt lạnh lùng phía sau, và Colette thở dài, "Hartman!" rồi anh đã biến mất.

They peered fearfully across the embankment, holding their breath. There was a shuffle of feet on the quay, and the gate of the barracks slammed. A lantern shone for a moment at the postern, the crowd pressed to the grille, then came the clang of the volley from the stone parade.

Họ nhìn ngó lo sợ qua bờ đê, nhấm chặt hơi thở. Có tiếng xào xạc của chân trên bên, và cánh cửa của căn cứ quân đội đóng sầm.

Một cây đèn sáng trong một khoảnh khắc ở cửa sau, đám đông đẩy nhau vào lưới sắt, sau đó tiếng vang của loạt đạn từ lễ hành quân đá.

One by one the petroleum torches flared up along the embankment, and now the whole square was in motion. Down from the Champs Elysées and across the Place de la Concorde straggled the fragments of the battle, a company here, and a mob there. They poured in from every street followed by women and children, and a great murmur, borne on the icy wind, swept through the Arc de Triomphe and down the dark avenue,—"Perdus! perdus!"

Một cái một cái, những cây đèn dầu mỏ bốc cháy dọc theo bờ đê, và bây giờ toàn bộ quảng trường đều hồi hộp. Từ Champs Elysées và qua Place de la Concorde, những mảnh vỡ của trận chiến lăn lê, một đội ở đây, và một đám ở đó. Họ chảy vào từ mọi con phố, được theo sau bởi phụ nữ và trẻ em, và một âm thanh lớn, được mang trên cơn gió lạnh, cuốn cuộn qua l'Arc de Triomphe và dọc theo con đường tối tăm, "Perdus! perdus!"

A ragged end of a battalion was pressing past, the spectre of annihilation. West groaned. Then a figure sprang from the shadowy ranks and called West's name, and when he saw it was Trent he cried out. Trent seized him, white with terror.

Một đoàn quân tan tác đang đi qua, hình bóng của sự tiêu diệt. West kêu rên. Sau đó một hình dáng nhảy ra từ hàng xếp bóng tối và gọi tên West, và khi anh nhìn thấy đó là Trent anh hét lên. Trent nắm lấy anh, trắng bệch vì sợ hãi.

"Sylvia?" West stared speechless, but Colette moaned, "Oh, Sylvia!—and they are shelling the Quarter!"

"Sylvia?" West nhìn mặt mày, không thốt nên lời, nhưng Colette kêu lên, "Ôi, Sylvia! Sylvia!—và họ đang đánh pháo vào Khu!"

"Trent!" shouted Braith; but he was gone, and they could not overtake him.

"Trent!" Braith hét; nhưng anh đã biến mất, và họ không thể bắt kịp anh.

The bombardment ceased as Trent crossed the Boulevard St. Germain, but the entrance to the rue de Seine was blocked by a heap of smoking bricks. Everywhere the shells had torn great holes in the pavement. The café was a wreck of splinters and glass, the book-store tottered, ripped from roof to basement, and the little bakery, long since closed, bulged outward above a mass of slate and tin.

Sự bắn phá ngừng lại khi Trent băng qua Boulevard St. Germain, nhưng lối vào đường de Seine bị chặn bởi một đống gạch đang phát khói. Ở mọi nơi, các viên đạn đã tạo ra những lỗ lớn trên mặt đường. Quán cà phê trở thành một đống vụn và thủy tinh, cửa hàng sách lung lay, bị rách từ mái đến tầng hầm, và tiệm bánh nhỏ, từ lâu đã đóng cửa, phình ra phía trước trên một khối đá và tôn.

He climbed over the steaming bricks and hurried into the rue de Tournon. On the corner a fire blazed, lighting up his own street, and on the bank wall, beneath a shattered gas lamp, a child was writing with a bit of cinder. "HERE FELL THE FIRST SHELL." The letters stared him in the face. The rat-killer finished and stepped back to view his work, but catching sight of Trent's bayonet, screamed and fled, and as Trent staggered across the shattered street, from holes and crannies in the ruins fierce women fled from their work of pillage, cursing him.

Anh vượt qua những viên gạch nóng và vội vã vào đường de Tournon. Ở góc đường, một đám cháy bốc lên, chiếu sáng lên con phố của anh, và trên bức tường, dưới một cây đèn khí gas bị vỡ, một đứa trẻ đang viết bằng một miếng than. "ĐÂY LÀ NƠI

RƠI ĐẠN ĐẦU TIÊN." Những chữ in trắng thẳng vào mặt anh. Kẻ giết chuột hoàn thành và đi lùi để xem lại công việc của mình, nhưng khi nhìn thấy cây đinh của Trent, hét lên và bỏ chạy, và khi Trent đi lảo đảo qua con đường tan tác, từ những lỗ và khe nứt trong tàn tích, những người phụ nữ hung dữ chạy trốn khỏi công việc cướp bóc của họ, chửi rủa anh.

At first he could not find his house, for the tears blinded him, but he felt along the wall and reached the door. A lantern burned in the concierge's lodge and the old man lay dead beside it. Faint with fright he leaned a moment on his rifle, then, snatching the lantern, sprang up the stairs. He tried to call, but his tongue hardly moved. On the second floor he saw plaster on the stairway, and on the third the floor was torn and the concierge lay in a pool of blood across the landing. The next floor was his, theirs. The door hung from its hinges, the walls gaped. He crept in and sank down by the bed, and there two arms were flung around his neck, and a tear-stained face sought his own.

Ban đầu anh không thể tìm thấy ngôi nhà của mình, vì những giọt nước mắt làm mờ tầm nhìn, nhưng anh chạm vào bức tường và đến cửa. Một cây đèn đốt trong phòng của người giữ cửa và người già nằm chết bên cạnh nó. Lo sợ, anh nôn nao dựa một lúc vào súng trường, sau đó, vớt lấy cây đèn, nhảy lên cầu thang. Anh cố gọi, nhưng lưỡi anh hầu như không di chuyển. Ở tầng hai, anh thấy thạch cao trên cầu thang, và ở tầng ba, sàn nhà bị rách và người giữ cửa nằm trong một vũng máu bên cầu thang. Tầng tiếp theo là của

Hastings touched the electric button three times, and they were ushered through the garden and into the parlour by a trim maid. The dining-room door, just beyond, was open, and from the table in plain view a stout woman hastily arose and came toward them. Hastings caught a glimpse of a young man with a big head and several snuffy old gentlemen at breakfast, before

the door closed and the stout woman waddled into the room, bringing with her an aroma of coffee and a black poodle.

Hastings chạm vào nút điện ba lần, và họ được dẫn qua vườn và vào phòng khách bởi một cô hầu gọn gàng. Cánh cửa phòng ăn, ngay bên cạnh, đang mở, và từ bàn ăn trong tầm nhìn rõ ràng, một người phụ nữ mập mạp vội vã đứng dậy và đi đến gần họ. Hastings nhìn thấy một chàng trai trẻ với đầu to và một số ông già hút thuốc lúc ăn sáng, trước khi cánh cửa đóng lại và người phụ nữ mập mạp bước vào phòng, mang theo mùi cà phê và một chú chó poodle đen.

"It ees a plaisir to you receive!" she cried. "Monsieur is Anglish? No? Americain? Off course. My pension it ees for Americains surtout. Here all spik Angleesh, c'est à dire, ze personnel; ze sairvants do spik, plus ou moins, a little. I am happy to have you comme pensionnaires—" "Madame," began Dr. Byram, but was cut short again. "Ah, yess, I know, ah! mon Dieu! you do not spik Frainch but you have come to lairne! My husband does spik Frainch wiss ze pensionnaires. We have at ze moment a family Americaine who learn of my husband Frainch—" Here the poodle growled at Dr. Byram and was promptly cuffed by his mistress.

"Rất vui được tiếp đón!" cô ấy hét. "Monsieur là người Anh? Không phải? Mỹ? Tất nhiên. Hội trường của tôi dành cho người Mỹ đặc biệt. Ở đây mọi người nói tiếng Anh, tức là, nhân viên; những người hầu hạ nói, nhiều hay ít, một chút. Tôi rất vui khi có bạn làm việc tại đây—" "Madame," bắt đầu ông Byram, nhưng lại bị cắt ngang. "Ah, yess, tôi biết, ah! ôi Chúa ơi! bạn không nói tiếng Pháp nhưng bạn đã đến để học! Chồng tôi nói tiếng Pháp với các học viên. Hiện tại chúng tôi có một gia đình Mỹ đang học tiếng Pháp với chồng tôi—" Ở đây, chú chó gầm lên với ông Byram và ngay lập tức bị chủ nhân vỗ một cái.

"Veux tu!" she cried, with a slap, "veux tu! Oh! le vilain, oh! le vilain!" "Mais, madame," said Hastings, smiling, "il n'a pas l'air très féroce." The poodle fled, and his mistress cried, "Ah, ze accent charming! He does spik already Frainch like a Parisien young gentleman!" Then Dr. Byram managed to get in a word or two and gathered more or less information with regard to prices.

"Muốn sao!" cô ấy hét, với một cái vỗ, "muốn sao! Oh! tên xấu, oh! tên xấu!" "Nhưng, madame," Hastings nói, mỉm cười, "nó không có vẻ quá hung dữ." Chú chó bỏ chạy, và chủ nhân của nó hét, "Ôi, giọng điệu tuyệt vời! Nó đã biết nói tiếng Pháp như một anh chàng Paris!" Sau đó, ông Byram đã lấy được một vài thông tin về giá cả.

"It ees a pension serieux; my clientèle ees of ze best, indeed a pension de famille where one ees at 'ome." Then they went upstairs to examine Hastings' future quarters, test the bed-springs and arrange for the weekly towel allowance. Dr. Byram appeared satisfied. Madame Marotte accompanied them to the door and rang for the maid, but as Hastings stepped out into the gravel walk, his guide and mentor paused a moment and fixed Madame with his watery eyes.

"Đây là một nhà trọ nghiêm túc; khách hàng của tôi là những người tốt nhất, thực sự là một nhà trọ gia đình mà bạn sẽ cảm thấy như ở nhà." Sau đó họ đi lên tầng trên để xem phòng của Hastings trong tương lai, kiểm tra lò xo giường và sắp xếp cho phần thưởng khăn tắm hàng tuần. Ông Byram dường như hài lòng. Madame Marotte đi cùng họ đến cửa và gọi cô hầu, nhưng khi Hastings bước ra ngoài lối đi đá, hướng dẫn và người hướng dẫn của anh ta dừng lại một lúc và nhìn chăm chú vào Madame bằng đôi mắt ướt.

"That garden belongs to a studio inhabited by two Americans," continued the girl serenely, "and I often see them pass. They

seem to need a great many models, mostly young and feminine
__"

"Khu vườn đó thuộc về một studio được hai người Mỹ thuê," cô gái tiếp tục bình tĩnh, "và tôi thường thấy họ đi qua. Họ dường như cần rất nhiều người mẫu, chủ yếu là trẻ và nữ—"

"Why, Susie!" "Perhaps they prefer painting that kind, but I don't see why they should invite five, with three more young gentlemen, and all get into two cabs and drive away singing. This street," she continued, "is dull. There is nothing to see except the garden and a glimpse of the Boulevard Montparnasse through the rue de la Grande Chaumière. No one ever passes except a policeman. There is a convent on the corner."

"Tại sao vậy, Susie!" "Có lẽ họ thích vẽ loại đó, nhưng tôi không hiểu tại sao họ lại mời năm người, với ba anh chàng trẻ khác, và tất cả lên hai xe taxi và đi xa hát. Con đường này," cô tiếp tục, "rất buồn tẻ. Không có gì để xem ngoài khu vườn và một chút nhìn thấy Boulevard Montparnasse qua đường de la Grande Chaumière. Không ai đi qua ngoại trừ một cảnh sát. Có một tu viên ở góc đó."

"I thought it was a Jesuit College," began Hastings, but was at once overwhelmed with a Baedecker description of the place, ending with, "On one side stand the palatial hotels of Jean Paul Laurens and Guillaume Bouguereau, and opposite, in the little Passage Stanislas, Carolus Duran paints the masterpieces which charm the world."

"Tôi nghĩ nó là một trường Dòng Tên," Hastings bắt đầu, nhưng ngay lập tức bị choáng váng bởi một mô tả của Baedecker về nơi đó, kết thúc bằng, "Một bên đứng những khách sạn hoành tráng của Jean Paul Laurens và Guillaume Bouguereau, và đối diện, ở con hẻm nhỏ Stanislas, Carolus Duran vẽ những kiệt tác mà làm say đắm thế giới."

The blackbird burst into a ripple of golden throaty notes, and from some distant green spot in the city an unknown wild-bird answered with a frenzy of liquid trills until the sparrows paused in their ablutions to look up with restless chirps.

Con sáo bắt đầu hót một dòng nhạc vàng rực rỡ, và từ một nơi xanh xa trong thành phố, một loài chim hoang lạ đã đáp lại với một loạt những tiếng hót mạch nước cho đến khi những con sẻ tạm dừng việc tắm nước để nhìn lên với những tiếng kêu hồi hộp.

Then a butterfly came and sat on a cluster of heliotrope and waved his crimson-banded wings in the hot sunshine. Hastings knew him for a friend, and before his eyes there came a vision of tall mulleins and scented milkweed alive with painted wings, a vision of a white house and woodbine-covered piazza,—a glimpse of a man reading and a woman leaning over the pansy bed,—and his heart was full.

Sau đó, một con bướm bay đến và ngồi trên một cụm cỏ dại và vẫy đôi cánh đỏ rực dưới ánh nắng chói chang. Hastings nhận ra nó là một người bạn, và trước mắt mình hiện lên một hình ảnh về cây cỏ cao và cỏ dại thơm phức sống đầy cánh bướm vẽ, một cảnh về một ngôi nhà trắng và hiên nhà phủ đầy hoa cỏ,—một cái nhìn về một người đàn ông đang đọc và một người phụ nữ tựa vào giường hoa violet,—và trái tim anh tràn đầy cảm xúc.

"I believe you are homesick!" Hastings blushed. Miss Byng looked at him with a sympathetic sigh and continued: "Whenever I felt homesick at first I used to go with mamma and walk in the Luxembourg Gardens. I don't know why it is, but those old-fashioned gardens seemed to bring me nearer home than anything in this artificial city."

"Anh có lẽ đang nhớ nhà!" Hastings đỏ mặt. Miss Byng nhìn anh với một tiếng thở dài đồng cảm và tiếp tục: "Mỗi khi tôi cảm

thấy nhớ nhà ở lần đầu tiên, tôi thường đi cùng mẹ và đi dạo trong Công viên Luxembourg. Tôi không biết tại sao, nhưng những khu vườn cổ điển đó dường như đưa tôi gần hơn với nhà hơn bất cứ điều gì trong thành phố nhân tạo này."

She leaned back on the crooked stick of her parasol, and looked at him.

Cô ấy tựa vào cây dù cong và nhìn anh.

"Why do you think so?"

"Tai sao anh nghĩ vây?"

"Because you speak as if you did."

"Bởi vì anh nói như thể anh đã biết."

"You are making fun of me," she said, "and it is not good taste."

"Anh đang trêu tôi," cô ấy nói, "và không phải là thái độ tốt."

She stopped, confused, as he colored to the roots of his hair.

Cô ấy dừng lại, lúng túng, khi anh đỏ mặt đến ngọn tóc.

"How long have you been in Paris?" she said at length.

"Anh đã ở Paris bao lâu?" cô ấy nói sau cùng.

"Three days," he replied gravely.

"Ba ngày," anh trả lời một cách nghiêm túc.

"But—but—surely you are not a nouveau! You speak French too well!"

"Nhưng—nhưng—chắc chắn anh không phải là người mới! Anh nói tiếng Pháp quá giỏi!"

Then after a pause, "Really are you a nouveau?"

Sau một khoảng lặng, "Thực sự anh là người mới sao?"

"I am," he said.

"Là anh," anh nói.

She sat down on the marble bench lately occupied by Clifford, and tilting her parasol over her small head looked at him.

Cô ấy ngồi xuống trên ghế đá mà gần đây Clifford đã ngồi, và nghiêng cây dù trên đầu nhỏ nhắn nhìn anh.

"I don't believe it."

"Tôi không tin."

He felt the compliment, and for a moment hesitated to declare himself one of the despised. Then mustering up his courage, he told her how new and green he was, and all with a frankness which made her blue eyes open very wide and her lips part in the sweetest of smiles.

Anh cảm thấy được lời khen, và một lúc do dự trước khi tuyên bố mình là một trong số những người bị khinh. Sau đó, anh tích cực nói với cô ấy về sự mới mẻ và ngây thơ của mình, tất cả với sự trung thực khiến cho đôi mắt xanh của cô ấy mở to và môi mở ra nu cười ngọt ngào nhất.

"Why, it's Love," he said.

"Tại sao, đó là Tình Yêu," anh ta nói.

"There is a nouveau here," drawled Laffat, leaning around his easel and addressing his friend Bowles, "there is a nouveau here who is so tender and green and appetizing that Heaven help him if he should fall into a salad bowl."

"Có một người mới ở đây," Laffat vẽ lêu lêu, nói gần tai người bạn Bowles, "có một người mới ở đây mà thật mềm mại và xanh và hấp dẫn đến mức trời ơi giúp anh ấy nếu rơi vào tô salad."

"Hayseed?" inquired Bowles, plastering in a background with a broken palette-knife and squinting at the effect with approval.

"Người nông dân?" Bowles hỏi, lấy dao gạt vôi làm nền và nhìn chằm chằm vào hiệu ứng với sự chấp nhận.

"Yes, Squeedunk or Oshkosh, and how he ever grew up among the daisies and escaped the cows, Heaven alone knows!"

"Vâng, Squeedunk hoặc Oshkosh, và làm sao anh ấy lớn lên giữa những bông hoa cúc và thoát khỏi bò, chỉ có trời mới biết!"

Bowles rubbed his thumb across the outlines of his study to "throw in a little atmosphere," as he said, glared at the model, pulled at his pipe and finding it out struck a match on his neighbour's back to relight it.

Bowles cọ ngón tay qua đường nét của bức tranh để "thêm chút không khí," nhìn chằm chằm vào người mẫu, kéo ống hút thuốc và khi thấy nó tắt, anh ta đập diêm vào lưng hàng xóm để làm sáng nó.

"His name," continued Laffat, hurling a bit of bread at the hat-rack, "his name is Hastings. He is a berry. He knows no more about the world,"—and here Mr. Laffat's face spoke volumes for

his own knowledge of that planet,—"than a maiden cat on its first moonlight stroll."

"Tên anh ấy," Laffat tiếp tục, ném một miếng bánh mì vào móc mũ, "tên anh ấy là Hastings. Anh ấy là một quả dâu. Anh ấy không biết nhiều về thế giới,"—và ở đây khuôn mặt của ông Laffat nói lên rất nhiều về kiến thức của mình về hành tinh đó, —"so với một con mèo cô gái trong lần dạo đầu tiên dưới ánh trăng."

Bowles now having succeeded in lighting his pipe, repeated the thumb touch on the other edge of the study and said, "Ah!"

Bowles sau khi đã thành công trong việc thắp ống hút thuốc, lặp lại cú click ngón tay ở mép khác của bức tranh và nói, "À!"

"Yes," continued his friend, "and would you imagine it, he seems to think that everything here goes on as it does in his d——d little backwoods ranch at home; talks about the pretty girls who walk alone in the street; says how sensible it is; and how French parents are misrepresented in America; says that for his part he finds French girls,—and he confessed to only knowing one,—as jolly as American girls. I tried to set him right, tried to give him a pointer as to what sort of ladies walk about alone or with students, and he was either too stupid or too innocent to catch on. Then I gave it to him straight, and he said I was a vileminded fool and marched off."

"Vâng," người bạn tiếp tục, "và anh có thể tưởng tượng không, anh ấy dường như nghĩ rằng mọi thứ ở đây diễn ra giống như ở trang trại hẻo lánh nhỏ của anh ấy ở nhà; nói về những cô gái xinh đẹp đi một mình trên đường phố; nói về sự hợp lý của nó; và cách cha mẹ Pháp bị hiểu lầm ở Mỹ; nói rằng theo quan điểm của anh ấy, anh ấy thấy các cô gái Pháp,—và anh ấy thú nhận chỉ biết một cô gái,—như vui vẻ như các cô gái Mỹ. Tôi cố gắng làm cho anh ấy hiểu đúng, cố gắng đưa cho anh ấy biết rõ loại phụ

nữ nào đi một mình hoặc đi cùng sinh viên, và anh ấy hoặc quá ngu ngốc hoặc quá ngây thơ để hiểu. Sau đó tôi nói thẳng với anh ấy, và anh ấy nói tôi là một kẻ dại dột và đi mất."

"Did you assist him with your shoe?" inquired Bowles, languidly interested.

"Anh có giúp anh ấy bằng giày không?" Bowles hỏi, hơi hứng thú một cách lười biếng.

"Well, no."

"Vâng, không."

"He called you a vile-minded fool."

"Anh ấy gọi anh là một kẻ dại dột."

"He was correct," said Clifford from his easel in front.

"Anh ấy đúng," Clifford nói từ bức tranh của mình phía trước.

"What—what do you mean?" demanded Laffat, turning red.

"Cái gì—cái gì anh có ý gì?" Laffat yêu cầu, đổ mặt.

"That," replied Clifford.

"Đó," Clifford trả lời.

"Who spoke to you? Is this your business?" sneered Bowles, but nearly lost his balance as Clifford swung about and eyed him.

"Ai nói với anh? Điều này phải là chuyện của anh à?" Bowles chế nhạo, nhưng suýt mất thăng bằng khi Clifford quay lại và nhìn chằm chằm anh.

"Yes," he said slowly, "it's my business."

"Vâng," anh ta nói chậm rãi, "đó là chuyện của tôi."

No one spoke for some time.

Không ai nói một thời gian.

Then Clifford sang out, "I say, Hastings!"

Sau đó Clifford hét lên, "Tôi nói, Hastings!"

And when Hastings left his easel and came around, he nodded toward the astonished Laffat.

Và khi Hastings rời khỏi bức tranh của mình và đến gần, anh gật đầu về phía Laffat ngạc nhiên.

"This man has been disagreeable to you, and I want to tell you that any time you feel inclined to kick him, why, I will hold the other creature."

"Người đàn ông này đã gây khó chịu cho anh, và tôi muốn nói với anh rằng bất cứ lúc nào anh muốn đá anh ta, thì tôi sẽ giữ chặt người kia."

Hastings, embarrassed, said, "Why no, I don't agree with his ideas, nothing more."

Hastings, ngượng ngùng, nói, "Vâng, tôi không đồng ý với ý kiến của anh ấy, không hơn nữa."

Clifford said "Naturally," and slipping his arm through Hastings', strolled about with him, and introduced him to several of his own friends, at which all the nouveaux opened their eyes with envy, and the studio were given to understand that Hastings, although prepared to do menial work as the latest nouveau, was already within the charmed circle of the old, respected and feared, the truly great.

Clifford nói "Tự nhiên," và đưa cánh tay qua vai Hastings, dạo quanh với anh ta, và giới thiệu anh ta với một số người bạn của mình, khiến tất cả những người mới mở mắt đắm đuối, và studio được hiểu rằng Hastings, mặc dù sẵn sàng làm công việc nhỏ nhặt như một người mới nhất, đã nằm trong vòng tròn ma thuật của những người già, được tôn trọng và sợ hãi, những người thật sự vĩ đại.

The rest finished, the model resumed his place, and work went on in a chorus of songs and yells and every ear-splitting noise which the art student utters when studying the beautiful.

Các bức tranh khác hoàn thành, người mẫu tiếp tục vị trí của mình, và công việc tiếp tục trong một dàn hợp xướng của bài hát và tiếng la hét và mọi tiếng ồn ào mà sinh viên nghệ thuật phát ra khi nghiên cứu vẻ đẹp.

Five o'clock struck,—the model yawned, stretched and climbed into his trousers, and the noisy contents of six studios crowded through the hall and down into the street. Ten minutes later, Hastings found himself on top of a Montrouge tram, and shortly afterward was joined by Clifford.

Năm giờ, người mẫu ngáp, duỗi cơ thể và mặc quần, và những người ồn ào từ sáu studio đổ qua hành lang và ra đường. Mười phút sau, Hastings thấy mình đang ở trên một chiếc xe điện Montrouge, và không lâu sau đó, Clifford đã tham gia cùng anh.

They climbed down at the rue Gay Lussac.

Họ xuống ở đường Gay Lussac.

"I always stop here," observed Clifford, "I like the walk through the Luxembourg."

"Tôi luôn dừng lại ở đây," Clifford nhận xét, "Tôi thích đi bộ qua Luxembourg." "By the way," said Hastings, "how can I call on you when I don't know where you live?"

"Nhân tiện," Hastings nói, "làm sao tôi có thể ghé thăm anh khi tôi không biết anh sống ở đâu?"

"Why, I live opposite you."

"Tại sao, tôi sống đối diện với anh."

"What—the studio in the garden where the almond trees are and the blackbirds—"

"Cái gì—căn phòng làm việc trong khu vườn nơi có cây hạnh nhân và con sáo—"

"Exactly," said Clifford. "I'm with my friend Elliott."

"Chính xác," Clifford nói. "Tôi ở cùng bạn tôi Elliott."

Hastings thought of the description of the two American artists which he had heard from Miss Susie Byng, and looked blank.

Hastings nghĩ về mô tả của hai nghệ sĩ Mỹ mà anh đã nghe từ bà Susie Byng, và nhìn trống rỗng.

Clifford continued, "Perhaps you had better let me know when you think of coming so,—so that I will be sure to—to be there," he ended rather lamely.

Clifford tiếp tục, "Có lẽ anh nên báo cho tôi biết khi anh nghĩ đến việc đến như vậy,—để tôi chắc chắn sẽ—sẽ ở đó," anh kết thúc một cách lủng củng.

"I shouldn't care to meet any of your model friends there," said Hastings, smiling. "You know—my ideas are rather straitlaced, —I suppose you would say, Puritanical. I shouldn't enjoy it and wouldn't know how to behave."

"Tôi không muốn gặp bất kỳ bạn mẫu nào của anh ở đó," Hastings nói, mim cười. "Anh biết đấy—ý kiến của tôi khá chật chội,—tôi đoán anh sẽ nói, như người Puritan. Tôi sẽ không thích nó và không biết cách cư xử."

"Oh, I understand," said Clifford, but added with great cordiality,—"I'm sure we'll be friends although you may not approve of me and my set, but you will like Severn and Selby because—because, well, they are like yourself, old chap."

"Ô, tôi hiểu," Clifford nói, nhưng thêm vào với sự nồng nhiệt lớn, —"Tôi chắc chắn chúng ta sẽ là bạn mặc dù anh có thể không tán thành với tôi và nhóm của tôi, nhưng anh sẽ thích Severn và Selby vì—vì, họ giống như anh, anh già."

After a moment he continued, "There is something I want to speak about. You see, when I introduced you, last week, in the Luxembourg, to Valentine—"

Sau một lúc, anh tiếp tục, "Có một điều tôi muốn nói. Anh thấy không, khi tôi giới thiệu anh, tuần trước, ở Luxembourg, với Valentine—"

"Not a word!" cried Hastings, smiling; "you must not tell me a word of her!"

"Không nói một lời nào!" Hastings hét lên, mỉm cười; "anh không được nói một lời nào về cô ấy với tôi!"

"Why—"

Elliott rubbed his charcoal on his file to get a point and turned to his sketch saying, "He will never hear any pessimism from Richard Osborne E."

Elliott lau than chì lên tập tin của mình để có một điểm và quay sang bức tranh của mình nói, "Anh ta sẽ không bao giờ nghe

thấy bất kỳ sự bi quan nào từ Richard Osborne E."

"He's a lesson to me," said Clifford. Then he unfolded a small perfumed note, written on rose-coloured paper, which had been lying on the table before him.

"Anh ta là một bài học đối với tôi," Clifford nói. Sau đó anh ta mở ra một tờ ghi chú nhỏ thơm, viết trên giấy màu hồng, đã nằm trên bàn trước mặt anh.

He read it, smiled, whistled a bar or two from "Miss Helyett," and sat down to answer it on his best cream-laid note-paper. When it was written and sealed, he picked up his stick and marched up and down the studio two or three times, whistling.

Anh đọc nó, mim cười, hò một hoặc hai câu từ "Miss Helyett," và ngồi xuống để trả lời trên tờ giấy thư tốt nhất của mình. Khi nó được viết và niêm phong, anh lấy gậy và đi dạo lên và xuống phòng tranh hai hoặc ba lần, hò.

"Going out?" inquired the other, without turning. "Yes," he said, but lingered a moment over Elliott's shoulder, watching him pick out the lights in his sketch with a bit of bread.

"Đi ra ngoài?" người kia hỏi mà không quay lại. "Có," anh nói, nhưng đứng lại một lát bên vai của Elliott, nhìn anh ta chọn ra những điểm sáng trong bức tranh với một miếng bánh.

"To-morrow is Sunday," he observed after a moment's silence. "Well?" inquired Elliott.

"Ngày mai là Chủ Nhật," anh nhận xét sau một khoảnh khắc im lặng. "Vâng?" Elliott hỏi.

"Have you seen Colette?" "No, I will to-night. She and Rowden and Jacqueline are coming to Boulant's. I suppose you and Cécile will be there?"

"Anh đã gặp Colette chưa?" "Không, tôi sẽ gặp cô ấy tối nay. Cô ấy, Rowden và Jacqueline sẽ đến nhà Boulant. Tôi đoán anh và Cécile sẽ ở đó phải không?"

"Well, no," replied Clifford. "Cécile dines at home to-night, and I —I had an idea of going to Mignon's."

"Ô, không," Clifford trả lời. "Cécile ăn tối ở nhà tối nay, và tôi—tôi có ý định đi đến nhà Mignon."

Elliott looked at him with disapproval. "You can make all the arrangements for La Roche without me," he continued, avoiding Elliott's eyes.

Elliott nhìn anh ta với sự không hài lòng. "Anh có thể tổ chức tất cả các thứ cho La Roche mà không cần tôi," anh tiếp tục, tránh ánh mắt của Elliott.

"What are you up to now?" "Nothing," protested Clifford.

"Anh định làm gì bây giờ?" "Không có gì," Clifford phản đối.

"Don't tell me," replied his chum, with scorn; "fellows don't rush off to Mignon's when the set dine at Boulant's. Who is it now?—but no, I won't ask that,—what's the use!" Then he lifted up his voice in complaint and beat upon the table with his pipe. "What's the use of ever trying to keep track of you? What will Cécile say,—oh, yes, what will she say? It's a pity you can't be constant two months, yes, by Jove! and the Quarter is indulgent, but you abuse its good nature and mine too!"

"Đừng nói với tôi," đồng bọn của anh ta trả lời với sự khinh bỉ; "bạn không nhanh chóng chạy đến Mignon khi nhóm ăn tối ở nhà Boulant. Giờ là ai?—nhưng không, tôi sẽ không hỏi điều đó, —có ý nghĩa gì!" Sau đó anh ta nổi giận và đập vào bàn bằng ống hút của mình. "Việc gì có ý nghĩa khi cố gắng theo dõi bạn? Cécile sẽ nói gì,—ôi, vâng, cô ấy sẽ nói gì? Thật tiếc là bạn không

thể kiên định hai tháng, đúng vậy, bởi Jove! và Quận này rất khoan hồng, nhưng bạn lạm dụng tính hiếu khách của nó và của tôi nữa!"

Presently he arose, and jamming his hat on his head, marched to the door. "Heaven alone knows why any one puts up with your antics, but they all do and so do I. If I were Cécile or any of the other pretty fools after whom you have toddled and will, in all human probabilities, continue to toddle, I say, if I were Cécile I'd spank you! Now I'm going to Boulant's, and as usual I shall make excuses for you and arrange the affair, and I don't care a continental where you are going, but, by the skull of the studio skeleton! if you don't turn up to-morrow with your sketching-kit under one arm and Cécile under the other,—if you don't turn up in good shape, I'm done with you, and the rest can think what they please. Good-night."

Anh ấy đứng dậy, và chật vật đưa nón lên đầu, đi về phía cửa.

Clifford said good-night with as pleasant a smile as he could muster, and then sat down with his eyes on the door. He took out his watch and gave Elliott ten minutes to vanish, then rang the concierge's call, murmuring, "Oh dear, oh dear, why the devil do I do it?"

Clifford nói "Chúc ngủ ngon" với nụ cười thân thiện nhất mà anh có thể, rồi ngồi xuống với ánh mắt nhìn cửa. Anh lấy ra đồng hồ và đếm ngược mười phút để Elliott biến đi, sau đó nhấn chuông của người quản gia, rên rỉ, "Ôi chúa ơi, tại sao tôi lại làm thế!"

"Alfred," he said, as that gimlet-eyed person answered the call, "make yourself clean and proper, Alfred, and replace your sabots with a pair of shoes. Then put on your best hat and take this letter to the big white house in the Rue de Dragon. There is no answer, mon petit Alfred."

"Alfred," anh nói, khi người có ánh mắt sắc bén đóng vai trả lời cuộc gọi, "làm cho mình sạch sẽ và đẹp đẽ, Alfred, và thay đôi giày cổ bằng một đôi giày. Sau đó đội nón đẹp nhất của mình và

mang lá thư này tới căn nhà trắng lớn trên đường Rue de Dragon. Không cần trả lời, bé Alfred ơi."

The rolling of the drum came nearer and nearer, and then the silhouette of the drummer cut the sky above the eastern terrace. The fading light lingered a moment on his belt and bayonet, then he passed into the shadows, drumming the echoes awake. The roll became fainter along the eastern terrace, then grew and grew and rattled with increasing sharpness when he passed the avenue by the bronze lion and turned down the western terrace walk. Louder and louder the drum sounded. and the echoes struck back the notes from the grey palace wall; and now the drummer loomed up before them—his red trousers a dull spot in the gathering gloom, the brass of his drum and bayonet touched with a pale spark, his epaulettes tossing on his shoulders. He passed leaving the crash of the drum in their ears, and far into the alley of trees they saw his little tin cup shining on his haversack. Then the sentinels began the monotonous cry: "On ferme! on ferme!" and the bugle blew from the barracks in the rue de Tournon.

Âm nhạc của trống ngày càng gần lại, và sau đó bóng đen của người chơi trống cắt ngang bầu trời phía trên ban công phía đông. Ánh sáng phai dần lưu lại một lúc trên dây nịt và đuôi trống của anh ta, sau đó anh ta đi vào bóng tối, đánh thức tiếng vang của những âm thanh. Âm thanh trống trở nên nhạt dần dọc theo ban công phía đông, sau đó càng lớn lên và lớn lên và vang lên với độ sắc nét tăng lên khi anh ta qua con hẻm bên cạnh tượng sư tử đồng và rẽ vào con đường đi dọc theo ban công phía tây. Âm thanh của trống càng lớn và lớn, và tiếng vọng phản lại những nốt nhạc từ bức tường cung điện màu xám; và bây giờ người chơi trống hiện ra trước mặt họ - quần đỏ của anh ta là một điểm mờ trong bóng tối dày đặc, đồ đồng và đuôi trống của anh ta chạm vào một tia sáng nhạt, cặp bờ vai của anh ta nhấp nhô. Anh ta đi qua, để lại âm thanh vang vọng của trống trong tai họ, và xa xa trong hành lang cây, họ thấy cốc thiếc nhỏ

của anh sáng bóng trên túi haversack của anh ta. Sau đó, những người canh bắt đầu hô hào một cách đơn điệu: "On ferme! on ferme!" và còi kèn thổi từ căn tin ở đường Tournon.

"On ferme! on ferme!" "Good-night," she whispered, "I must return alone to-night." He watched her until she reached the northern terrace, and then sat down on the marble seat until a hand on his shoulder and a glimmer of bayonets warned him away.

"On ferme! on ferme!" "Chúc ngủ ngon," cô thì thầm, "Tối nay tôi phải trở về một mình." Anh nhìn cô cho đến khi cô đến ban công phía bắc, rồi ngồi xuống trên ghế đá cho đến khi một bàn tay trên vai và ánh sáng lóe lên từ đầu gươm cảnh báo anh phải rời đi.

She passed on through the grove, and turning into the rue de Medici, traversed it to the Boulevard. At the corner she bought a bunch of violets and walked on along the Boulevard to the rue des Écoles. A cab was drawn up before Boulant's, and a pretty girl aided by Elliott jumped out. "Valentine!" cried the girl, "come with us!" "I can't," she said, stopping a moment—"I have a rendezvous at Mignon's." "Not Victor?" cried the girl, laughing, but she passed with a little shiver, nodding good-night, then turning into the Boulevard St. Germain, she walked a tittle faster to escape a gay party sitting before the Café Cluny who called to her to join them. At the door of the Restaurant Mignon stood a coal-black negro in buttons. He took off his peaked cap as she mounted the carpeted stairs. "Send Eugene to me," she said at the office, and passing through the hallway to the right of the dining-room stopped before a row of panelled doors. A waiter passed and she repeated her demand for Eugene, who appeared, noiselessly skipping, and murmuring, "Madame." "Who is here?" "No one in the cabinets, madame; in the half Madame Madelon and Monsieur Gay, Monsieur de Clamart, Monsieur Clisson, Madame Marie and

their set." Then he looked around and bowing again murmured, "Monsieur awaits madame since half an hour," and he knocked at one of the panelled doors bearing the number six. Clifford opened the door and the girl entered.

Cô đi qua khu rừng, rẽ vào đường de Medici, đi dọc nó đến Boulevard. Ở góc đường, cô mua một bó hoa violet và đi dọc theo Boulevard đến đường des Écoles. Một xe hơi đã dùng trước cửa cửa hàng Boulant's, và một cô gái xinh đẹp được Elliott giúp đỡ nhảy ra. "Valentine!" cô gái hô lên, "đi với chúng tôi đi!" "Tôi không thể," cô nói, dùng một lát - "Tôi có một cuộc hẹn tại Mignon's." "Không phải Victor chứ?" cô gái hét lên, cười, nhưng cô đi qua với một cảm giác lạnh, gật đầu chào tạm biệt, sau đó rẽ vào Boulevard St. Germain, cô đi nhanh hơn một chút để trốn thoát khỏi một bữa tiệc vui vẻ ngồi trước Café Cluny mà họ gọi cô tham gia cùng họ. Ở cửa nhà hàng Mignon đứng một người da đen than cùng đeo nút áo. Anh ấy cất mũ sang mũ nón khi cô bước lên cầu thang trải thảm. "Đưa Eugene đến gặp tôi," cô nói tại văn phòng, và đi qua hành lang bên phải của phòng ăn dừng trước một dãy cửa gỗ. Một người phục vụ đi qua và cô lặp lại yêu cầu của mình cho Eugene, người sau đó xuất hiện, nhảy nhe nhàng và cúi chào lặp đi lặp lại, "Madame." "Ở đây có ai không?" "Không ai trong các phòng, madame; ở nửa kia là Madame Madelon và Monsieur Gay, Monsieur de Clamart, Monsieur Clisson, Madame Marie và đoàn của ho." Sau đó anh nhìn xung quanh và cúi chào lặp lại, "Monsieur đợi madame từ nửa giờ trước đó," và anh gõ vào một trong những cánh cửa gỗ có số sáu. Clifford mở cửa và cô gái bước vào.

The garçon bowed her in, and whispering, "Will Monsieur have the goodness to ring?" vanished. He helped her off with her jacket and took her hat and umbrella. When she was seated at the little table with Clifford opposite she smiled and leaned forward on both elbows looking him in the face. Người phục vụ cúi chào cô gái, và thì thầm, "Monsieur có muốn làm ơn bấm chuông không ạ?" rồi biến mất. Anh giúp cô cởi áo khoác và lấy mũ và ô của cô. Khi cô ngồi tại bàn nhỏ với Clifford đối diện, cô mỉm cười và dựa về phía trước bằng cả hai khuỷ tay nhìn anh ta vào mắt.

"What are you doing here?" she demanded. "Waiting," he replied, in accents of adoration. For an instant she turned and examined herself in the glass. The wide blue eyes, the curling hair, the straight nose and short curled lip flashed in the mirror an instant only, and then its depths reflected her pretty neck and back. "Thus do I turn my back on vanity," she said, and then leaning forward again, "What are you doing here?"

"Bạn đang làm gì ở đây?" cô đòi hỏi. "Đợi," anh trả lời, với giọng mực kích. Trong một khoảnh khắc, cô quay lại và tự kiểm tra mình trong gương. Đôi mắt xanh to, mái tóc xoăn, cái mũi thẳng và đôi môi cong ngắn lóe sáng trong gương chỉ một thoáng, rồi đáy gương phản chiếu cổ và lưng xinh đẹp của cô. "Như vậy tôi từ chối sự kiêu ngạo," cô nói, và sau đó dựa về phía trước một lần nữa, "Bạn đang làm gì ở đây?"

The month passed quickly for Hastings, and left few definite impressions after it. It did leave some, however. One was a painful impression of meeting Mr. Bladen on the Boulevard des Capucines in company with a very pronounced young person whose laugh dismayed him, and when at last he escaped from the café where Mr. Bladen had hauled him to join them in a bock he felt as if the whole boulevard was looking at him, and judging him by his company. Later, an instinctive conviction regarding the young person with Mr. Bladen sent the hot blood into his cheek, and he returned to the pension in such a miserable state of mind that Miss Byng was alarmed and advised him to conquer his homesickness at once.

Tháng trôi nhanh đối với Hastings và không để lại nhiều ấn tượng rõ ràng sau đó. Tuy nhiên, nó cũng để lại một số ấn tượng. Một trong số đó là ấn tượng đau lòng khi gặp ông Bladen trên Boulevard des Capucines cùng với một người trẻ rất rõ ràng mà tiếng cười của họ khiến anh đau lòng, và khi cuối cùng anh trốn thoát khỏi quán café nơi ông Bladen kéo anh tham gia cùng họ trong một ly bia, anh cảm thấy như toàn bộ con phố đang nhìn anh và đánh giá anh qua người kia. Sau đó, một niềm tin bản năng về người trẻ tuổi với ông Bladen khiến máu nóng trào vào má, và anh trở về kí túc xá trong tâm trạng thất vọng đến mức Miss Byng lo lắng và khuyên anh nên khắc phục nỗi nhớ nhà ngay lập tức.

Another impression was equally vivid. One Saturday morning, feeling lonely, his wanderings about the city brought him to the Gare St. Lazare. It was early for breakfast, but he entered the Hôtel Terminus and took a table near the window. As he wheeled about to give his order, a man passing rapidly along the aisle collided with his head, and looking up to receive the expected apology, he was met instead by a slap on the shoulder and a hearty, "What the deuce are you doing here, old chap?" It was Rowden, who seized him and told him to come along. So, mildly protesting, he was ushered into a private dining-room where Clifford, rather red, jumped up from the table and welcomed him with a startled air which was softened by the unaffected glee of Rowden and the extreme courtesy of Elliott. The latter presented him to three bewitching girls who welcomed him so charmingly and seconded Rowden in his demand that Hastings should make one of the party, that he consented at once.

Ấn tượng khác cũng rất sống động. Một buổi sáng thứ Bảy, cảm thấy cô đơn, những cuộc lang thang trong thành phố dẫn anh đến Gare St. Lazare. Vẫn còn sớm để ăn sáng, nhưng anh bước vào Hôtel Terminus và chọn một bàn gần cửa sổ. Khi anh quay lại để đặt order, một người đang đi qua nhanh dọc theo lối đi va

đầu vào anh, và khi anh nhìn lên để nhận lời xin lỗi dự kiến, anh được đón nhận bằng một cái vỗ vai và một câu hỏi nồng nhiệt, "Mày đang làm gì ở đây, cậu già?" Đó là Rowden, người vụt tay kéo anh và bảo anh đi cùng. Vì vậy, mặt nhẹ nhàng phản đối, anh được dẫn vào một phòng ăn riêng nơi Clifford, hơi đỏ mặt, nhảy lên từ bàn và chào đón anh với một vẻ hoảng sợ được làm dịu bởi sự vui vẻ tự nhiên của Rowden và sự lịch sự cực kỳ của Elliott. Người sau giới thiệu anh cho ba cô gái quyến rũ chào đón anh một cách dễ thương và ủng hộ Rowden trong yêu cầu rằng Hastings nên tham gia vào bữa tiệc, anh đã đồng ý ngay.

They were all very happy at luncheon, and Hastings was voted "charming." He enjoyed it immensely,—only it seemed to him at moments that flirtation went further in France than in Millbrook, Connecticut, and he thought that Cécile might be a little less enthusiastic about Clifford, that perhaps it would be quite as well if Jacqueline sat further away from Rowden, and that possibly Colette could have, for a moment at least, taken her eyes from Elliott's face. Still he enjoyed it—except when his thoughts drifted to Valentine, and then he felt that he was very far away from her. La Roche is at least an hour and a half from Paris. It is also true that he felt a happiness, a quick heart-beat when, at eight o'clock that night the train which bore them from La Roche rolled into the Gare St. Lazare and he was once more in the city of Valentine.

"Good-night," they said, pressing around him. "You must come with us next time!" He promised, and watched them, two by two, drift into the darkening city, and stood so long that, when again he raised his eyes, the vast Boulevard was twinkling with gas-jets through which the electric lights stared like moons.

It was with another quick heart-beat that he awoke next morning, for his first thought was of Valentine. The sun already gilded the towers of Notre Dame, the clatter of workmen's sabots awoke sharp echoes in the street below, and across the way a blackbird in a pink almond tree was going into an ecstasy of trills. He determined to awake Clifford for a brisk walk in the country, hoping later to beguile that gentleman into the American church for his soul's sake. He found Alfred the gimleteyed washing the asphalt walk which led to the studio.

"Monsieur Elliott?" he replied to the perfunctory inquiry, "je ne sais pas." "And Monsieur Clifford," began Hastings, somewhat astonished. "Monsieur Clifford," said the concierge with fine irony, "will be pleased to see you, as he retired early; in fact he has just come in." Hastings hesitated while the concierge pronounced a fine eulogy on people who never stayed out all night and then came battering at the lodge gate during hours which even a gendarme held sacred to sleep. He also discoursed eloquently upon the beauties of temperance, and took an ostentatious draught from the fountain in the court.

"I do not think I will come in," said Hastings. "Pardon, monsieur," growled the concierge, "perhaps it would be well to see Monsieur Clifford. He possibly needs aid. Me he drives forth with hair-brushes and boots. It is a mercy if he has not set fire to something with his candle." Hastings hesitated for an instant, but swallowing his dislike of such a mission, walked slowly through the ivy-covered alley and across the inner garden to the studio. He knocked. Perfect silence. Then he knocked again, and this time something struck the door from within with a crash. "That," said the concierge, "was a boot." He fitted his duplicate key into the lock and ushered Hastings in. Clifford, in disordered evening dress, sat on the rug in the middle of the room. He held in his hand a shoe, and did not appear astonished to see Hastings.

"Good-morning, do you use Pears' soap?" he inquired with a vague wave of his hand and a vaguer smile. Hastings' heart sank. "For Heaven's sake," he said, "Clifford, go to bed." "Not while that—that Alfred pokes his shaggy head in here an' I have

a shoe left." Hastings blew out the candle, picked up Clifford's hat and cane, and said, with an emotion he could not conceal, "This is terrible, Clifford,—I—never knew you did this sort of thing." "Well, I do," said Clifford.

"Where is Elliott?" "Ole chap," returned Clifford, becoming maudlin, "Providence which feeds—feeds—er—sparrows an' that sort of thing watcheth over the intemperate wanderer—" "Where is Elliott?" But Clifford only wagged his head and waved his arm about. "He's out there,—somewhere about." Then suddenly feeling a desire to see his missing chum, lifted up his voice and howled for him. Hastings, thoroughly shocked, sat down on the lounge without a word. Presently, after shedding several scalding tears, Clifford brightened up and rose with great precaution.

"Ole chap," he observed, "do you want to see er—er miracle? Well, here goes. I'm goin' to begin." He paused, beaming at vacancy. "Er miracle," he repeated. Hastings supposed he was alluding to the miracle of his keeping his balance, and said nothing. "I'm goin' to bed," he announced, "poor ole Clifford's goin' to bed, an' that's er miracle!" And he did with a nice calculation of distance and equilibrium which would have rung enthusiastic yells of applause from Elliott had he been there to assist en connaisseur. But he was not. He had not yet reached the studio. He was on his way, however, and smiled with magnificent condescension on Hastings, who, half an hour later, found him reclining upon a bench in the Luxembourg. He permitted himself to be aroused, dusted and escorted to the gate. Here, however, he refused all further assistance, and bestowing a patronizing bow upon Hastings, steered a tolerably true course for the rue Vavin. Hastings watched him out of sight, and then slowly retraced his steps toward the fountain. At first he felt gloomy and depressed, but gradually the clear air of the morning lifted the pressure from his heart, and he sat down on the marble seat under the shadow of the winged god.

The air was fresh and sweet with perfume from the orange flowers. Everywhere pigeons were bathing, dashing the water over their iris-hued breasts, flashing in and out of the spray or nestling almost to the neck along the polished basin. The sparrows, too, were abroad in force, soaking their dust-coloured feathers in the limpid pool and chirping with might and main. Under the sycamores which surrounded the duck-pond opposite the fountain of Marie de Medici, the water-fowl cropped the herbage, or waddled in rows down the bank to embark on some solemn aimless cruise. Butterflies, somewhat lame from a chilly night's repose under the lilac leaves, crawled over and over the white phlox, or took a rheumatic flight toward some sun-warmed shrub. The bees were already busy among the heliotrope, and one or two grey flies with brickcoloured eyes sat in a spot of sunlight beside the marble seat, or chased each other about, only to return again to the spot of sunshine and rub their fore-legs, exulting.

The sentries paced briskly before the painted boxes, pausing at times to look toward the guard-house for their relief. They came at last, with a shuffle of feet and click of bayonets, the word was passed, the relief fell out, and away they went, crunch, crunch, across the gravel. A mellow chime floated from the clock-tower of the palace, the deep bell of St. Sulpice echoed the stroke. Hastings sat dreaming in the shadow of the god, and while he mused somebody came and sat down beside him. At first he did not raise his head. It was only when she spoke that he sprang up.

"You! At this hour?" "I was restless, I could not sleep." Then in a low, happy voice—"And you! at this hour?" "I—I slept, but the sun awoke me." "I could not sleep," she said, and her eyes seemed, for a moment, touched with an indefinable shadow. Then, smiling, "I am so glad—I seemed to know you were coming. Don't laugh, I believe in dreams." "Did you really dream of,—of my being here?" "I think I was awake when I dreamed it,"

she admitted. Then for a time they were mute, acknowledging by silence the happiness of being together. And after all their silence was eloquent, for faint smiles, and glances born of their thoughts, crossed and recrossed, until lips moved and words were formed, which seemed almost superfluous. What they said was not very profound. Perhaps the most valuable jewel that fell from Hastings' lips bore direct reference to breakfast.

"Valentine," he said impulsively, "I wish,—I do wish that you would,—just for this once,—give me the whole day,—just for this once." "Oh dear," she smiled, "not only material, but selfish!" "Not selfish, hungry," he said, looking at her. "A cannibal too; oh dear!" "Will you, Valentine?" "But my chocolate—" "Take it with me." "But déjeuner—" "Together, at St. Cloud." "But I can't—" "Together,—all day,—all day long; will you, Valentine?" She was silent. "Only for this once." Again that indefinable shadow fell across her eyes, and when it was gone she sighed. "Yes,—together, only for this once." "All day?" he said, doubting his happiness. "All day," she smiled; "and oh, I am so hungry!" He laughed, enchanted. "What a material young lady it is."

"Valentine," anh nói một cách hấp tấp, "Anh muốn,—anh thật sự muốn em sẽ,—chỉ lần này thôi,—dành cả ngày cho anh,—chỉ lần này thôi." "Oh thưa," cô cười, "Không chỉ là vật chất, mà còn ích kỷ!" "Không phải ích kỷ, mà là đói," anh nhìn cô. "Một kẻ ăn thịt người nữa; ôi thưa!" "Valentine sẽ không sao chứ?" "Nhưng chocolate của em—" "Mang theo với anh đi." "Nhưng bữa sáng—" "Cùng nhau, ở St. Cloud." "Nhưng em không thể—" "Cùng nhau,—cả ngày,—cả ngày dài; Valentine sẽ không sao chứ?" Cô im lặng. "Chỉ lần này thôi." Lại một cái bóng không thể xác định qua mắt cô, và khi nó biến mất cô thở dài. "Được,—cùng nhau, chỉ lần này thôi." "Cả ngày?" anh nói, nghi ngờ về hạnh phúc của mình. "Cả ngày," cô cười; "và ôi, em đói quá!" Anh cười, mê mẩn. "Thật là một cô gái vật chất."

On the Boulevard St. Michel there is a Crémerie painted white and blue outside, and neat and clean as a whistle inside. The auburn-haired young woman who speaks French like a native, and rejoices in the name of Murphy, smiled at them as they entered, and tossing a fresh napkin over the zinc tête-à-tête table, whisked before them two cups of chocolate and a basket full of crisp, fresh croissons. The primrose-coloured pats of butter, each stamped with a shamrock in relief, seemed saturated with the fragrance of Normandy pastures. "How delicious!" they said in the same breath, and then laughed at the coincidence. "With but a single thought," he began. "How absurd!" she cried with cheeks all rosy. "I'm thinking I'd like a croisson." "So am I," he replied triumphant, "that proves it." Then they had a quarrel; she accusing him of behaviour unworthy of a child in arms, and he denying it, and bringing counter charges, until Mademoiselle Murphy laughed in sympathy, and the last croisson was eaten under a flag of truce. Then they rose, and she took his arm with a bright nod to Mile. Murphy, who cried them a merry: "Bonjour, madame! bonjour, monsieur!" and watched them hail a passing cab and drive away. "Dieu! qu'il est beau," she sighed, adding after a moment, "Do they be married, I dunno,—ma foi ils ont bien l'air."

Trên Boulevard St. Michel có một cửa hàng Crémerie được sơn màu trắng và xanh bên ngoài, và gọn gàng sạch sẽ như một chiếc còi bên trong. Cô gái tóc nâu đỏ nói tiếng Pháp như người bản xứ, và vui mừng với cái tên Murphy, mỉm cười khi họ bước vào, và vung một chiếc khăn mới lên bàn tête-à-tête bằng kẽm, đặt trước mặt họ hai cốc sô cô la và một giỏ đầy bánh croissons giòn, tươi. Những miếng bơ màu màu hoa cúc, mỗi miếng đều được in dấu ba lá chuối lên, dường như ngấm đầy hương vị của đồng cỏ Normandy. "Thật ngon!" họ nói cùng một hơi, rồi cười về sự trùng hợp. "Chỉ cần một suy nghĩ," anh bắt đầu. "Thật vô lý!" cô gào lên với đôi má hồng. "Tôi đang nghĩ rằng tôi muốn một chiếc croisson." "Tôi cũng vậy," anh trả lời hân hoan, "điều đó chứng minh rồi." Rồi họ cãi nhau; cô kết tội anh với hành vi

không xứng đáng với một đứa trẻ mới sinh, và anh phủ nhận, đưa ra lời tố cáo ngược lại, cho đến khi Mademoiselle Murphy cười đồng tình, và chiếc croisson cuối cùng đã được ăn dưới một lá cờ ngừng bắn. Rồi họ đứng dậy, và cô nắm tay anh với một cái gật đầu sáng sủa với Mile. Murphy, người hò reo một câu vui vẻ: "Bonjour, madame! bonjour, monsieur!" và nhìn họ gọi một chiếc taxi đi qua và lái xe đi. "Dieu! qu'il est beau," cô thở dài, sau một lúc thêm, "Họ có kết hôn không, em không biết,—ma foi ils ont bien l'air."

The cab swung around the rue de Medici, turned into the rue de Vaugirard, followed it to where it crosses the rue de Rennes, and taking that noisy thoroughfare, drew up before the Gare Montparnasse. They were just in time for a train and scampered up the stairway and out to the cars as the last note from the starting-gong rang through the arched station. The guard slammed the door of their compartment, a whistle sounded, answered by a screech from the locomotive, and the long train glided from the station, faster, faster, and sped out into the morning sunshine. The summer wind blew in their faces from the open window, and sent the soft hair dancing on the girl's forehead. "We have the compartment to ourselves," said Hastings. She leaned against the cushioned window-seat, her eyes bright and wide open, her lips parted. The wind lifted her hat, and fluttered the ribbons under her chin. With a quick movement she untied them, and, drawing a long hat-pin from her hat, laid it down on the seat beside her. The train was flying. The colour surged in her cheeks, and, with each quick-drawn breath, her breath rose and fell under the cluster of lilies at her throat. Trees, houses, ponds, danced past, cut by a mist of telegraph poles. "Faster! faster!" she cried. His eyes never left her, but hers, wide open, and blue as the summer sky, seemed fixed on something far ahead,—something which came no nearer, but fled before them as they fled. Was it the horizon, cut now by the grim fortress on the hill, now by the cross of a country chapel? Was it the summer moon, ghost-like, slipping

through the vaguer blue above? "Faster! faster!" she cried. Her parted lips burned scarlet. The car shook and shivered, and the fields streamed by like an emerald torrent. He caught the excitement, and his faced glowed. "Oh," she cried, and with an unconscious movement caught his hand, drawing him to the window beside her. "Look! lean out with me!" He only saw her lips move; her voice was drowned in the roar of a trestle, but his hand closed in hers and he clung to the sill. The wind whistled in their ears. "Not so far out, Valentine, take care!" he gasped. Below, through the ties of the trestle, a broad river flashed into view and out again, as the train thundered along a tunnel, and away once more through the freshest of green fields. The wind roared about them. The girl was leaning far out from the window, and he caught her by the waist, crying, "Not too far!" but she only murmured, "Faster! faster! away out of the city, out of the land, faster, faster! away out of the world!" "What are you saying all to yourself?" he said, but his voice was broken, and the wind whirled it back into his throat. She heard him, and, turning from the window looked down at his arm about her. Then she raised her eyes to his. The car shook and the windows rattled. They were dashing through a forest now, and the sun swept the dewy branches with running flashes of fire. He looked into her troubled eyes; he drew her to him and kissed the half-parted lips, and she cried out, a bitter, hopeless cry, "Not that—not that!" But he held her close and strong, whispering words of honest love and passion, and when she sobbed—"Not that—not that—I have promised! You must—you must know—I am—not—worthy—" In the purity of his own heart her words were, to him, meaningless then, meaningless for ever after. Presently her voice ceased, and her head rested on his breast. He leaned against the window, his ears swept by the furious wind, his heart in a joyous tumult. The forest was passed, and the sun slipped from behind the trees, flooding the earth again with brightness. She raised her eyes and looked out into the world from the window. Then she began to speak, but her voice was faint, and he bent his head close to hers and listened. "I cannot

turn from you; I am too weak. You were long ago my master master of my heart and soul. I have broken my word to one who trusted me, but I have told you all;—what matters the rest?" He smiled at her innocence and she worshipped his. She spoke again: "Take me or cast me away;—what matters it? Now with a word you can kill me, and it might be easier to die than to look upon happiness as great as mine." He took her in his arms, "Hush, what are you saying? Look,—look out at the sunlight, the meadows and the streams. We shall be very happy in so bright a world." She turned to the sunlight. From the window, the world below seemed very fair to her. Trembling with happiness, she sighed: "Is this the world? Then I have never known it." "Nor have I, God forgive me," he murmured. Perhaps it was our gentle Lady of the Fields who forgave them both. RUE BARRÉE I One morning at Julian's, a student said to Selby, "That is Foxhall Clifford," pointing with his brushes at a young man who sat before an easel, doing nothing. Selby, shy and nervous, walked over and began: "My name is Selby,—I have just arrived in Paris, and bring a letter of introduction—" His voice was lost in the crash of a falling easel, the owner of which promptly assaulted his neighbour, and for a time the noise of battle rolled through the studios of MM. Boulanger and Lefebvre, presently subsiding into a scuffle on the stairs outside. Selby, apprehensive as to his own reception in the studio, looked at Clifford, who sat serenely watching the fight. "It's a little noisy here," said Clifford, "but you will like the fellows when you know them." His unaffected manner delighted Selby. Then with a simplicity that won his heart, he presented him to half a dozen students of as many nationalities. Some were cordial, all were polite. Even the majestic creature who held the position of Massier, unbent enough to say: "My friend, when a man speaks French as well as you do, and is also a friend of Monsieur Clifford, he will have no trouble in this studio. You expect, of course, to fill the stove until the next new man comes?" "Of course."

Chiếc taxi quay quanh đường rue de Medici, rẽ vào đường rue de Vaugirard, theo đường đó đến nơi nó giao với đường rue de Rennes, và đi vào con đường ồn ào đó, dừng trước Gare Montparnasse. Họ vừa kịp lúc cho một chuyến tàu và chạy lên cầu thang và ra khỏi các toa xe khi tiếng chuông khởi hành cuối cùng vang lên qua ga hình vòm. Người bảo vệ đóng cửa khoang của họ, một tiếng còi vang lên, được đáp lại bằng tiếng kêu từ hơi máy, và toa tàu dài trượt ra khỏi ga, nhanh hơn, nhanh hơn, và lao ra ngoài ánh nắng buổi sáng. Cơn gió mùa hè thổi vào mặt họ từ cửa sổ mở, và gửi mái tóc mềm nhảy múa trên trán cô gái. "Chúng ta có toa riêng cho mình," Hastings nói. Cô dựa vào ghế cửa sổ đêm, đôi mắt sáng rưc và to nhưng mở, môi mở ra. Cơn gió thổi bay chiếc mũ của cô, và phấn khích những sợi ruy băng dưới cằm cô. Với một cử động nhanh chóng cô mở chúng ra, và, rút một cây kim mũ dài từ chiếc mũ của mình, để nó xuống trên ghế bên cạnh cô. Toa tàu đang lao vun vút. Màu đỏ chảy trong má cô, và, mỗi hơi thở nhanh chóng, hơi thở của cô dâng lên và rơi xuống dưới đám hoa loa kèn ở cổ cô. Cây cỏ, nhà cửa, hồ, nhảy qua, bi cắt bởi một màn sương của cột điện dây. "Nhanh lên! nhanh lên!" cô la lên. Anh không bao giờ rời mắt khỏi cô, nhưng mắt cô, to nhưng mở, và xanh như bầu trời mùa hè, dường như tập trung vào một cái gì đó xa xăm,—một cái gì đó không gần lai, nhưng chay trước ho khi ho chay. Đó có phải là chân trời, bị cắt bởi lâu đài u ám trên đồi, bây giờ bị cắt bởi cây thánh giá của một nhà thờ miền quê? Đó có phải là mặt trăng hè, như một bóng ma, trượt qua bầu trời xanh mơ hồ trên cao? "Nhanh lên! nhanh lên!" cô la lên. Môi mở ra đỏ cháy. Toa tàu rung lên và run rẩy, và cánh đồng chảy qua như một dòng nước ngọc lục bảo. Anh bắt được cảm xúc, và khuôn mặt anh sáng lên. "Oh," cô la lên, và với một cử động vô ý, cô nắm lấy tay anh, kéo anh đến c

"And you don't mind chaff?"

"Và anh không phiền chút nào sao?"

"No," replied Selby, who hated it.

"Không," trả lời Selby, người ghét nó.

Clifford, much amused, put on his hat, saying, "You must expect lots of it at first."

Clifford, vui mừng, đội mũ lên và nói, "Anh phải mong chờ nhiều như vậy ở đầu tiên."

Selby placed his own hat on his head and followed him to the door.

Selby đặt mũ của mình lên đầu và theo anh ta ra cửa.

As they passed the model stand there was a furious cry of "Chapeau! Chapeau!" and a student sprang from his easel menacing Selby, who reddened but looked at Clifford.

Khi họ đi qua bục mẫu, có một tiếng kêu dữ dội "Chapeau! Chapeau!" và một sinh viên nhảy ra từ cái chân dung đe dọa Selby, người đỏ mặt nhưng nhìn vào Clifford.

"Take off your hat for them," said the latter, laughing.

"Cởi mũ ra cho họ," anh ta nói, cười.

A little embarrassed, he turned and saluted the studio.

Một chút ngượng ngùng, anh quay lai và chào mừng phòng học.

"Et moi?" cried the model.

"Và tôi?" cô mẫu hét lên.

"You are charming," replied Selby, astonished at his own audacity, but the studio rose as one man, shouting: "He has

done well! he's all right!" while the model, laughing, kissed her hand to him and cried: "À demain beau jeune homme!"

"Anh rất quyến rũ," Selby trả lời, ngạc nhiên về sự mạnh mẽ của mình, nhưng cả phòng học đồng thanh hét lên: "Anh đã làm tốt! anh ổn!" trong khi cô mẫu, cười, hôn tay và hét lên: "À demain beau jeune homme!"

All that week Selby worked at the studio unmolested. The French students christened him "l'Enfant Prodigue," which was freely translated, "The Prodigious Infant," "The Kid," "Kid Selby," and "Kidby."

Cả tuần đó, Selby làm việc tại phòng học mà không bị quấy rối. Sinh viên Pháp đặt cho anh cái biệt danh "l'Enfant Prodigue," được dịch tự do là "Đứa Trẻ Kỳ Diệu," "Đứa Bé," "Kid Selby," và "Kidby."

But the disease soon ran its course from "Kidby" to "Kidney," and then naturally to "Tidbits," where it was arrested by Clifford's authority and ultimately relapsed to "Kid."

Nhưng căn bệnh sớm chuyển từ "Kidby" sang "Kidney," và sau đó tự nhiên sang "Tidbits," nơi nó bị ngăn chặn bởi quyền lực của Clifford và cuối cùng trở lai "Kid."

Twenty-four hours later Selby had completely forgotten Rue Barrée. During the week he worked with might and main at the studio, and Saturday night found him so tired that he went to bed before dinner and had a nightmare about a river of yellow ochre in which he was drowning. Sunday morning, apropos of nothing at all, he thought of Rue Barrée, and ten seconds afterwards he saw her. It was at the flower-market on the marble bridge. She was examining a pot of pansies. The gardener had evidently thrown heart and soul into the transaction, but Rue Barrée shook her head.

Mười hai giờ sau, Selby đã hoàn toàn quên Rue Barrée. Trong tuần, anh ta làm việc chăm chỉ tại phòng studio và vào tối thứ Bảy anh ta mệt đến nỗi đi ngủ trước khi ăn tối và gặp ác mộng về một con sông màu vàng óch mà anh ta đang chết đuối trong đó. Buổi sáng Chủ Nhật, không liên quan gì cả, anh ta nghĩ đến Rue Barrée, và mười giây sau anh thấy cô ấy. Đó là tại chợ hoa trên cây cầu đá. Cô ấy đang xem một chậu hoa pansies. Người làm vườn rõ ràng đã đổ hết tâm hồn vào giao dịch, nhưng Rue Barrée lắc đầu.

It is a question whether Selby would have stopped then and there to inspect a cabbage-rose had not Clifford unwound for him the yarn of the previous Tuesday. It is possible that his curiosity was piqued, for with the exception of a hen-turkey, a boy of nineteen is the most openly curious biped alive. From twenty until death he tries to conceal it. But, to be fair to Selby, it is also true that the market was attractive. Under a cloudless sky the flowers were packed and heaped along the marble bridge to the parapet. The air was soft, the sun spun a shadowy lacework among the palms and glowed in the hearts of a thousand roses.

Câu hỏi là liệu Selby có đã dừng lại để kiểm tra một bụi hồng cải nếu không có Clifford kể cho anh câu chuyện của thứ Ba trước đó. Có thể sự tò mò của anh ta đã bị kích thích, vì ngoại trừ một con gà mái, một chàng trai 19 tuổi là loài động vật hai chân tò mò nhất. Từ hai mươi đến khi chết, anh ta cố gắng che giấu nó. Nhưng, để công bằng với Selby, cũng đúng rằng chợ rất hấp dẫn. Dưới bầu trời không mây, hoa được xếp chồng dày và đặt dọc theo cây cầu đá đến bờ tường. Không khí mềm mại, ánh nắng tạo ra một mạng ren bóng tối giữa các cọ, và chiếu sáng trong trái tim của hàng nghìn bụi hoa hồng.

Spring had come,—was in full tide. The watering carts and sprinklers spread freshness over the Boulevard, the sparrows had become vulgarly obtrusive, and the credulous Seine angler

anxiously followed his gaudy quill floating among the soapsuds of the lavoirs. The white-spiked chestnuts clad in tender green vibrated with the hum of bees. Shoddy butterflies flaunted their winter rags among the heliotrope. There was a smell of fresh earth in the air, an echo of the woodland brook in the ripple of the Seine, and swallows soared and skimmed among the anchored river craft. Somewhere in a window a caged bird was singing its heart out to the sky.

Mùa xuân đã đến,—đang trong đà phát triển. Những chiếc xe tưới và bình phun lan tỏa sự tươi mới trên Boulevard, những con sẻ đã trở nên quấy rối và thái quá, và người câu cá Seine ngây thơ lo lắng theo dõi chiếc lông vũ màu sặc sỡ của mình trôi giữa bọt xà phòng của nhà tắm công cộng. Những cây hạt dẻ trắng đặc có màu xanh nhạt rung lên với tiếng vo ve của ong. Những chú bướm non dởm diện chiếc áo của mùa đông giữa hoa cỏ. Có mùi đất tươi mát trong không khí, tiếng rì rào của suối trong sóng sông Seine, và những chú chim én bay cao và lướt qua giữa những con thuyền neo đậu trên sông. Ở đâu đó trong một cửa sổ, một chú chim bị nhốt đang hát hết mình đến bầu trời.

Selby looked at the cabbage-rose and then at the sky. Something in the song of the caged bird may have moved him, or perhaps it was that dangerous sweetness in the air of May. At first he was hardly conscious that he had stopped, then he was scarcely conscious why he had stopped, then he thought he would move on, then he thought he wouldn't, then he looked at Rue Barrée.

Selby nhìn vào bụi hồng cải và sau đó nhìn lên bầu trời. Có thể có điều gì đó trong bài hát của chú chim bị nhốt đã làm anh ta cảm động, hoặc có lẽ đó là sự ngọt ngào đầy nguy hiểm trong không khí của tháng Năm. Ban đầu anh ta hầu như không nhận ra rằng mình đã dừng lại, sau đó anh ta hầu như không nhận ra tại sao mình đã dừng lại, sau đó anh ta nghĩ rằng anh ta sẽ tiếp

tục đi, sau đó anh ta nghĩ rằng anh ta sẽ không, sau đó anh ta nhìn vào Rue Barrée.

Clifford poked a pansy with his stick. Then Joseph came in with the bill, announcing the sum total in a loud voice, partly to impress Clifford, partly to intimidate Selby into disgorging a pourboire which he would share, if he chose, with the gardener. Clifford tried to pretend that he had not heard, while Selby paid bill and tribute without a murmur. Then he lounged back into the room with an attempt at indifference which failed entirely when he tore his trousers on the cactus.

Clifford đâm một cây hoa dại bằng cây gậy của mình. Sau đó, Joseph đến với hóa đơn, thông báo tổng số tiền một cách ồn ào, một phần để ấn tượng Clifford, một phần để đe dọa Selby để trả tiền thưởng mà anh ta sẽ chia sẻ, nếu muốn, với người làm vườn. Clifford cố giả vờ như anh ta không nghe thấy, trong khi Selby thanh toán hóa đơn và tiền thưởng mà không một lời than phiền. Sau đó, anh ta nằm lười vào phòng với sự cố gắng tạo ra sự không quan tâm hoàn toàn thất bại khi anh ta rách quần trên cây xương rồng.

Clifford made some commonplace remark, lighted a cigarette and looked out of the window to give Selby a chance. Selby tried to take it, but getting as far as—"Yes, spring is here at last," froze solid. He looked at the back of Clifford's head. It expressed volumes. Those little perked-up ears seemed tingling with suppressed glee. He made a desperate effort to master the situation, and jumped up to reach for some Russian cigarettes as an incentive to conversation, but was foiled by the cactus, to whom again he fell a prey. The last straw was added.

Clifford đưa ra một lời bình thường, bật một điếu thuốc lá và nhìn ra ngoài cửa sổ để tạo cơ hội cho Selby. Selby cố gắng tận dụng, nhưng chỉ đến mức—"Vâng, mùa xuân đã đến cuối cùng," đóng băng hoàn toàn. Anh ta nhìn vào phía sau đầu của Clifford.

Nó diễn đạt nhiều điều. Những chiếc tai nhỏ hơi nhô lên dường như đang rạo rực với niềm vui bị kìm nén. Anh ta cố gắng nỗ lực tuyệt vọng để kiểm soát tình hình, và nhảy dậy để lấy một số điếu thuốc Nga như một động lực cho cuộc trò chuyện, nhưng bị cây xương rồng ngăn lại, nơi anh ta lại trở thành con mồi. Đã thêm rơi vào ngựa gãy cỏ.

"Damn the cactus." This observation was wrung from Selby against his will,—against his own instinct of self-preservation, but the thorns on the cactus were long and sharp, and at their repeated prick his pent-up wrath escaped. It was too late now; it was done, and Clifford had wheeled around.

"Chết con cây xương rồng." Nhận định này đã bị Selby ép buộc ra, không theo ý muốn của anh ta,—ngược lại với bản năng tự bảo vệ của mình, nhưng những cái gai trên cây xương rồng dài và sắc, và sau mỗi lần đâm, sự tức giận bị kìm nén trong anh ta trào ra. Giờ đã quá muộn; đã xong, và Clifford đã quay lại.

"See here, Selby, why the deuce did you buy those flowers?"

"Nghe này, Selby, tại sao mày lại mua những bông hoa đó?"

"I'm fond of them," said Selby.

"Tôi thích chúng," Selby nói.

"What are you going to do with them? You can't sleep here."

"Mày dự định làm gì với chúng? Mày không thể ngủ ở đây."

"I could, if you'd help me take the pansies off the bed."

"Tôi có thể, nếu mày giúp tôi lấy những bông hoa dại ra khỏi giường."

"Where can you put them?"

"Mày có thể đặt chúng ở đâu?"

"Couldn't I give them to the concierge?"

"Tôi có thể tặng chúng cho người quản lý không?"

As soon as he said it he regretted it. What in Heaven's name would Clifford think of him! He had heard the amount of the bill. Would he believe that he had invested in these luxuries as a timid declaration to his concierge? And would the Latin Quarter comment upon it in their own brutal fashion? He dreaded ridicule and he knew Clifford's reputation. Then somebody knocked.

Ngay sau khi nói xong, anh ta hối tiếc. Theo ý trời, Clifford sẽ nghĩ gì về anh ta! Anh ta đã nghe thấy số tiền trên hóa đơn. Liệu Clifford có tin rằng anh ta đã đầu tư vào những món xa xỉ này như một tuyên bố nhút nhát đến người quản lý? Và liệu khu Phố Latin có bình luận về điều đó theo cách tàn bạo của riêng họ không? Anh ta sợ bị trách cười và anh biết về danh tiếng của Clifford. Sau đó, có người gỗ cửa.

For a moment Elliott would have laid hands on him, then he laughed from sheer helplessness. "Oh, go on, go on; let's see, there's Clémence and Marie Tellec and Cosette and Fifine, Colette, Marie Verdier—"

Trong một khoảnh khắc, Elliott đã muốn đặt tay vào anh ta, sau đó anh cười vì sự bất lực tuyệt đối. "Ôi, tiếp tục đi; hãy xem, có Clémence và Marie Tellec và Cosette và Fifine, Colette, Marie Verdier—"

"All of whom are charming, most charming, but I never was serious—"

"Tất cả đều rất quyến rũ, rất quyến rũ, nhưng tôi chưa bao giờ nghiêm túc—"

"So help me, Moses," said Elliott, solemnly, "each and every one of those named have separately and in turn torn your heart with anguish and have also made me lose my place at Julian's in this same manner; each and every one, separately and in turn. Do you deny it?"

"Hãy giúp tôi, Moses," Elliott nói một cách trang nghiêm, "từng người trong số những người được đề cập đã lần lượt làm rách trái tim của bạn bằng nỗi đau và cũng khiến tôi mất vị trí tại Julian's theo cách tương tự; từng người, lần lượt. Bạn phủ nhận sao?"

"What you say may be founded on facts—in a way—but give me the credit of being faithful to one at a time—"

"Những gì bạn nói có thể dựa trên sự thật—một cách nào đó—nhưng hãy công nhận cho tôi là trung thành với một người vào một thời điểm—"

"Until the next came along."

"Cho đến khi người tiếp theo xuất hiện."

"But this,—this is really very different. Elliott, believe me, I am all broken up."

"Nhưng điều này, điều này thực sự rất khác. Elliott, tin tôi, tôi hoàn toàn tan nát."

Then there being nothing else to do, Elliott gnashed his teeth and listened.

Sau khi không còn gì để làm, Elliott cắn răng và lắng nghe.

"It's—it's Rue Barrée."

"Đó là Rue Barrée."

"Well," observed Elliott, with scorn, "if you are moping and moaning over that girl,—the girl who has given you and myself every reason to wish that the ground would open and engulf us, —well, go on!"

"Thôi," Elliott quan sát với vẻ khinh bỉ, "nếu bạn đang ủ rũ và rên rỉ vì cô gái đó,—cô gái đã khiến bạn và tôi có mọi lý do để ước rằng đất đai sẽ mở ra và nuốt chúng ta,—vâng, tiếp tục đi!"

"I'm going on,—I don't care; timidity has fled—"

"Tôi sẽ tiếp tục,—tôi không quan tâm; sự nhút nhát đã biến mất —"

"Yes, your native timidity."

"Vâng, sự nhút nhát bẩm sinh của bạn."

"I'm desperate, Elliott. Am I in love? Never, never did I feel so d—n miserable. I can't sleep; honestly, I'm incapable of eating properly."

"Tôi tuyệt vọng, Elliott. Liệu tôi đang yêu? Chưa bao giờ tôi cảm thấy dở hơi như vậy. Tôi không thể ngủ; thành thật mà nói, tôi không thể ăn uống đúng cách."

"Same symptoms noticed in the case of Colette."

"Có các triệu chứng tương tự nhận thấy trong trường hợp của Colette."

"Listen, will you?"

"Lắng nghe, bạn nhé?"

"Hold on a moment, I know the rest by heart. Now let me ask you something. Is it your belief that Rue Barrée is a pure girl?"

"Chờ một chút, tôi biết phần còn lại rồi. Bây giờ hãy để tôi hỏi bạn một điều. Bạn có tin rằng Rue Barrée là một cô gái trong sáng không?"

"Yes," said Clifford, turning red.

"Có," Clifford nói, trở nên đỏ mặt.

"Do you love her,—not as you dangle and tiptoe after every pretty inanity—I mean, do you honestly love her?"

"Bạn yêu cô ấy,—không phải như bạn lảng vảng và đi nhè nhẹ sau mỗi điều vô nghĩa xinh đẹp—Tôi có nghĩa, bạn có thực sự yêu cô ấy không?"

"Yes," said the other doggedly, "I would—"

"Có," người kia cố chấp nói, "Tôi sẽ—"

"Hold on a moment; would you marry her?"

"Chờ một chút; bạn sẽ cưới cô ấy chứ?"

Clifford turned scarlet. "Yes," he muttered.

Clifford trở nên đỏ ứng. "Có," anh ấy lẩm bẩm.

"Pleasant news for your family," growled Elliott in suppressed fury.

"Tin vui cho gia đình bạn," Elliott gầm lên trong cơn giận dữ kín đáo.

"'Dear father, I have just married a charming grisette whom I'm sure you'll welcome with open arms, in company with her mother, a most estimable and cleanly washlady.' Good heavens! This seems to have gone a little further than the rest. Thank your stars, young man, that my head is level enough for us both. Still, in this case, I have no fear. Rue Barrée sat on your aspirations in a manner unmistakably final."

"'Thưa cha, tôi vừa kết hôn với một cô gái xinh đẹp mà tôi chắc chắn bạn sẽ chào đón với tay mở rộng, cùng với mẹ cô ấy, một bà giữ nhà đáng kính và sạch sẽ.' Chúa ơi! Có vẻ như điều này đã đi xa hơn so với phần còn lại. Cảm ơn vì vận may, chàng trai trẻ, vì đầu óc của tôi đủ tỉnh táo cho cả hai chúng ta. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi không sợ hãi. Rue Barrée đã chấm dứt hoài bão của ban một cách rõ ràng và cuối cùng."

"Rue Barrée," began Clifford, drawing himself up, but he suddenly ceased, for there where the dappled sunlight glowed in spots of gold, along the sun-flecked path, tripped Rue Barrée. Her gown was spotless, and her big straw hat, tipped a little from the white forehead, threw a shadow across her eyes.

"Rue Barrée," Clifford bắt đầu, vươn thẳng người lên, nhưng bất ngờ anh ấy ngừng lại, vì ở đó, nơi ánh nắng lấp lánh trong những đốm vàng, dọc theo con đường nắng, Rue Barrée bị vấp. Bộ váy của cô ấy không tì vết, và chiếc mũ rơm lớn của cô, nghiêng một chút từ trán trắng, tạo ra bóng đổ qua đôi mắt.

Elliott stood up and bowed. Clifford removed his head-covering with an air so plaintive, so appealing, so utterly humble that Rue Barrée smiled.

Elliott đứng dậy và cúi đầu. Clifford cởi chiếc mũ khỏi đầu với một vẻ trông thật bi thảm, thật cầu xin, thật khiêm nhường đến mức Rue Barrée cười.

The smile was delicious and when Clifford, incapable of sustaining himself on his legs from sheer astonishment, toppled slightly, she smiled again in spite of herself.

Nụ cười đó thật là dễ thương và khi Clifford, không thể giữ thăng bằng trên đôi chân của mình vì sự ngạc nhiên, ngã nhẹ, cô cười lại một lần nữa mặc cho bản thân mình.

A few moments later she took a chair on the terrace and drawing a book from her music-roll, turned the pages, found the place, and then placing it open downwards in her lap, sighed a little, smiled a little, and looked out over the city. She had entirely forgotten Foxhall Clifford.

Vài phút sau, cô ấy ngồi trên một chiếc ghế trên hè và lấy một cuốn sách từ cuốn nhạc của mình, lật từng trang, tìm đến trang cần, rồi đặt nó mở xuống trong lòng đầy, thở dài một chút, cười một chút, và nhìn ra phía thành phố. Cô hoàn toàn quên Foxhall Clifford.

After a while she took up her book again, but instead of reading began to adjust a rose in her corsage. The rose was big and red. It glowed like fire there over her heart, and like fire it warmed her heart, now fluttering under the silken petals. Rue Barrée sighed again. She was very happy. The sky was so blue, the air so soft and perfumed, the sunshine so caressing, and her heart sang within her, sang to the rose in her breast. This is what it sang: "Out of the throng of passers-by, out of the world of yesterday, out of the millions passing, one has turned aside to me."

Sau một thời gian, cô ấy lại lấy cuốn sách của mình, nhưng thay vì đọc, bắt đầu sắp xếp một bông hoa hồng trên vạt áo. Bông hoa

lớn và màu đỏ. Nó lấp lánh như lửa ở đó trên trái tim cô, và giống như lửa, nó làm ấm trái tim của cô, giờ đang rối loạn dưới những cánh hoa lụa. Rue Barrée thở dài một lần nữa. Cô ấy rất hạnh phúc. Bầu trời xanh quá, không khí mềm mại và thơm phức, ánh nắng mặt trời dịu dàng, và trái tim cô hát trong cô, hát về bông hoa trong ngực cô. Đây là những gì nó hát: "Ra khỏi đám đông qua lại, ra khỏi thế giới của ngày hôm qua, ra khỏi triệu người đi ngang, một người đã quay sang phía tôi."

So her heart sang under his rose on her breast. Then two big mouse-coloured pigeons came whistling by and alighted on the terrace, where they bowed and strutted and bobbed and turned until Rue Barrée laughed in delight, and looking up beheld Clifford before her. His hat was in his hand and his face was wreathed in a series of appealing smiles which would have touched the heart of a Bengal tiger.

Vì thế trái tim cô hát dưới bông hồng trên ngực cô. Sau đó, hai con chim bồ câu màu chuột lớn bay qua và hạ cánh trên hè, nơi chúng cúi đầu, điệu bộ và vẫy vùng cho đến khi Rue Barrée cười vui vẻ, và nhìn lên thì thấy Clifford trước mặt. Chiếc mũ của anh ấy nằm trong tay và khuôn mặt của anh ấy được bao quanh bởi một loạt nụ cười lôi cuốn mà có thể đã chạm vào trái tim của một con hổ Bengal.

For an instant Rue Barrée frowned, then she looked curiously at Clifford, then when she saw the resemblance between his bows and the bobbing pigeons, in spite of herself, her lips parted in the most bewitching laugh. Was this Rue Barrée? So changed, so changed that she did not know herself; but oh! that song in her heart which drowned all else, which trembled on her lips, struggling for utterance, which rippled forth in a laugh at nothing,—at a strutting pigeon,—and Mr. Clifford.

Trong một khoảnh khắc, Rue Barrée nhăn mày, sau đó cô nhìn Clifford một cách tò mò, sau đó khi cô thấy sự giống nhau giữa sự cúi chào của anh và sự vẫy vùng của chim bồ câu, mặc cho bản thân, môi cô mở ra trong một tiếng cười quyến rũ nhất. Đây có phải Rue Barrée không? Đã thay đổi như vậy, thay đổi đến mức cô không nhận ra mình; nhưng oh! bản tình ca trong trái tim cô làm chìm mọi thứ khác, đập liên tục trên môi, vật lộn để nói ra, phát ra trong một tiếng cười vui vẻ không lý do,—với một con chim bồ câu vẫy vùng,—và ông Clifford.

"And you think, because I return the salute of the students in the Quarter, that you may be received in particular as a friend? I do not know you, Monsieur, but vanity is man's other name; be content, Monsieur Vanity, I shall be punctilious—oh, most punctilious in returning your salute."

"Và bạn nghĩ, vì tôi đáp lại lời chào của những sinh viên ở Quận, mà bạn có thể được tiếp nhận đặc biệt như một người bạn? Tôi không biết bạn, ông, nhưng kiêu ngạo là tên khác của con người; —hãy hài lòng, ông Kiêu Ngạo, tôi sẽ cẩn thận—ôi, cực kỳ cẩn thận trong việc đáp lại lời chào của bạn."

"But I beg—I implore you to let me render you that homage which has so long—"

"Nhưng tôi van xin—tôi thỉnh cầu bạn để tôi hiến tặng bạn sự tôn trọng mà đã lâu—"

"Oh dear; I don't care for homage."

"Ôi trời ơi; tôi không quan tâm đến sự tôn trọng."

"Let me only be permitted to speak to you now and then,—occasionally—very occasionally."

"Chỉ cho phép tôi nói chuyện với bạn đôi khi,—đôi khi—rất ít khi."

"And if you, why not another?"

"Và nếu là bạn, tại sao không phải ai khác?"

"Not at all,—I will be discretion itself."

"Chẳng hề,—Tôi sẽ rất kín đáo."

"Discretion—why?"

"Kín đáo—tại sao?"

Her eyes were very clear, and Clifford winced for a moment, but only for a moment. Then the devil of recklessness seizing him, he sat down and offered himself, soul and body, goods and chattels.

Đôi mắt của cô rất sáng, và Clifford giật mình một lúc, nhưng chỉ một lúc. Sau đó, ác quý của sự liều lĩnh bắt lấy anh, anh ngồi xuống và hiến tặng bản thân, linh hồn và cơ thể, hàng hóa và tài sản của mình.

And all the time he knew he was a fool and that infatuation is not love, and that each word he uttered bound him in honour from which there was no escape. And all the time Elliott was scowling down on the fountain plaza and savagely checking both bulldogs from their desire to rush to Clifford's rescue,—for even they felt there was something wrong, as Elliott stormed within himself and growled maledictions.

Và suốt thời gian đó, anh biết mình là một kẻ

Elliott was annoyed, partly by Clifford's reticence, partly by the unexplainable thaw in the frigidity of Rue Barrée. At their frequent encounters, when she, tripping along the rue de Seine, with music-roll and big straw hat would pass Clifford and his familiars steering an easterly course to the Café Vachette, and at the respectful uncovering of the band would colour and smile at Clifford, Elliott's slumbering suspicions awoke. But he never

found out anything, and finally gave it up as beyond his comprehension, merely qualifying Clifford as an idiot and reserving his opinion of Rue Barrée. And all this time Selby was jealous. At first he refused to acknowledge it to himself, and cut the studio for a day in the country, but the woods and fields of course aggravated his case, and the brooks babbled of Rue Barrée and the mowers calling to each other across the meadow ended in a quavering "Rue Bar-rée-e!" That day spent in the country made him angry for a week, and he worked sulkily at Julian's, all the time tormented by a desire to know where Clifford was and what he might be doing. This culminated in an erratic stroll on Sunday which ended at the flower-market on the Pont au Change, began again, was gloomily extended to the morgue, and again ended at the marble bridge. It would never do, and Selby felt it, so he went to see Clifford, who was convalescing on mint juleps in his garden. They sat down together and discussed morals and human happiness, and each found the other most entertaining, only Selby failed to pump Clifford, to the other's unfeigned amusement. But the juleps spread balm on the sting of jealousy, and trickled hope to the blighted, and when Selby said he must go, Clifford went too, and when Selby, not to be outdone, insisted on accompanying Clifford back to his door, Clifford determined to see Selby back half way, and then finding it hard to part, they decided to dine together and "flit." To flit, a verb applied to Clifford's nocturnal prowls, expressed, perhaps, as well as anything, the gaiety proposed. Dinner was ordered at Mignon's, and while Selby interviewed the chef, Clifford kept a fatherly eye on the butler. The dinner was a success, or was of the sort generally termed a success. Toward the dessert Selby heard some one say as at a great distance, "Kid Selby, drunk as a lord."

A group of men passed near them; it seemed to him that he shook hands and laughed a great deal, and that everybody was very witty. There was Clifford opposite swearing undying confidence in his chum Selby, and there seemed to be others

there, either seated beside them or continually passing with the swish of skirts on the polished floor. The perfume of roses, the rustle of fans, the touch of rounded arms and the laughter grew vaguer and vaguer. The room seemed enveloped in mist. Then, all in a moment each object stood out painfully distinct, only forms and visages were distorted and voices piercing. He drew himself up, calm, grave, for the moment master of himself, but very drunk. He knew he was drunk, and was as guarded and alert, as keenly suspicious of himself as he would have been of a thief at his elbow. His self-command enabled Clifford to hold his head safely under some running water, and repair to the street considerably the worse for wear, but never suspecting that his companion was drunk. For a time he kept his self-command. His face was only a bit paler, a bit tighter than usual; he was only a trifle slower and more fastidious in his speech. It was midnight when he left Clifford peacefully slumbering in somebody's arm-chair, with a long suede glove dangling in his hand and a plumy boa twisted about his neck to protect his throat from drafts. He walked through the hall and down the stairs, and found himself on the sidewalk in a quarter he did not know. Mechanically he looked up at the name of the street. The name was not familiar. He turned and steered his course toward some lights clustered at the end of the street. They proved farther away than he had anticipated, and after a long quest he came to the conclusion that his eyes had been mysteriously removed from their proper places and had been reset on either side of his head like those of a bird. It grieved him to think of the inconvenience this transformation might occasion him, and he attempted to cock up his head, hen-like, to test the mobility of his neck. Then an immense despair stole over him,—tears gathered in the tear-ducts, his heart melted, and he collided with a tree. This shocked him into comprehension; he stifled the violent tenderness in his breast, picked up his hat and moved on more briskly. His mouth was white and drawn, his teeth tightly clinched. He held his course pretty well and strayed but little, and after an apparently interminable length of time found himself passing a line of cabs. The brilliant lamps, red, yellow, and green annoyed him, and he felt it might be pleasant to demolish them with his cane, but mastering this impulse he passed on. Later an idea struck him that it would save fatigue to take a cab, and he started back with that intention, but the cabs seemed already so far away and the lanterns were so bright and confusing that he gave it up, and pulling himself together looked around.

A shadow, a mass, huge, undefined, rose to his right. He recognized the Arc de Triomphe and gravely shook his cane at it. Its size annoyed him. He felt it was too big. Then he heard something fall clattering to the pavement and thought probably it was his cane but it didn't much matter. When he had mastered himself and regained control of his right leg, which betrayed symptoms of insubordination, he found himself traversing the Place de la Concorde at a pace which threatened to land him at the Madeleine. This would never do. He turned sharply to the right and crossing the bridge passed the Palais Bourbon at a trot and wheeled into the Boulevard St. Germain. He got on well enough although the size of the War Office struck him as a personal insult, and he missed his cane, which it would have been pleasant to drag along the iron railings as he passed. It occurred to him, however, to substitute his hat, but when he found it he forgot what he wanted it for and replaced it upon his head with gravity. Then he was obliged to battle with a violent inclination to sit down and weep. This lasted until he came to the rue de Rennes, but there he became absorbed in contemplating the dragon on the balcony overhanging the Cour du Dragon, and time slipped away until he remembered vaguely that he had no business there, and marched off again. It was slow work. The inclination to sit down and weep had given place to a desire for solitary and deep reflection. Here his right leg forgot its obedience and attacking the left, outflanked it and brought him up against a wooden board which seemed to bar his path. He tried to walk around it, but found the street closed.

He tried to push it over, and found he couldn't. Then he noticed a red lantern standing on a pile of paving-stones inside the barrier. This was pleasant. How was he to get home if the boulevard was blocked? But he was not on the boulevard. His treacherous right leg had beguiled him into a detour, for there, behind him lay the boulevard with its endless line of lamps,—and here, what was this narrow dilapidated street piled up with earth and mortar and heaps of stone? He looked up. Written in staring black letters on the barrier was RUE BARRÉE.

He sat down. Two policemen whom he knew came by and advised him to get up, but he argued the question from a standpoint of personal taste, and they passed on, laughing. For he was at that moment absorbed in a problem. It was, how to see Rue Barrée. She was somewhere or other in that big house with the iron balconies, and the door was locked, but what of that? The simple idea struck him to shout until she came. This idea was replaced by another equally lucid,—to hammer on the door until she came; but finally rejecting both of these as too uncertain, he decided to climb into the balcony, and opening a window politely inquire for Rue Barrée. There was but one lighted window in the house that he could see. It was on the second floor, and toward this he cast his eyes. Then mounting the wooden barrier and clambering over the piles of stones, he reached the sidewalk and looked up at the facade for a foothold. It seemed impossible. But a sudden fury seized him, a blind, drunken obstinacy, and the blood rushed to his head, leaping, beating in his ears like the dull thunder of an ocean. He set his teeth, and springing at a window-sill, dragged himself up and hung to the iron bars. Then reason fled; there surged in his brain the sound of many voices, his heart leaped up beating a mad tattoo, and gripping at cornice and ledge he worked his way along the façade, clung to pipes and shutters, and dragged himself up, over and into the balcony by the lighted window. His hat fell off and rolled against the pane. For a moment he

leaned breathless against the railing—then the window was slowly opened from within.

Anh ngồi xuống. Hai cảnh sát mà anh biết đến đến và khuyên anh nên đứng dậy, nhưng anh tranh luận vấn đề từ góc độ cá nhân, và họ đi qua, cười. Bởi anh đang tập trung vào một vấn đề. Đó là, làm sao để thấy Rue Barrée. Cô ấy đâu đó trong căn nhà lớn với những ban công sắt, và cửa bị khóa, nhưng cũng chẳng có vấn đề gì đúng không? Ý tưởng đơn giản đó xảy ra với anh là hét cho đến khi cô ấy đến. Ý tưởng này bị thay thế bởi một ý tưởng khác cũng rõ ràng,—đập vào cửa cho đến khi cô ấy đến; nhưng cuối cùng từ chối cả hai vì quá không chắc chắn, anh quyết định leo lên ban công, và mở cửa sổ lịch sự hỏi Rue Barrée. Chỉ có một cửa sổ có đèn trong căn nhà mà anh có thể thấy. Nó ở tầng hai, và anh nhìn về phía đó. Sau đó anh leo qua rào gỗ và vượt qua đống đá, anh đến via hè và nhìn lên mặt tiền để tìm một chỗ để đứng. Dường như không thể. Nhưng một cơn giận dữ đột ngột bao trùm anh, một sư cứng đầu mù quáng, và máu đổ vào đầu anh, nhảy múa, đập vào tai anh như tiếng sấm nhạt của một đại dương. Anh nghiến răng, và nhảy lên mép cửa sổ, kéo mình lên và treo vào thanh sắt. Sau đó lý trí bỏ chạy; có âm thanh của nhiều giọng nói dồn đến trong đầu anh, trái tim anh nhảy lên đập một bản nhạc điên cuồng, và nắm chặt vào mép mái và mép tường anh làm việc để đi dọc theo mặt tiền, bám vào ống và cửa sổ, và kéo mình lên, qua và vào ban công bên cửa sổ có đèn. Mũ anh rơi ra và lăn đến gần kính. Trong một khoảnh khắc anh dựa mệt mỏi vào lan can—sau đó cửa sổ từ từ được mở từ bên trong.

They stared at each other for some time. Presently the girl took two unsteady steps back into the room. He saw her face,—all crimsoned now,—he saw her sink into a chair by the lamplit table, and without a word he followed her into the room, closing the big door-like panes behind him. Then they looked at each other in silence.

Hai người nhìn nhau trong một thời gian. Chốc sau, cô gái bước lùi một cách không vững vàng vào phòng. Anh nhìn thấy khuôn mặt của cô ấy,—tất cả đỏ rực bây giờ,—anh nhìn thấy cô ấy ngồi vào một chiếc ghế bên bàn đèn và màu, và mà không nói một từ anh theo cô ấy vào phòng, đóng cánh cửa lớn giống như cửa sau lưng anh. Sau đó họ nhìn nhau trong im lặng.

The room was small and white; everything was white about it, —the curtained bed, the little wash-stand in the corner, the bare walls, the china lamp,—and his own face,—had he known it, but the face and neck of Rue were surging in the colour that dyed the blossoming rose-tree there on the hearth beside her. It did not occur to him to speak. She seemed not to expect it. His mind was struggling with the impressions of the room. The whiteness, the extreme purity of everything occupied himbegan to trouble him. As his eye became accustomed to the light, other objects grew from the surroundings and took their places in the circle of lamplight. There was a piano and a coalscuttle and a little iron trunk and a bath-tub. Then there was a row of wooden pegs against the door, with a white chintz curtain covering the clothes underneath. On the bed lay an umbrella and a big straw hat, and on the table, a music-roll unfurled, an ink-stand, and sheets of ruled paper. Behind him stood a wardrobe faced with a mirror, but somehow he did not care to see his own face just then. He was sobering.

Phòng nhỏ và trắng; mọi thứ đều trắng,—chiếc giường với rèm, chiếc bồn rửa nhỏ ở góc, tường trần trần, đèn Trung Quốc,—và khuôn mặt của anh,—nếu anh biết đó là khuôn mặt của anh, nhưng khuôn mặt và cổ của Rue đang dâng lên trong màu sắc tô điểm cho cây hồng đang nở kia trên lò sưởi bên cạnh cô ấy. Anh không nghĩ đến việc nói. Cô ấy dường như không mong đợi điều đó. Tâm trí anh đang cố gắng với ấn tượng của căn phòng. Sự trắng trẻo, sự tinh khiết tột cùng của mọi thứ làm anh bắt đầu bị ảnh hưởng. Khi mắt anh quen với ánh sáng, các vật khác bắt đầu xuất hiện từ xung quanh và lấp đầy chỗ của chúng trong

vòng ánh sáng đèn. Có một cây đàn piano và một cái hũ than và một cái hòn sắt nhỏ và một cái bồn tắm. Sau đó có một hàng móc gỗ dựa vào cửa, với một bức rèm chintz trắng che phủ bên dưới những bộ quần áo. Trên giường có một cái dù và một cái mũ rơm to, và trên bàn, một cuộn nhạc mở rộng, một hũ mực, và những tờ giấy có đường kẻ. Phía sau anh có một tủ quần áo đối diện với một chiếc gương, nhưng sao anh không muốn nhìn thấy khuôn mặt của mình vào lúc đó. Anh đang tỉnh táo.

The girl sat looking at him without a word. Her face was expressionless, yet the lips at times trembled almost imperceptibly. Her eyes, so wonderfully blue in the daylight, seemed dark and soft as velvet, and the colour on her neck deepened and whitened with every breath. She seemed smaller and more slender than when he had seen her in the street, and there was now something in the curve of her cheek almost infantine. When at last he turned and caught his own reflection in the mirror behind him, a shock passed through him as though he had seen a shameful thing, and his clouded mind and his clouded thoughts grew clearer. For a moment their eyes met then his sought the floor, his lips tightened, and the struggle within him bowed his head and strained every nerve to the breaking. And now it was over, for the voice within had spoken. He listened, dully interested but already knowing the end,—indeed it little mattered;—the end would always be the same for him;—he understood now—always the same for him, and he listened, dully interested, to a voice which grew within him. After a while he stood up, and she rose at once, one small hand resting on the table. Presently he opened the window, picked up his hat, and shut it again. Then he went over to the rose-bush and touched the blossoms with his face. One was standing in a glass of water on the table and mechanically the girl drew it out, pressed it with her lips and laid it on the table beside him. He took it without a word and crossing the room, opened the door. The landing was dark and silent, but the girl lifted the lamp and gliding past him slipped down the polished stairs to the hallway. Then unchaining the bolts, she drew open the iron wicket. Through this he passed with his rose.

Cô gái ngồi nhìn anh mà không nói một từ. Khuôn mặt của cô ấy không biểu lộ cảm xúc, nhưng đôi môi đôi khi run lên một cách gần như không thể cảm nhận. Đôi mắt của cô ấy, tuyệt vời xanh trong ánh sáng ban ngày, dường như tối và mềm như lụa, và màu sắc trên cổ cô ấy sâu thêm và trắng dần với mỗi hơi thở. Cô ấy dường như nhỏ bé và mảnh mai hơn so với khi anh đã thấy cổ ấy trên đường phố, và bây giờ có điều gì đó trong đường cong của má cô ấy gần như như trẻ con. Khi cuối cùng anh quay lại và nhìn thấy phản chiếu của mình trong gương phía sau anh, một cú shock trải qua anh như thể anh đã thấy một điều hổ then, và tâm trí mơ hồ và suy nghĩ mơ hồ của anh trở nên rõ ràng hơn. Trong một khoảnh khắc ánh mắt của họ gặp nhau rồi anh nhìn xuống sàn, môi anh co lại, và cuộc chiến trong anh cúi đầu và căng mọi dây thần kinh đến phá vỡ. Và giờ đó đã qua, vì giọng nói bên trong đã nói. Anh lắng nghe, một cách chán chường nhưng đã biết kết thúc,—thực sự nó không quan trọng lắm; kết thúc luôn sẽ giống nhau với anh;—anh hiểu bây giờ—luôn giống nhau với anh, và anh lắng nghe, một cách chán chường, vào một giọng nói mọc lên bên trong anh. Sau một lúc anh đứng dậy, và cô gái cũng đứng ngay lập tức, một tay nhỏ nằm trên bàn. Chốc sau anh mở cửa sổ, lấy mũ của mình, và đóng lại. Sau đó anh đi tới bui hồng và chạm vào những bông hoa với khuôn mặt. Một bông đang đứng trong một cốc nước trên bàn và cô gái tư động lấy ra, nhấn nó với môi và đặt nó lên bàn bên cạnh anh. Anh lấy nó mà không nói lời nào và băng qua phòng, mở cửa. Gác nhà tối và yên lặng, nhưng cô gái cầm đèn và lướt qua anh, trượt xuống cầu thang bóng bẩy xuống hành lang. Sau đó tháo dây chắn, cô mở cửa sắt.

THE END

HÉT

Updated editions will replace the previous one—the old editions will be renamed.

Creating the works from print editions not protected by U.S. copyright law means that no one owns a United States copyright in these works, so the Foundation (and you!) can copy and distribute it in the United States without permission and without paying copyright royalties. Special rules, set forth in the General Terms of Use part of this license, apply to copying and distributing Project Gutenberg™ electronic works to protect the PROJECT GUTENBERG™ concept and trademark. Project Gutenberg is a registered trademark, and may not be used if you charge for an eBook, except by following the terms of the trademark license, including paying royalties for use of the Project Gutenberg trademark. If you do not charge anything for copies of this eBook, complying with the trademark license is very easy. You may use this eBook for nearly any purpose such as creation of derivative works, reports, performances and research. Project Gutenberg eBooks may be modified and printed and given away—you may do practically ANYTHING in the United States with eBooks not protected by U.S. copyright law. Redistribution is subject to the trademark license, especially commercial redistribution.

START: FULL LICENSE THE FULL PROJECT GUTENBERG LICENSE PLEASE READ THIS BEFORE YOU DISTRIBUTE OR USE THIS WORK To protect the Project Gutenberg™ mission of promoting the free distribution of electronic works, by using or distributing this work (or any other work associated in any way with the phrase "Project Gutenberg"), you agree to comply with all the terms of the Full Project Gutenberg™ License available with this file or online at www.gutenberg.org/license.

Section 1. General Terms of Use and Redistributing Project Gutenberg™ electronic works 1.A. By reading or using any part

of this Project Gutenberg[™] electronic work, you indicate that you have read, understand, agree to and accept all the terms of this license and intellectual property (trademark/copyright) agreement. If you do not agree to abide by all the terms of this agreement, you must cease using and return or destroy all copies of Project Gutenberg[™] electronic works in your possession. If you paid a fee for obtaining a copy of or access to a Project Gutenberg[™] electronic work and you do not agree to be bound by the terms of this agreement, you may obtain a refund from the person or entity to whom you paid the fee as set forth in paragraph 1.E.8.

- 1.B. "Project Gutenberg" is a registered trademark. It may only be used on or associated in any way with an electronic work by people who agree to be bound by the terms of this agreement. There are a few things that you can do with most Project Gutenberg™ electronic works even without complying with the full terms of this agreement. See paragraph 1.C below. There are a lot of things you can do with Project Gutenberg™ electronic works if you follow the terms of this agreement and help preserve free future access to Project Gutenberg™ electronic works. See paragraph 1.E below.
- 1.C. The Project Gutenberg Literary Archive Foundation ("the Foundation" or PGLAF), owns a compilation copyright in the collection of Project Gutenberg™ electronic works. Nearly all the individual works in the collection are in the public domain in the United States. If an individual work is unprotected by copyright law in the United States and you are located in the United States, we do not claim a right to prevent you from copying, distributing, performing, displaying or creating derivative works based on the work as long as all references to Project Gutenberg are removed. Of course, we hope that you will support the Project Gutenberg™ mission of promoting free access to electronic works by freely sharing Project Gutenberg™ works in compliance with the terms of this agreement for

keeping the Project Gutenberg[™] name associated with the work. You can easily comply with the terms of this agreement by keeping this work in the same format with its attached full Project Gutenberg[™] License when you share it without charge with others.

- 1.D. The copyright laws of the place where you are located also govern what you can do with this work. Copyright laws in most countries are in a constant state of change. If you are outside the United States, check the laws of your country in addition to the terms of this agreement before downloading, copying, displaying, performing, distributing or creating derivative works based on this work or any other Project Gutenberg™ work. The Foundation makes no representations concerning the copyright status of any work in any country other than the United States.
- 1.E. Unless you have removed all references to Project Gutenberg: 1.E.1. The following sentence, with active links to, or other immediate access to, the full Project Gutenberg™ License must appear prominently whenever any copy of a Project Gutenberg™ work (any work on which the phrase "Project Gutenberg" appears, or with which the phrase "Project Gutenberg" is associated) is accessed, displayed, performed, viewed, copied or distributed: This eBook is for the use of anyone anywhere in the United States and most other parts of the world at no cost and with almost no restrictions whatsoever. You may copy it, give it away or re-use it under the terms of the Project Gutenberg License included with this eBook or online at www.gutenberg.org. If you are not located in the United States, you will have to check the laws of the country where you are located before using this eBook.
- 1.E.2. If an individual Project GutenbergTM electronic work is derived from texts not protected by U.S. copyright law (does not contain a notice indicating that it is posted with permission of

the copyright holder), the work can be copied and distributed to anyone in the United States without paying any fees or charges. If you are redistributing or providing access to a work with the phrase "Project Gutenberg" associated with or appearing on the work, you must comply either with the requirements of paragraphs 1.E.1 through 1.E.7 or obtain permission for the use of the work and the Project GutenbergTM trademark as set forth in paragraphs 1.E.8 or 1.E.9.

- 1.E.3. If an individual Project Gutenberg[™] electronic work is posted with the permission of the copyright holder, your use and distribution must comply with both paragraphs 1.E.1 through 1.E.7 and any additional terms imposed by the copyright holder. Additional terms will be linked to the Project Gutenberg[™] License for all works posted with the permission of the copyright holder found at the beginning of this work.
- 1.E.4. Do not unlink or detach or remove the full Project GutenbergTM License terms from this work, or any files containing a part of this work or any other work associated with Project GutenbergTM.
- 1.E.5. Do not copy, display, perform, distribute or redistribute this electronic work, or any part of this electronic work, without prominently displaying the sentence set forth in paragraph 1.E.1 with active links or immediate access to the full terms of the Project GutenbergTM License.
- 1.E.6. You may convert to and distribute this work in any binary, compressed, marked up, nonproprietary or proprietary form, including any word processing or hypertext form. However, if you provide access to or distribute copies of a Project Gutenberg™ work in a format other than "Plain Vanilla ASCII" or other format used in the official version posted on the official Project Gutenberg™ website (www.gutenberg.org), you must, at no additional cost, fee or expense to the user, provide a

copy, a means of exporting a copy, or a means of obtaining a copy upon request, of the work in its original "Plain Vanilla ASCII" or other form. Any alternate format must include the full Project GutenbergTM License as specified in paragraph 1.E.1.

- 1.E.7. Do not charge a fee for access to, viewing, displaying, performing, copying or distributing any Project GutenbergTM works unless you comply with paragraph 1.E.8 or 1.E.9.
- 1.E.8. You may charge a reasonable fee for copies of or providing access to or distributing Project Gutenberg[™] electronic works provided that: • You pay a royalty fee of 20% of the gross profits you derive from the use of Project Gutenberg™ works calculated using the method you already use to calculate your applicable taxes. The fee is owed to the owner of the Project Gutenberg™ trademark, but he has agreed to donate royalties under this paragraph to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation. Royalty payments must be paid within 60 days following each date on which you prepare (or are legally required to prepare) your periodic tax returns. Royalty payments should be clearly marked as such and sent to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation at the address specified in Section 4, "Information about donations to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation." • You provide a full refund of any money paid by a user who notifies you in writing (or by e-mail) within 30 days of receipt that s/he does not agree to the terms of the full Project Gutenberg™ License. You must require such a user to return or destroy all copies of the works possessed in a physical medium and discontinue all use of and all access to other copies of Project Gutenberg™ works. • You provide, in accordance with paragraph 1.F.3, a full refund of any money paid for a work or a replacement copy, if a defect in the electronic work is discovered and reported to you within 90 days of receipt of the work. • You comply with all other terms of this agreement for free distribution of Project Gutenberg[™] works.

- 1.E.9. If you wish to charge a fee or distribute a Project Gutenberg[™] electronic work or group of works on different terms than are set forth in this agreement, you must obtain permission in writing from the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the manager of the Project Gutenberg[™] trademark. Contact the Foundation as set forth in Section 3 below.
- 1.F. 1.F.1. Project Gutenberg volunteers and employees expend considerable effort to identify, do copyright research on, transcribe and proofread works not protected by U.S. copyright law in creating the Project Gutenberg™ collection. Despite these efforts, Project Gutenberg™ electronic works, and the medium on which they may be stored, may contain "Defects," such as, but not limited to, incomplete, inaccurate or corrupt data, transcription errors, a copyright or other intellectual property infringement, a defective or damaged disk or other medium, a computer virus, or computer codes that damage or cannot be read by your equipment.
- 1.F.2. LIMITED WARRANTY, DISCLAIMER OF DAMAGES -Except for the "Right of Replacement or Refund" described in paragraph 1.F.3, the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the owner of the Project Gutenberg™ trademark, and any other party distributing a Project Gutenberg™ electronic work under this agreement, disclaim all liability to you for damages, costs and expenses, including legal fees. YOU AGREE THAT YOU HAVE NO REMEDIES FOR NEGLIGENCE, STRICT LIABILITY, BREACH OF WARRANTY OR BREACH OF CONTRACT EXCEPT THOSE PROVIDED IN PARAGRAPH 1.F.3. YOU AGREE THAT THE FOUNDATION, THE TRADEMARK OWNER, AND ANY DISTRIBUTOR UNDER THIS AGREEMENT WILL NOT BE LIABLE TO YOU FOR ACTUAL, DIRECT, INDIRECT, CONSEQUENTIAL, PUNITIVE OR INCIDENTAL DAMAGES EVEN IF YOU GIVE NOTICE OF THE POSSIBILITY OF SUCH DAMAGE.

- 1.F.3. LIMITED RIGHT OF REPLACEMENT OR REFUND If you discover a defect in this electronic work within 90 days of receiving it, you can receive a refund of the money (if any) you paid for it by sending a written explanation to the person you received the work from. If you received the work on a physical medium, you must return the medium with your written explanation. The person or entity that provided you with the defective work may elect to provide a replacement copy in lieu of a refund. If you received the work electronically, the person or entity providing it to you may choose to give you a second opportunity to receive the work electronically in lieu of a refund. If the second copy is also defective, you may demand a refund in writing without further opportunities to fix the problem.
- 1.F.4. Except for the limited right of replacement or refund set forth in paragraph 1.F.3, this work is provided to you 'AS-IS', WITH NO OTHER WARRANTIES OF ANY KIND, EXPRESS OR IMPLIED, INCLUDING BUT NOT LIMITED TO WARRANTIES OF MERCHANTABILITY OR FITNESS FOR ANY PURPOSE.
- 1.F.5. Some states do not allow disclaimers of certain implied warranties or the exclusion or limitation of certain types of damages. If any disclaimer or limitation set forth in this agreement violates the law of the state applicable to this agreement, the agreement shall be interpreted to make the maximum disclaimer or limitation permitted by the applicable state law. The invalidity or unenforceability of any provision of this agreement shall not void the remaining provisions.
- 1.F.6. INDEMNITY You agree to indemnify and hold the Foundation, the trademark owner, any agent or employee of the Foundation, anyone providing copies of Project GutenbergTM electronic works in accordance with this agreement, and any volunteers associated with the production, promotion and distribution of Project GutenbergTM electronic works, harmless

from all liability, costs and expenses, including legal fees, that arise directly or indirectly from any of the following which you do or cause to occur: (a) distribution of this or any Project Gutenberg™ work, (b) alteration, modification, or additions or deletions to any Project Gutenberg™ work, and (c) any Defect you cause.

Section 2. Information about the Mission of Project GutenbergTM Project GutenbergTM is synonymous with the free distribution of electronic works in formats readable by the widest variety of computers including obsolete, old, middle-aged and new computers. It exists because of the efforts of hundreds of volunteers and donations from people in all walks of life.

Volunteers and financial support to provide volunteers with the assistance they need are critical to reaching Project Gutenberg™'s goals and ensuring that the Project Gutenberg™ collection will remain freely available for generations to come. In 2001, the Project Gutenberg Literary Archive Foundation was created to provide a secure and permanent future for Project Gutenberg™ and future generations. To learn more about the Project Gutenberg Literary Archive Foundation and how your efforts and donations can help, see Sections 3 and 4 and the Foundation information page at www.gutenberg.org.

Section 3. Information about the Project Gutenberg Literary Archive Foundation The Project Gutenberg Literary Archive Foundation is a non-profit 501(c)(3) educational corporation organized under the laws of the state of Mississippi and granted tax exempt status by the Internal Revenue Service. The Foundation's EIN or federal tax identification number is 64-6221541. Contributions to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation are tax deductible to the full extent permitted by U.S. federal laws and your state's laws.

The Foundation's business office is located at 809 North 1500 West, Salt Lake City, UT 84116, (801) 596-1887. Email contact links and up to date contact information can be found at the Foundation's website and official page at www.gutenberg.org/contact

Section 4. Information about Donations to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation Project Gutenberg™ depends upon and cannot survive without widespread public support and donations to carry out its mission of increasing the number of public domain and licensed works that can be freely distributed in machine-readable form accessible by the widest array of equipment including outdated equipment. Many small donations (\$1 to \$5,000) are particularly important to maintaining tax exempt status with the IRS.

The Foundation is committed to complying with the laws regulating charities and charitable donations in all 50 states of the United States. Compliance requirements are not uniform and it takes a considerable effort, much paperwork and many fees to meet and keep up with these requirements. We do not solicit donations in locations where we have not received written confirmation of compliance. To SEND DONATIONS or determine the status of compliance for any particular state visit www.gutenberg.org/donate.

While we cannot and do not solicit contributions from states where we have not met the solicitation requirements, we know of no prohibition against accepting unsolicited donations from donors in such states who approach us with offers to donate.

International donations are gratefully accepted, but we cannot make any statements concerning tax treatment of donations received from outside the United States. U.S. laws alone swamp our small staff.

Please check the Project Gutenberg web pages for current donation methods and addresses. Donations are accepted in a number of other ways including checks, online payments and credit card donations. To donate, please visit: www.gutenberg.org/donate.

Section 5. General Information About Project Gutenberg[™] electronic works Professor Michael S. Hart was the originator of the Project Gutenberg[™] concept of a library of electronic works that could be freely shared with anyone. For forty years, he produced and distributed Project Gutenberg[™] eBooks with only a loose network of volunteer support.

Project Gutenberg[™] eBooks are often created from several printed editions, all of which are confirmed as not protected by copyright in the U.S. unless a copyright notice is included. Thus, we do not necessarily keep eBooks in compliance with any particular paper edition.

Most people start at our website which has the main PG search facility: www.gutenberg.org. This website includes information about Project Gutenberg™, including how to make donations to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, how to help produce our new eBooks, and how to subscribe to our email newsletter to hear about new eBooks.

*** END OF THE PROJECT GUTENBERG EBOOK THE KING IN YELLOW *** Updated editions will replace the previous one—the old editions will be renamed. Creating the works from print editions not protected by U.S. copyright law means that no one owns a United States copyright in these works, so the Foundation (and you!) can copy and distribute it in the United States without permission and without paying copyright royalties. Special rules, set forth in the General Terms of Use part of this license, apply to copying and distributing Project GutenbergTM electronic works to protect the PROJECT

GUTENBERG™ concept and trademark. Project Gutenberg is a registered trademark, and may not be used if you charge for an eBook, except by following the terms of the trademark license, including paying royalties for use of the Project Gutenberg trademark. If you do not charge anything for copies of this eBook, complying with the trademark license is very easy. You may use this eBook for nearly any purpose such as creation of derivative works, reports, performances and research. Project Gutenberg eBooks may be modified and printed and given away —you may do practically ANYTHING in the United States with eBooks not protected by U.S. copyright law. Redistribution is subject to the trademark license, especially commercial redistribution.

*** CUỐI CÙNG CỦA DỰ ÁN GUTENBERG EBOOK HOÀNG KIM VƯƠNG *** Các phiên bản cập nhật sẽ thay thế phiên bản trước —các phiên bản cũ sẽ được đổi tên. Việc tạo ra các tác phẩm từ các phiên bản in không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ có nghĩa là không ai sở hữu bản quyền Hoa Kỳ cho các tác phẩm này, vì vậy Quỹ (và bạn!) có thể sao chép và phân phối chúng tai Hoa Kỳ mà không cần sư cho phép và không phải trả tiền bản quyền. Các quy tắc đặc biệt, được nêu trong Phần Điều Khoản Sử Dụng Chung của bản quyền này, áp dụng cho việc sao chép và phân phối các tác phẩm điện tử của Project Gutenberg™ để bảo vệ khái niệm và thương hiệu PROJECT GUTENBERG™. Project Gutenberg là một thương hiệu đã đăng ký, và không được sử dụng nếu bạn thu phí cho một eBook, trừ khi tuân thủ các điều khoản của giấy phép thương hiệu, bao gồm việc thanh toán tiền bản quyền cho việc sử dụng thương hiệu Project Gutenberg. Nếu bạn không thu bất kỳ khoản phí nào cho việc sao chép của cuốn sách điện tử này, việc tuân thủ giấy phép thương hiệu rất dễ dàng. Bạn có thể sử dụng cuốn sách điện tử này cho gần như bất kỳ mục đích nào như tạo ra các tác phẩm phái sinh, báo cáo, biểu diễn và nghiên cứu. Các cuốn sách điện tử của Project Gutenberg có thể được chỉnh sửa và in ra và tặng đi—ban có thể làm GẦN NHƯ BẤT KỲ ĐIỀU GÌ ở Hoa Kỳ với các

cuốn sách điện tử không được bảo vệ bởi luật bản quyền của Hoa Kỳ. Việc phân phối lại phải tuân thủ giấy phép thương hiệu, đặc biệt là phân phối thương mại.

START: FULL LICENSE THE FULL PROJECT GUTENBERG LICENSE PLEASE READ THIS BEFORE YOU DISTRIBUTE OR USE THIS WORK To protect the Project Gutenberg™ mission of promoting the free distribution of electronic works, by using or distributing this work (or any other work associated in any way with the phrase "Project Gutenberg"), you agree to comply with all the terms of the Full Project Gutenberg™ License available with this file or online at www.gutenberg.org/license.

BẮT ĐẦU: GIẤY PHÉP ĐẦY ĐỦ GIẤY PHÉP GUTENBERG TOÀN BỘ HÃY ĐỘC KỸ TRƯỚC KHI BẠN PHÂN PHỐI HOẶC SỬ DỤNG TÁC PHẨM NÀY Để bảo vệ nhiệm vụ của Project Gutenberg™ trong việc khuyến khích phân phối miễn phí các tác phẩm điện tử, bằng cách sử dụng hoặc phân phối tác phẩm này (hoặc bất kỳ tác phẩm nào khác liên quan một cách nào đó với cụm từ "Project Gutenberg"), bạn đồng ý tuân thủ tất cả các điều khoản của Giấy phép đầy đủ của Project Gutenberg™ có sẵn trong tệp này hoặc trực tuyến tại www.gutenberg.org/license.

- 1.E.7. Do not charge a fee for access to, viewing, displaying, performing, copying or distributing any Project GutenbergTM works unless you comply with paragraph 1.E.8 or 1.E.9.
- 1.E.7. Không thu phí để truy cập, xem, hiển thị, thực hiện, sao chép hoặc phân phối bất kỳ tác phẩm Project Gutenberg™ nào trừ khi bạn tuân thủ theo đoạn 1.E.8 hoặc 1.E.9.
- 1.E.8. You may charge a reasonable fee for copies of or providing access to or distributing Project GutenbergTM electronic works provided that:
- 1.E.8. Bạn có thể thu một khoản phí hợp lý cho việc sao chép hoặc cung cấp quyền truy cập hoặc phân phối các tác phẩm điện

tử Project Gutenberg™ miễn phí, miễn là:

- 1.E.9. If you wish to charge a fee or distribute a Project Gutenberg[™] electronic work or group of works on different terms than are set forth in this agreement, you must obtain permission in writing from the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the manager of the Project Gutenberg[™] trademark. Contact the Foundation as set forth in Section 3 below.
- 1.E.9. Nếu bạn muốn thu phí hoặc phân phối một tác phẩm hoặc nhóm tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ theo các điều khoản khác với những điều đã quy định trong thỏa thuận này, bạn phải có sự cho phép bằng văn bản từ Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg, người quản lý thương hiệu Project Gutenberg™. Liên hệ với Quỹ theo như đã quy định trong Phần 3 dưới đây.

1.F.

1.F.

- 1.F.1. Project Gutenberg volunteers and employees expend considerable effort to identify, do copyright research on, transcribe and proofread works not protected by U.S. copyright law in creating the Project Gutenberg™ collection. Despite these efforts, Project Gutenberg™ electronic works, and the medium on which they may be stored, may contain "Defects," such as, but not limited to, incomplete, inaccurate or corrupt data, transcription errors, a copyright or other intellectual property infringement, a defective or damaged disk or other medium, a computer virus, or computer codes that damage or cannot be read by your equipment.
- 1.F.1. Các tình nguyện viên và nhân viên của Project Gutenberg đã bỏ ra nhiều công sức để xác định, nghiên cứu bản quyền, sao chép và chứng minh cho các tác phẩm không được bảo vệ theo

luật bản quyền của Mỹ trong quá trình tạo ra bộ sưu tập Project Gutenberg™. Mặc dù có những nỗ lực này, các tác phẩm điện tử của Project Gutenberg™, và phương tiện mà chúng có thể được lưu trữ, có thể chứa "Khuyết điểm," nhưng không giới hạn ở dữ liệu không hoàn chỉnh, không chính xác hoặc bị hỏng, lỗi chép, vi phạm bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ khác, đĩa bị lỗi hoặc hỏng hoặc phương tiện khác, virus máy tính, hoặc mã máy tính gây hại hoặc không thể đọc được bởi thiết bị của bạn.

- 1.F.2. LIMITED WARRANTY, DISCLAIMER OF DAMAGES -Except for the "Right of Replacement or Refund" described in paragraph 1.F.3, the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, the owner of the Project Gutenberg™ trademark, and any other party distributing a Project Gutenberg™ electronic work under this agreement, disclaim all liability to you for damages, costs and expenses, including legal fees. YOU AGREE THAT YOU HAVE NO REMEDIES FOR NEGLIGENCE, STRICT LIABILITY, BREACH OF WARRANTY OR BREACH OF CONTRACT EXCEPT THOSE PROVIDED IN PARAGRAPH 1.F.3. YOU AGREE THAT THE FOUNDATION, THE TRADEMARK OWNER, AND ANY DISTRIBUTOR UNDER THIS AGREEMENT WILL NOT BE LIABLE TO YOU FOR ACTUAL, DIRECT, INDIRECT, CONSEQUENTIAL, PUNITIVE OR INCIDENTAL DAMAGES EVEN IF YOU GIVE NOTICE OF THE POSSIBILITY OF SUCH DAMAGE.
- 1.F.2. BẢO HÀNH HẠN CHẾ, TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM VỀ THIỆT HẠI Ngoại trừ "Quyền Đổi mới hoặc Hoàn tiền" được mô tả trong đoạn 1.F.3, Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg™, và bất kỳ bên nào phân phối một tác phẩm điện tử Project Gutenberg™ theo thỏa thuận này, miễn trừ mọi trách nhiệm đối với bạn về thiệt hại, chi phí và chi phí, bao gồm cả phí luật sư. BẠN ĐỒNG Ý RẰNG BẠN KHÔNG CÓ BIỆN PHÁP ĐỂ HỖ TRỢ CHO SAI LẦM, TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG, VI PHẠM BẢO HÀNH HOẶC VI PHAM HỢP ĐỒNG NGOAI TRỪ NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC QUY ĐỊNH

TRONG ĐOẠN 1.F.3. BẠN ĐỒNG Ý RẰNG QUỸ, CHỦ SỞ HỮU THƯƠNG HIỆU, VÀ BẮT KỲ NHÀ PHÂN PHỐI DƯỚI THỎA THUẬN NÀY SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI BẠN ĐỐI VỚI THIỆT HẠI THỰC SỰ, TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, HẬU QUẢ, TRỪNG PHẠT HOẶC NGẪU NHIÊN NGAY CẢ KHI BẠN THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG CỦA THIỆT HAI ĐÓ.

Professor Michael S. Hart was the originator of the Project GutenbergTM concept of a library of electronic works that could be freely shared with anyone. For forty years, he produced and distributed Project GutenbergTM eBooks with only a loose network of volunteer support.

Giáo sư Michael S. Hart là người sáng lập ra ý tưởng Project Gutenberg™ về một thư viện các tác phẩm điện tử có thể được chia sẻ miễn phí với bất kỳ ai. Trong bốn mươi năm, ông đã sản xuất và phân phối các eBook Project Gutenberg™ chỉ với một mạng lưới hỗ trợ tình nguyện viên thoáng qua.

Project Gutenberg[™] eBooks are often created from several printed editions, all of which are confirmed as not protected by copyright in the U.S. unless a copyright notice is included. Thus, we do not necessarily keep eBooks in compliance with any particular paper edition.

Các eBook Project Gutenberg™ thường được tạo ra từ một số phiên bản in, tất cả đều được xác nhận là không được bảo vệ bản quyền tại Hoa Kỳ trừ khi có thông báo bản quyền đi kèm. Do đó, chúng tôi không nhất thiết phải giữ các eBook tuân thủ với bất kỳ phiên bản in cụ thể nào.

Most people start at our website which has the main PG search facility: www.gutenberg.org.

Hầu hết mọi người bắt đầu tại trang web của chúng tôi có cơ sở dữ liệu tìm kiếm PG chính: www.gutenberg.org.

This website includes information about Project GutenbergTM, including how to make donations to the Project Gutenberg Literary Archive Foundation, how to help produce our new eBooks, and how to subscribe to our email newsletter to hear about new eBooks.

Trang web này bao gồm thông tin về Project Gutenberg™, bao gồm cách thức quyên góp cho Quỹ Lưu Trữ Văn Học Project Gutenberg, cách giúp sản xuất các eBook mới của chúng tôi, và cách đăng ký nhận bản tin qua email để biết về các eBook mới.